

Khởi Hành

TẠP CHÍ NHÂN ĐỊNH SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

THÀNH LẬP 1969 ■ BỘ MỚI ■ SỐ 31

Chủ Nhiệm Chủ Bút: VIÊN LINH

TUỆ SỸ

CÚNG DƯỜNG, GỐC TÙNG
SƯ THIÊN CHIẾU

VIÊN LINH

TUỆ SỸ, TÙ ĐÀY VÀ QUÊ NHÀ

LÂM CHƯƠNG

VIỄN THÁM

NGUYỄN TÀ CÚC

NHỮNG LẦN RANH VĂN HỌC

NG. PHƯƠNG TUẤN

ERNEST HEMINGWAY, VẤN ĐỀ DI CẢO



TUỆ SỸ

Tôi vẫn đợi những đêm xanh khắc khoải
Màu xanh xao trong tiếng khóc ven rừng
Trong bóng tối hận thù tha thiết mãi
Một vì sao bên khoé miệng rừng rừng

Tôi vẫn đợi những đêm đen lặng gió
Màu đen huyền ánh mắt tự ngàn xưa
Nhìn hun hút cho dài thêm Lịch Sử
Dài con sông tràn máu lệ Quê Cha...

TUỆ SỸ



NĂM THỨ III ■ SỐ 31 ■ THÁNG 5. 1999

Khởi Hành

NGUYỆT SAN SÁNG TÁC SINH HOẠT
NHẬN ĐỊNH VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
Sáng Lập: Anh Việt TRẦN VĂN TRỌNG



CHỦ NHIỆM CHỦ BÚT:
VIÊN LINH

THƯ TỬ LIÊN LẠC:
P.O. BOX 670
MIDWAY CITY, CA. 92655

TOÀ SOẠN:
5413 W. FIRST STREET #C
SANTA ANA, CALIF. 92703
TEL: (714) 554-1886
FAX: (714) 554-7086

ĐẠI DIỆN TẠI NGOẠI QUỐC:

PHÁP:

■ **Mme PHẠM THU HƯƠNG**
Nhà Xuất Bản AN TIÊM
3, RUE VINCENT VAN GOGH
95170 DEUIL - LA - BARRE,
FRANCE
TEL: 01-39-84-00-84

■ **Mme VŨ LAN PHƯƠNG**
ĐÀO VIÊN RESTAURANT
82 RUE BAUDRICOURT
75013 PARIS, METRO TOLBIAC
TEL: 01-45-85-20-70

Báo có đủ từ số 1 bày bán tại
Nhà Sách Nam Á, Quận 13
Nhà Sách Khai Trí, Quận 13

ĐỨC:

Mr. THẾ DŨNG
MELLEENSE STR. 43
10319 BERLIN, GERMANY
TEL: 49-30-512-29-74

■ Bài vở gửi báo khác đừng gửi cho Khởi Hành. Cần ghi rõ địa chỉ và số điện thoại. Nếu bài đã phổ biến, vui lòng ghi rõ đã đăng báo nào. Ngoài bản in, gửi kèm cho diskette, dạng DOC, ghi rõ nhu liệu sử dụng VNI, VNU, VPS...
■ Chủ bút Khởi Hành toàn quyền cắt bỏ, nhưng sẽ không thêm. Bài đăng trên Khởi Hành không nhất thiết biểu hiện chủ trương của tờ báo. ■ Muốn dùng bài đã đăng trên Khởi Hành, cần có sự đồng ý của Tác giả, hay Chủ nhiệm; tuyệt đối phải nói rõ trích từ Khởi Hành số mấy, tháng nào.

GIẢ BẢO

Giá \$3.50 mỹ kim một số
[Giá dài hạn: \$2.00 mỹ kim một số hay \$24 mỹ kim một năm nếu mua dài hạn tối thiểu một năm 12 số, toà báo chịu cước phí bưu điện].

[Ngoài Hoa Kỳ thêm \$2.00 mỹ kim một số cho cước phí bưu điện. Giá Nà Đại thêm \$1.00 mỹ kim một số].

Chi phiếu để Khởi Hành, gửi về:

Khởi Hành
P.O. BOX 670
MIDWAY CITY, CA 92655

CÁC NHÀ SÁCH CÓ BÁN KHỞI HÀNH

ONTARIO, CANADA

Trung Tâm THỜI MỚI I
1682 St. CLAIRE AVE

E. HAMILTON, CANADA

Trung Tâm THỜI MỚI II
186 KING STREET

MISSISSAUGA, CANADA

Trung Tâm THỜI MỚI III
55 Dundas St., E # 1

QUEBEC, CANADA

Trung tâm THỂ HỆ TRÉ
2657 Ontario Est, Quebec

MONTREAL, CANADA

Nhà sách TỰ DO
6767 Cote des Neiges # B 5

AUSTIN, TEXAS

MI VIDEO
8557 RESEARCH BLVD # 144

ARLINGTON, TEXAS

VIỆT NAM MUSIC
1818 E. PIONNER PKWY # 162

HOUSTON, TEXAS

NGÀY NAY BOOKSTORE
8200 WILDCREST suite 5

GARLAND, TEXAS

MỸ LINH BOOKSTORE
3518 W. WALNUT

DORCHESTER, MASSACHUSETTS

Á CHÂU BOOKSTORE
1429 C DORCHESTER AVE

FALLS CHURCH, VIRGINIA

MINH VÂN BOOKSTORE
2808 GRAHAM RD

LINCOLN, NEBRASKA

VINA MARKET
611 N. 27th ST. # 2

LINCOLN, NEBRASKA

VĨNH THỊNH
611 N. 27th ST # 6

SAN JOSE, CALIFORNIA

TỰ DO BOOKSTORE
1818 TULLY ROAD suite 158A

SAN DIEGO, CALIFORNIA

THÚY ANH BOOKSTORE
4745 EL CAJON BLVD suite 103

ORANGE COUNTY, CALIFORNIA

Nhà Sách TỰ QUỲNH
9581-83 Bolsa Ave

GARDEN GROVE, CA

Nhà Sách TỰ LỰC
Brookhurst Street

LITTLE SAIGON, CA

Nhà Sách VÂN KHOA
Trong khu Phúc Lộc Thọ

MINNEAPOLIS, MINNESOTA

Nhà sách SÀI GÒN
2750 Nicollet

SAINT PAUL, MINNESOTA

ĐÔNG PHƯƠNG THƯ QUÁN
422 UNIVERSITY AVE #suite 1

PHILADELPHIA, PENNSYLVANIA

THY HỒNG
575 ADAMS AVE

PORTLAND, OREGON

TRANG BOOKSTORE
8211 N.E. BRASEE suite # H

OKLAHOMA, OKLAHOMA

TUYẾT MAI BOOKSTORE
2622 CLASSEN BLVD

ORLANDO, FLORIDA

TIẾN HƯNG BOOKSTORE
1120 E COLONIAL DR

SACRAMENTO, CALIFORNIA

Thư Quán VÂN
6171 STOCKTON BLVD # 180

LOS ANGELES, CALIFORNIA

Nhà Sách THĂNG LONG
767 N. HILL ST suite 102

TACOMA, WA.

VÂN KHOA BOOKSTORE
721 S. 38th STREET

SEATTLE, WASHINGTON

NAM PHƯƠNG BOOKSTORE
1032 B S. JACKSON ST

SEATTLE, WASHINGTON

VINA BOOKSTORE
1017A S. JACKSON # G

ROSEMEAD, CALIFORNIA

BÍCH THU LINH
8150 E. GARVEY AVE, suite 112

SAN GABRIEL, CALIFORNIA

SAN GABRIEL SUPERSTORE
1635 S. SAN GABRIEL AVE

WESTMINSTER, CA

Nhà sách THIẾP HỒNG
9550 Bolsa Ave, góc Bushard

LITTLE SAIGON, CA

ZIP POST
Góc Dillon-Bolsa Ave

BALÉ, PHÁP

Nhà sách ĐIỂM PHƯƠNG
Quận 13

BA LÉ, PHÁP

Nhà Sách NAM Á
Quận 18

BA LÉ, PHÁP

Nhà sách KHAI TRÍ
Quận 13

thời sự văn nghệ

phụ trách: HỒ TÙNG NGHIỆP

XÂY MỘ MỚI CHO NHÀ VĂN LÊ VĂN TRƯỞNG

Nhà văn Lê Văn Trương, từ trần tại bệnh viện Đô Thành Sài Gòn vào đầu tháng 3.1964, trong cơ cực, và được an táng tại nghĩa trang Phú Thọ Hòa. Khi nghĩa trang này bị giải tỏa bởi nhà cầm quyền mới, người con gái của ông, kỹ sư Giáng Vân, từ Hà Nội vào, đã mang hài cốt cha về khu vườn nhà mình ở ấp 7, Thạnh Lộc, Hóc Môn. Mỗi đây một vài bằng hữu cũ, và cũng là độc giả ái mộ tác giả Một Trận Đồi, đã tặng ai nữ ông 1000 Phạt lạng để xây lại ngôi mộ cha.

Được biết ông sinh năm 1906 tại làng Đồng Nhân, ngoại thành Hà Nội, thời trai trẻ sống rất phong ba khắp Đông Dương, chủ trương sống hùng sống mạnh, cho nên đã có thời báo chí nói đến mẫu "người hùng" của Lê Văn Trương. Khi biết tin ông được đưa khẩn cấp vào bệnh viện Đô Thành, bốn nhà văn nhà thơ Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Thiếu Lang, Mặc Thu đã viết một Lời Kêu Gọi giúp đỡ Lê Văn Trương, đăng trên tờ Người Việt Tự Do vào ngày 27.2.1964. Nhưng quá muộn. Tác giả Ngựa Đã Thuần Rồi, Mời Ngài Lên đã ra đi ngay khi lời kêu gọi tới tay người đọc.

Lê Văn Trương để lại nhiều huyền thoại. Như từng đi buôn lặn bên Lào, thâu làm đường xe lửa Việt Nam - Lào, xung đột với nhóm Tự Lực Văn Đoàn, chủ trương thà lấy đi làm vợ, chứ không lấy vợ làm đi, v.v... Các tác phẩm nổi tiếng của ông là Người Anh Cả, Những Đồng Tiền Xiết Máu, Cô Tư Thung, Tôi Là Mẹ, Hai Dứa Bé Mỏ Côi, Dứa Con Hạnh Phúc, Hận Nghìn Đời... Mộ mới của ông được thiết kế bởi một kiến trúc sư hâm mộ. Trên mộ chí, đọc thấy: *Nhà văn Lê Văn Trương, 1906-1964, Một Trái Tim - Một Trần Đời.*

Phía Tự Lực Văn Đoàn hẳn tin là ông thua to trận này. Nhưng nhiều người, như Nguyễn Vỹ, Trương Tửu, hẳn cho là ông thắng lớn.

*Khởi Hành, Nguyệt San Văn Nghệ
Nhiều Tài Liệu Nhất.*

*Mỗi Số Báo Là Một Công Trình
Mỗi Bài Viết Là Một Chơn Lọc.*

KHÁNH THÀNH THƯ VIỆN LHQ TẠI VIỆT NAM

Mới đây, thư viện LHQ ở Việt Nam đã được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai bộ phận tư liệu của Chương trình Phát triển và của Quỹ Nhi đồng. Thư viện lưu trữ mọi ấn phẩm của các tổ chức thuộc hệ thống LHQ.

Thư viện bao gồm nhiều tài liệu về các vấn đề phát triển, tư liệu thống kê tình hình kinh tế-xã hội của Việt Nam và các nước khác trong khu vực, các văn bản pháp quy cũng như báo cáo của các dự án viện trợ, đồng thời, thư viện còn có rất nhiều các loại sách, tạp chí trong nước và quốc tế, băng hình.

Edouard A. Wattez, điều hợp viên thường trú LHQ tại Việt Nam tin rằng Thư viện LHQ sẽ là nơi duy nhất tại Việt Nam cung cấp thông tin về những vấn đề mà cán bộ chính phủ, các nhà tài trợ cũng như các nhà nghiên cứu hiện đang quan tâm trong lĩnh vực nghiên cứu phát triển.

Thư viện tọa lạc tại số 25-29 Phan Bội Châu, Hà Nội



Kissinger

KISSINGER RA SÁCH BIỆN MINH VỤ MẤT ĐÔNG DƯƠNG

Ông Henry Kissinger vừa cho ấn hành tập thứ ba cuốn hồi ký của ông, tựa đề: Những Năm Hồi Phục (Years of Renewal). Hai tập hồi ký trước kể lại thời gian 5 năm ông làm cố vấn an ninh

quốc gia và ngoại trưởng dưới thời Tổng thống Richard Nixon. Trong tập hồi ký mới nhất này, 1151 trang, do nhà xuất bản Simon & Schuster phát hành, ông Kissinger tường thuật tiếp những sự việc trong ba năm sau vụ Watergate, khi ông Gerald Ford lên làm Tổng thống, kế tục sự nghiệp dang dở của ông Nixon.

Trong số các ngoại trưởng Mỹ, ông Kissinger xem ra là người được khen nhiều mà bị chê bai chỉ trích cũng bẽ bộn. Người ta buộc cho ông đã sai lầm bất lực không điều đình được một giải pháp cho cuộc chiến ở Campuchia và do đó gián tiếp trách nhiệm về sự chiến thắng cùng những bạo tàn của Khmer Đỏ. Phe cấp tiến trách cứ ông đã không liệu trước được việc cắt giảm viện trợ quân sự cho miền Nam Việt Nam là đưa đất nước này đến sự sụp đổ toàn diện năm 1975. Ông Kissinger biện giải rằng kế hoạch cắt viện trợ cho Đông Dương không phải biểu thị một tinh thần vô trách nhiệm. Ông viết: "Chúng ta đã bị buộc phải từ bỏ giải pháp quân sự và thay thế vào đó bằng giải pháp chính trị ở đúng thời điểm mà những cơ sở có thể làm nền tảng cho sự thỏa hiệp chính trị đã hoàn toàn tan vỡ. Mất đi những cơ sở đó mà muốn đạt được một giải pháp chính trị thì phải có việc bàn thảo về những thể thức nhân nhượng, giảm thiểu một số đòi hỏi".

Nhưng trong tập Years of Renewal này không phải chỉ có những phần trần tình biện chính. Cuốn sách còn chứa đựng nhiều sự kiện, chứng liệu lịch sử quan trọng trong những năm ông Nixon rồi đến ông Ford làm Tổng thống. Độc giả có thể thích thú đọc nhiều trang ông viết về những cuộc đàm phán đầu tiên với Liên Bang Xô Viết trong chương trình tài giảm binh bị, vũ khí, những hoạt động khởi đầu mà về sau được gọi là tiến trình hòa bình ở Trung Đông; sự sụp đổ của sách lược Hoa Kỳ tại

Đông Dương năm 1975; những nỗ lực của Tổng thống Ai Cập Anwar-el-Sadat (1970 - 1981) nhằm thương thảo với Do Thái tiến tới hòa bình; việc Mao Trạch Đông lớn tiếng tố cáo chính sách Hoa Kỳ gồm một kế hoạch bá đạo xúi dục cho Liên Xô và Trung Quốc choảng nhau để sau đó Hoa Kỳ chỉ còn đối đầu với một nước chiến thắng nhưng đã bị hao tổn, suy yếu.

Và có lẽ không có câu chuyện nào vừa bi thảm gây xúc động, vừa hào hùng bằng một lá thư ngắn ông Kissinger trích dẫn trong phần ông giải thích về chính sách của Mỹ tại Campuchia. Đó là thư của thủ tướng Campuchia Sirik Matak đưa ra lời từ chối sự đề nghị giúp phương tiện di tản của nước Mỹ trước sức tấn công của quân đội Khmer Đỏ. Ông Sirik Matak viết một câu để đời: "Tất cả chúng ta được sinh ra, rồi đều phải chết. Tôi chỉ phạm vào một lầm lẫn là lỡ tin vào quý vị" ("We are born and must die, I have only committed this mistake of believing in you").

Không phải chỉ một ông Sirik Matak và Cao Mên tin ở Kissinger và Đồng Minh Mỹ rồi bỏ mạng, và Nước mất Tự Do. Chuyện tái diễn tại Miền Nam vào Tháng Tư, 1975. Ng.Ph.T

ANTIEM STUDIO VÀ THI PHẨM MỚI CỦA TRẦN QUỐC BÌNH

Sau khi Tập chí Khởi Hành giới thiệu thi phẩm ONG MẶT trên trang báo này, nhà thơ Trần Quốc Bình đã tới thăm tòa soạn và nhờ AnTiem Studio trình bày bìa cho tập thơ CUNG ĐÀN XƯA của anh, đã công bố vào tháng 11.1998. Cung Đàn Xưa gồm 100 bài thơ làm theo thể Đường Luật. Với đa sáng tác mới, nhà thơ Trần Quốc Bình đã hoàn tất bản thảo một thi phẩm chuyên biệt: CHÂN TRỜI CŨ, gồm toàn thơ làm theo thể Lục Bát.

Hơn một năm trước đây, một tạp chí của những người viết tề có mở cuộc phỏng vấn với câu hỏi chính: *Tại sao còn làm thơ có vần?* Bốn báo chủ nhiệm cũng nhận được câu hỏi này, song chưa kịp trả lời thì đã thấy bài trả lời của nhà thơ Tô Thùy Yên, cho nên thấy là không cần thiết nữa. Nhà thơ Tô Thùy Yên viết rất

vấn tất, đại ý nói: Trong Nghệ Thuật không có đường tắt.

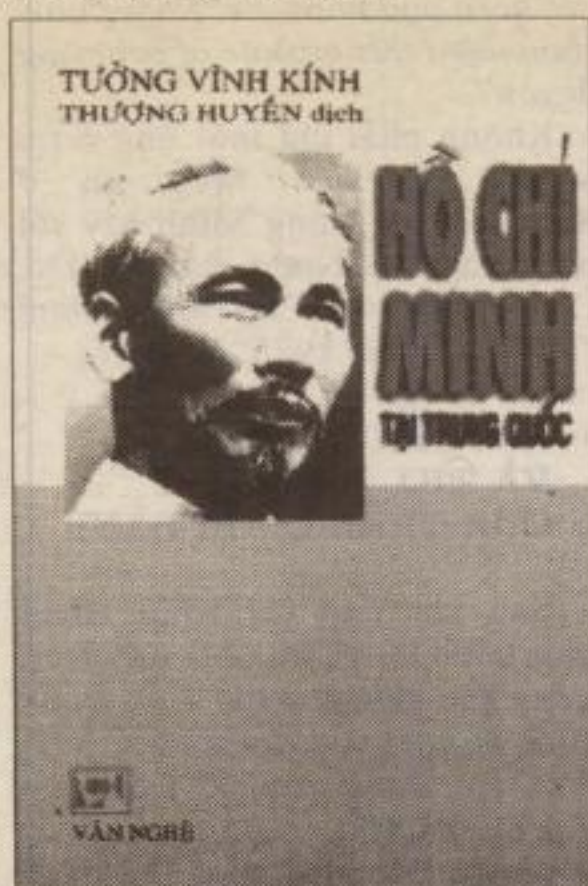
Một nhà thơ ngoại quốc mà chúng tôi quên tên- nói: "May mà người ta đặt ra luật lệ làm thơ, nếu không thế giới nhân nhân những thi hào".

Việc in một thi phẩm toàn thơ Lục Bát của nhà thơ Trần Quốc Bình trong lúc này là việc rất có ý nghĩa. Tây có câu cách ngôn: Làm lại từ số không. Câu này hoàn toàn đúng khi trước mặt chúng ta là một mớ hỗn độn, cần quét dọn cho sạch sẽ, và khởi sự lại. Khi không còn vườn hoang, thì cỏ dại không thể mọc được nữa. Tập CHÂN TRỜI CŨ mở đầu bằng hai câu ca dao, và kết thúc cũng bằng hai câu ca dao:

Chim bay về núi tối rồi

Sao không lo liệu còn ngôi chi đây?

Trong một kỳ tới, Khởi Hành sẽ giới thiệu kỹ hơn về CHÂN TRỜI CŨ và Thơ Lục Bát Trần Quốc Bình. An Tiêm Studio, -xin dừng lăm với Nhà xuất bản An Tiêm của nhà thơ Thanh Tuệ-, là một nhánh hoạt động của Khởi Hành, chuyên về kỹ thuật ấn loát. Sau VIỆT SỬ SIÊU LINH của nhà thơ Lưu Văn Vịnh, sau thi phẩm Trần Quốc Bình, An Tiêm Studio sẽ in tiếp Thi phẩm đầu tay của nhà thơ Tâm Huyền tại Gia Nã Đại và thi phẩm TƯỜNG CA của nhà thơ Bùi Ngọc Tuấn ở Minnesota, kế tiếp bởi thi phẩm THIẾU THẤT của Viên Linh. Mọi liên lạc xin gọi (714) 554-1886, FAX: (714) 554-7086.



HỒ CHÍ MINH TẠI TRUNG QUỐC

Đó là nhan đề ngoài bìa cuốn sách của Tường Vinh Kính, do Thưởng Huyền dịch, Văn Nghệ xuất bản. Bên trong, nhan đề đầy đủ có thêm một dòng nhỏ: (Một kẻ ngụy trang chủ nghĩa dân tộc Việt Nam).

Qua Lời Nói Đầu của cuốn sách, do tác giả Tường Vinh Kính viết ở Đài Loan, người đọc được biết sách viết từ năm 1960. Tác giả lược kê 5 giai đoạn của họ Hồ ở Hoa lục, như sau:

1. 1924-1927: ở Vũ Hán, với bốn giả danh Lí Thụy, Vương Sơn Nhi, Vương Đạt Nhân, Lão Vương.

2. 1930-1933: Thượng Hải, Hương Cảng, Hạ Môn, giả danh Lão Vương, Tống Văn Sơ. Bị bắt rồi ra tên Nguyễn Ái Quốc.

3. 1938-1941: Diên An, Quế Lâm, Trùng Khánh, Côn Minh, giả danh P.C. Lin, Hồ Quang, Lão Trần, Hồ Chí Minh, Hoàng Quốc Tuấn.

4. 1942-1944: Liễu Châu, Tĩnh Tây, dùng tên Hồ Chí Minh.

5. 1944-1945: Côn Minh, biên giới Hoa-Việt, giả danh Hồ Chí Minh, Lão Trần, Thu Đại Gia.

Sách dùng rất nhiều tài liệu dẫn chứng, rất hữu ích cho việc tìm hiểu một kẻ giả danh liên tục trong cuộc đời, để đạt tới đỉnh cao quyền lực. Và chứng minh, trước sau, Hồ Chí Minh là một đảng viên cộng sản quốc tế giả danh dân tộc.

Sách dày 376 trang, giá bán 18 mỹ kim.

LỊCH SỬ BÁO CHÍ VIỆT NAM CỦA ĐẶNG VĂN NHÂM

Lịch Sử Báo Chí Việt Nam, dày gần 700 trang, là tác phẩm mới nhất của nhà báo Đặng Văn Nhâm, sau cuốn sách đang bán rất chạy là Bí Mật Hậu Trường Chính Trị Miền Nam, 1954-1975.

Cuốn sách, với tiêu đề: Từ Khởi Thủy đến Hiện Đại (1861-1999), có những chương mục như sau:

—Tổng Quan: Vấn đề Văn tự, Chữ Quốc ngữ và Pétrus Ký, Sự Hình thành Báo chí VN, Quá trình Phát triển.

—Giai Đoạn Đầu: Báo chí thời Pháp thuộc (1861-1945). Phần này kéo dài từ trang 22 tới trang 261, trong đó tác giả viết về báo Pháp ngữ đầu tiên ở Nam kỳ, Bắc kỳ, báo quốc ngữ đầu tiên ở Nam kỳ, Bắc kỳ, Báo quốc ngữ thời Đông kinh Nghĩ thực, thời Thế chiến thứ nhất 1914-1918, và kế tiếp.

Trong phần này, nhà báo Đặng Văn Nhâm, viết khá chi tiết về các tờ báo lớn chủ trương bởi Phạm Quỳnh, Tân Đà, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn An Ninh, Phan Khôi.

—Giai Đoạn Hai: Báo chí Việt Nam thời 1945-1954.

—Giai Đoạn Ba: Từ 1954, có hai phần: ở Miền Bắc, và ở Miền Nam.

—Giai Đoạn Bốn: 1975-1999, có hai phần: trong nước và hải ngoại.

Tác giả Đặng Văn Nhâm sinh năm 1933 tại Hà Nội, nhưng tổ phụ người làng Hành Thiện, Nam Định. Theo tiểu sử ghi trong sách, ông dạy học từ năm 1953 tại các trường Vương Gia Cẩn, Les Lauriers, Bồ Đề, Nguyễn Bá Tông, Hưng Đạo...giáo sư, và là phụ tá Viện trưởng Viện Đại học



Hòa Hảo. Làm báo từ 1952 trên tờ Đời Mới của ký giả Trần Văn Ân, và kế tiếp trên các nhật báo Việt Thanh, Ánh Sáng, Buổi Sáng. Năm 1964 ông là chủ nhiệm nhật báo TIỀN tại Sài Gòn, Tổng thư ký Hội Chủ Báo Việt Nam. Hội viên Văn Bút Việt Nam năm 1957, được bầu Chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại qua Đại hội họp tại Santa Ana năm 1997. Ông hiện sinh sống tại Đan Mạch, được tuyển dụng làm thông dịch viên hữu thế (tiếng Đan Mạch) tại Nha Ngoại Kiều và phụ khảo phân khoa Thông Dịch Ngoại ngữ tại trường Quốc gia Cao Đẳng Thương mại Đan Mạch. Ông là tác giả các cuốn Đan Việt Đại Tự Điển, 1446 trang, Việt Đan, 1300 trang, và Đan Việt Y khoa Tự Điển.

Gần nửa thế kỷ làm báo, trải qua những biến đau khổ, Đặng Văn Nhâm có lối điều tra riêng, và lối viết sát phạt, với tâm niệm là phơi bày sự thật bằng mọi giá.

Đọc LỊCH SỬ BÁO CHÍ VIỆT NAM của Đặng Văn Nhâm, độc giả sẽ thấy những sự thật mà tác giả cho biết đã làm ông phần nộ và nôn mửa, về những người dùng tờ báo như khí giới khủng bố để lấy quảng cáo từ các chủ tiệm nhất gan, trả thù người khác, vu khống man trá, bôi bẩn người lương thiện như đang xảy ra trong làng báo hải ngoại (mà ký giả Đặng Văn Nhâm viết đích danh). Đây là một tập hồ sơ về báo chí và nhân sự liên hệ, hữu ích cho người đương thời, và thế hệ mai sau, khi nhìn vào nội tình băng hoại và nhơ nhớp của một số người lợi dụng báo chí làm những việc vô lương.

LỐI KHÁC THI PHẨM CỦA HÀ NGUYỄN DU

Lối Khác, thi phẩm Hà Nguyễn Du, là một tập thơ dày gần 180 trang, do Tân Thư xuất bản, với bìa 4 màu của họa sĩ Khánh Trường và nhạc phổ của Vũ Thành An, Trần Duy Đức,

Ngô Văn Tín, Hoàng Linh Duy và nhất là Đỗ Lễ. Đỗ Lễ phổ tới 6 bài, Trần Duy Đức 5 bài.

Giới thiệu thơ Hà Nguyễn Du không gì bằng trích dẫn lời tựa do thi sĩ Du Tử Lê viết, một lời tựa vô cùng thích ứng với tác phẩm Lối Khác, và biểu dương sự đồng điệu giữa hai tâm hồn, hai tài năng:

"Cho tới ngày hôm nay, tôi có hai ghi nhận, đáng kể nhất, về một người làm thơ, mang tên Hà Nguyễn Du.

"Thư nhất: tâm lòng của anh chọn ở, thủy chung với thi ca. Và, anh đã ở được, như thiên nhiên, ở với địa cầu, như địa cầu ở với vũ trụ.

"Thư nhì: thật, xương thi ca mang tên Hà Nguyễn Du, trong những năm, tháng gần đây, đã là một thịt, xương khác... Tôi muốn gọi đó là sự hóa thân kỳ diệu của một con ngài, để trở thành cánh bướm...Mặc dù, ánh sáng, màu sắc, hình tượng mở ra lần thứ nhất, đôi khi đã làm/ choáng mất/ choáng vảng nơi cảm, nhận của họ Hà. Nhưng, vòm cao, sẽ là nơi cánh bướm bay lên, chân trời, sẽ là nơi họ Hà đi tới...Cảm ơn người bạn thơ của tôi; cảm ơn người tình chung thủy của thi ca, đã cho văn học Việt Nam, niềm hy vọng vạm vỡ và, tươi mát ấy".

Cảm ơn hai thi sĩ Du Tử Lê, và, Hà Nguyễn Du.



Lối Khác bán với giá 12 mỹ kim. Liên lạc qua P.O. Box 277, Garden Grove, CA. 92842. Điện thoại: (714) 265-1394.

MỘT TAY ẢNH V.N. ĐOẠT GIẢI PULITZER NHỚ HÌNH BÀ TRIPP

Giải Báo Chí Pulitzer năm nay đã được công bố hôm thứ hai tại Nữ Ước, trong đó Giải cao quý nhất Báo chí Phục vụ Cộng đồng- đã được trao cho tờ The Washington Post nhờ loạt điều tra phóng sự về sự bạo hành của Cảnh sát với cây súng thiếu kỷ luật của họ, có nhan đề "Deadly Force: An Investigation of D.C. Police Shootings". Giải Phục vụ Cộng đồng bao giờ cũng được

loan báo đầu bằng trong đêm Phát giải. Pulitzer là Giải Oscar của giới Báo-Chí Mỹ.

Ba cơ sở báo chí đoạt nhiều giải nhất, mỗi báo 2 giải, là The New York Times, Wall Street Journal và hãng AP, viết tắt của chữ Associated Press. Đây là lần thứ hai một hãng tin đoạt luôn hai giải Nhiếp ảnh, vợ trọn giải ảnh xuất sắc. Bộ hình đầu tiên, 20 tấm, thực hiện bởi 15 phóng viên, trong có Khuê Bùi. Đây là bộ hình về xì căng đan Clinton-Lewinsky, kể cả thời gian Quốc hội điều trần truất phế, trong có ba tấm điển hình: tấm chụp ông Clinton ưu tư bên những hàng cột của tòa Bạch Ốc của Scott Applewhite, tấm hình thách thức của bà Linda Tripp của Khuê Bùi, và tấm hình cô Lewinsky của Dan Loh. Đó là ba tấm hình được nhấn mạnh về ba nhân vật chính. Lần đầu cũng AP đoạt giải cả hai loại hình, là năm 1974.

Trong bữa tiệc liên hoan ngay sau đó, bà Sandra K. Johnson, văn phòng trưởng AP ở Hoa Thịnh Đốn nói rằng "các phóng viên này đã làm việc hơn một năm trong thời gian vụ xì căng đan xảy ra, 5 giờ sáng đã chực ở cửa nhà các nhân vật liên hệ, và không một ngày nào không chực ở nhà ông Ken Starr. Việc làm của họ đã được thưởng công". Những tấm hình trong bộ đoạt giải cho AP thực hiện bởi 9 nhiếp ảnh gia ở Hoa Thịnh Đốn và 5 người khác ở Baltimore và một số ở các nơi khác. Trong bản tin của AP trên Internet, tên của Khuê Bùi được nhắc đến trước nhất. Tấm hình bà Linda Tripp của Khuê đã được nhiều báo dùng đi dùng lại.

Giải hình ảnh thứ hai AP đoạt được là bộ ảnh chụp hai Tòa Đại sứ Mỹ ở Phi châu bị đánh bom, một ở Tanzania và một ở Kenya. Tổng cộng từ ngày thành lập, AP đã đoạt 45 giải Pulitzer trong đó 27 giải về nhiếp ảnh. Giải Pulitzer được trao hàng năm bởi Đại học Columbia, có tiền mặt là 5000 mỹ kim cho người trúng giải, riêng tờ báo được trao một mề đay vàng. Giải Phục vụ Cộng đồng không có tiền, nhưng là giải cao nhất.

**Mời bạn đọc tham dự
mục mới của Khởi Hành:
NƠI TÔI ĐANG SỐNG**

**Hãy viết về thành phố
nơi bạn đang ở; hãy viết
về bằng hữu tinh thần
bạn đang có; hãy viết về
nơi chốn lưu vong...
quê hương bỏ lại và
gửi cho Khởi Hành.**



Một cảnh trong phim Ba Mùa

Zoe Bùi trong vai Lan

Tony Bùi



TONY BÙI VÀ PHIM *THREE SEASONS*: BA MÙA MỘT CHÂN DUNG VIỆT NAM

Vào thứ sáu 30 tháng 4, cuốn phim Ba Mùa của Tony Bùi được khởi chiếu tại Los Angeles, và vào 7 tháng 5, tại Quận Cam. Sau đó phim có thể được chiếu nhiều nơi trên nước Mỹ.

Tony Bùi là người Mỹ gốc Việt đầu tiên đã thực hiện một cuốn phim Mỹ ở Việt Nam từ sau 1975. Đây cũng là cuốn phim đầu tiên của một đạo diễn gốc Việt Nam được nhận chiếu rộng rãi ở Hoa Kỳ.

Tony lớn lên ở thung lũng Sunnyvale, vùng San José, không hề nghĩ anh là một thành phần của cộng đồng người Việt; dĩ nhiên, anh biết mình sinh ra ở Việt Nam, và lúc 2 tuổi được cha mẹ mang sang Hoa Kỳ, đó là vào năm 1975. Sunnyvale hồi đó không đông đảo người Việt như bây giờ. Những gì về Việt Nam

anh biết là quanh những món ăn.

Trong cuộc nói chuyện với một ký giả điện ảnh Mỹ ở một khách sạn vùng Beverly Hills, Tony nói rằng anh đã không hề thực sự biết đến có một cộng đồng Việt Nam, mà cũng thật sự đã không cần thiết phải biết đến một cộng đồng Việt Nam. "Tôi nghĩ rằng giá như sống ở Quận Cam, tôi sẽ nhiều phần lưu tâm hơn. Những người Việt duy nhất mà tôi biết là ở San Jose; nơi chúng tôi thường tới ăn uống. Sự hiểu biết của tôi về Việt Nam hoàn toàn quanh chuyện thực phẩm".

Tony và các anh chị em của anh còn đi xa hơn nữa bằng cách từng giả vợ không hiểu tiếng Việt khi cha mẹ họ nói chuyện ở nhà. Bây giờ thì đã khá hơn. Phim Ba Mùa đã được chiếu

trước cho một số nhân sự trong cộng đồng Việt Nam tại Little Saigon. Việc này, như Tony hy vọng, chỉ là trong ý hướng công bằng với Văn hóa Việt Nam, dù Văn hóa ấy phát triển ở đâu.

Những thay đổi trong Tony xảy đến khi anh 19 tuổi, nghe lời mẹ về Việt Nam thăm ông bà, những người đã ở tuổi già có thể ra đi bất cứ lúc nào.

Tony kể: "Từ khi máy bay đáp xuống là tôi ghét tất cả những gì tôi trải qua. Tôi chỉ ở Việt Nam hai tuần lễ, và đó là hai tuần lễ khó chịu nhất, phiền bức nhất. Ngay khi cửa máy bay mở ra, cái nóng Sài Gòn lùa vào và tôi phải kêu trời. Tôi sụt 10 cân Anh vì không ăn gì được. Tôi ở trong một ngôi nhà không có điện, và không có nước máy. Thật là một kinh nghiệm cực nhọc để đi thăm

một nước thuộc thế giới thứ ba". [Chỗ này Tony nói sai. Việt Nam không phải nước thuộc khối thứ ba].

Sau đó Tony Bùi kể cho ký giả Henry Sheehan của tờ The O.C. Register hay rằng khi trở lại Hoa Kỳ, anh đã khóc khi máy bay đáp xuống phi trường. Sáng hôm sau thức dậy, anh nghe âm thanh Việt Nam xung quanh. Tiếng xe gắn máy, tiếng rao hàng của phụ nữ. Anh không hiểu được vì anh từng muốn rời Việt Nam cho nhanh. Thế nhưng ngay kỳ nghỉ sau đó, Tony Bùi về lại Việt Nam và ở lại ba tháng rưỡi. Anh kể về chuyến trở lại này:

"Tất cả những gì tôi ghét trong lần về thứ nhất, thì lần này tôi lại đón nhận. Cái nóng cái ẩm của thời tiết. Bụi. Đám đông. Kẹt xe. Tôi yêu sự khác biệt. Tôi yêu không khí, đáng vẻ, âm thanh. Ngay cả cái nóng Saigon. Phải cần nhiều thời gian người ta mới có thể có tình yêu đó".

Sau này Tony Bùi nhận ra rằng sự thay đổi nơi anh không phải là sự điều chỉnh một thái độ, mà là sự chuyển hóa của nhận thức. Là một sinh viên học về Điện ảnh ở Đại học Loyola Marymount, Tony đã làm một phim ngắn kiểu hoạt động anh chị mà anh cho rằng anh bị ảnh hưởng của Quentin Tarantino và John Woo. Thế nhưng sau hai chuyến về thăm Quê mẹ, anh bắt đầu nghiên cứu kỹ hơn về ngành điện ảnh xã hội và con người.

Sự thay đổi một triết lý của Tony Bùi, với các chuyến thăm Việt Nam, sẽ cho người ta thấy không có gì ngạc nhiên khi anh làm phim Three Seasons.

Ba Mùa là tổng hợp của ba biến chuyển trong cùng một chân dung. Một, đó là chuyện một phụ nữ miền quê tới làm việc tại một trang trại trồng hoa sen trắng, mang hoa ấy đi bán, và trở thành bạn với ông chủ, là một thi sĩ bị bệnh cùi.

Hai, một chàng đạp xích lô bụi đời, cứng cựa, nhưng trở thành mềm lòng ngoan ngoãn với một người khách thường xuyên: cô gái điếm mà chàng chờ "đi làm".

Ba, một cựu chiến binh Hoa Kỳ (do tài tử Mỹ tên tuổi duy nhất của cuốn phim là Harvey Keitel đóng) trở lại Saigon kiếm cò con gái ông cố với một chị em ta, và gặp gỡ một ranh con sành sỏi của đường phố Saigon.

Trong ba mùa này, mùa hoa sen là đoạn phim khó thực hiện nhất. Nhưng lại là đoạn quan trọng nhất của cả cuốn phim. "Chuyện này tôi nghe mẹ tôi kể mà biết. Bà kể rằng ngày xưa có những phụ nữ tới vườn hoa, mua hoa của chủ vườn, gánh hoa ra phố phường bán. Hiện nay không còn chuyện đó nữa. Người ta bán hoa nhựa ở khắp mọi nơi. Tôi làm đoạn phim này để tuyên dương một truyền thống cũ".

Để làm phim này, Tony Bùi kể



photo trương tuần

Nữ diễn viên Zoe Bùi, đạo diễn Tony Bùi, bốn báo chủ nhiệm và đồng tác giả phân cảnh truyện phim Timothy Bùi của Ba Mùa.



KỶ NIỆM 50 NĂM NATO, ĐẢNG CS TÀU VÀ ĐOÀN VŨ HÀI THÀNH PHỐ NỮ ƯỚC

Tháng 4.1999 có hai tổ chức cùng kỷ niệm 50 năm thành lập, đó là NATO, Liên minh Phòng Vệ Bắc Đại Tây Dương, và Đoàn Vũ Hài New York City Ballet. Cuối năm nay, một tổ chức khác quan trọng không kém cũng kỷ niệm 50 năm thành lập, đó là Đảng Cộng Sản Trung Quốc. Đoàn Vũ Hài Thành Phố Nữ Ước từng nổi tiếng với các nhạc cảnh Swan Lake (Hồ Thiên Nga), A Midsummer Night's Dream (Giấc Mơ Đêm Hè). Hình trên là hai vũ công của đoàn in trên tấm bích chương quảng cáo cho Các chương trình Mùa Xuân 1999.

lại:

"Trước hết chúng tôi đi tìm một cái hồ, đào cho nó rộng ra, rồi trồng hoa sen trong hồ. Giữa hồ, chúng tôi dựng lên một ngôi chùa. Điều trở trêu là trong vùng đó, chúng tôi không trồng được hoa sen trắng, chỉ trồng được hoa sen đỏ. Chúng tôi xây xong ngôi chùa, trồng đầy sen, và ba bốn ngày trước khi quay phim, chúng tôi cho người tới cắt đi tất cả những bông hoa đỏ, có tới vài ngàn bông, và thay vào đó bằng những cánh hoa sen trắng."

Mặc dù nói rằng đây không phải là một phim chính trị, Tony thừa thông minh để hiểu rằng cộng đồng người Mỹ gốc Việt sẽ mang một ý nghĩa chính trị vào cuốn phim. Anh nói đến trường hợp phim Mùi Dư Dư Xanh của Trần Anh Hùng ở Pháp, cuốn phim bị cộng đồng Việt Nam ở Quận Cam chỉ trích, không phải nó có ý nghĩa chính trị gì - nó không hề có ý nghĩa chính trị - mà vì nó được sự cộng tác của nhà cầm quyền Việt Nam.

Chuyện Mùi Dư Dư Xanh xảy ra năm 1994. Thời gian Tony quay Ba Mùa, sau đó ít năm, thời gian này đã có nhiều người Việt Nam về thăm quê hương, không khí bớt căng thẳng. "Tôi ý thức rằng có thể có những bất đồng, nhưng để làm một phim ở Việt Nam, không thể không làm việc với chính quyền Việt Nam".

Tony Bùi trình chuyện phim cho giới chức có thẩm quyền Việt Nam. Họ muốn Tony giải nghĩa cho rõ ràng những diễn hình. Đáng kể nhất là chuyện về cô gái điếm và chàng xích lô. Họ biết thừa chuyện gái điếm ở Việt Nam, họ chỉ không muốn dùng những cảnh đó để nói về nạn gái điếm, mà biểu tượng của nó như thế nào, hướng đến cái gì. Đó cũng là ý của Tony. Anh không nói đến cô gái điếm để nói đến nghề điếm. Cuốn phim được trôi chảy trong chiều hướng đó.

HÀ NỘI CÓ 400, SÀI GÒN CÓ 2000 TIỆM CẦM ĐỒ.

Theo tin Pháp Tấn Xã từ Hà Nội ngày 25.4, thì nhà cầm quyền ở đây vừa cảnh cáo các tiệm cầm đồ chính là nơi xúi bẩy cho nạn trộm cắp gia tăng. Tiệm cầm đồ từ lâu là ngành hoạt động bị cấm đoán, tuy nhiên trong thời gian gần đây đã tái xuất hiện, khá ào ạt, nhất là tại các thành phố lớn.

Theo cảnh sát viên Nguyễn Trọng Thanh thuộc quận Thanh Trì ở Hà Nội thì thủ đô nước Việt Nam, tuy rất nhỏ hẹp, đã có 400 tiệm cầm đồ đang hoạt động, trong số này chỉ có 276 tiệm có giấy phép. Số còn lại tự ý mở cửa không khai báo.

Theo nguồn tin cảnh sát, thành phố mang tên Bác có hơn 2000 tiệm cầm đồ.

DI CHỈ NHÂN LOẠI TỪ 2.5 TRIỆU NĂM Ở PHI CHÂU

Cái danh sách dài về tổ tiên con người vừa có thêm một thành viên mới. Đây là thành viên cổ xưa nhất biết dùng dụng cụ bằng đá để cắt thịt khoảng 2.5 triệu năm trước ở Phi châu.

Khám phá bất ngờ này đã khiến các nhà nghiên cứu phải đặt cho thành viên mới cái tên "garhi", theo ngôn ngữ của vùng sa mạc Afar ở Ethiopia có nghĩa là điều ngạc nhiên.

Đây là hậu duệ của một loài đã sản sinh ra bộ xương Lucy nổi tiếng trước đây ở miền Đông Phi châu. Loài vượn có dạng người mới khám phá ra là một ứng viên của tổ tiên loài người, các nhà nghiên cứu đã cho biết như thế trong số vừa mới phát hành của tờ *Science*.

Nhà nhân chủng học Tim White của Đại Học Berkeley nói loài mới khám phá này có thể trở thành mắt xích nối kết giữa con người homo sapiens và giống có mặt trước đó là Australopithecus (người vượn phương Nam).

Giống mới khám phá được đặt tên là Australopithecus garhi. Giống vượn người này có đặc điểm là răng lớn, mặt chĩa ra phía trước, giống với bộ xương Lucy, sinh sống cách đây 3.2 triệu năm và thuộc giống có tên Australopithecus afarensis, có hai cánh tay dài hơn so với hai chân.

Cho đến khi giống Homo erectus (người đứng thẳng) xuất hiện cách nay 1.7 triệu năm, chân trở nên dài ra và có dạng người hơn, trong khi cánh tay ngắn lại.

Căn cứ vào hình dạng của tay và chân, giống garhi đứng vào chặng phát triển ở giữa hai giống trên với chân dài hơn, giống người hơn nhưng tay chưa ngắn lại.

Cái xương sọ tìm thấy thuộc nam giới với thể khối sọ nhỏ và xương hàm nhô ra phía trước. Xương tay và chân của cá nhân được tìm thấy có thể cao 4.7 bộ Anh theo như White cho biết.

Xương của loài sơn dương và của các thú vật khác tìm thấy gần xương garhi cho thấy nhiều vết cắt, có lẽ đây là bằng chứng xa xưa nhất của dụng cụ con người dùng để cắt thịt thú vật.

White nói "Bỗng nhiên ở đây xuất hiện một giống vật di hai chân hoàn toàn khác biệt. Chúng ta nay biết được qua bằng chứng hiển nhiên là con người sơ khai đã biết xẻ thịt và có hiểu biết rằng tủy xương là một nguồn thực phẩm có giá trị."

Sự hiện diện của dụng cụ và xương cùng một chỗ "không chứng minh được cá nhân này là sở hữu chủ của dụng cụ đá, nhưng đây là bằng chứng khá mạnh mẽ."



CHƯƠNG TRÌNH SOẠN GIẢ VĨ ĐẠI TRÊN ĐÀI PBS

Trong tháng 4.1999, Đài PBS trình chiếu một chương trình liên tục trong nhiều ngày, về sáu nhà soạn nhạc danh tiếng lẫy lừng thế giới, nếu bạn không tự hỏi Mahler là ai? Năm người kia là Mozart, Wagner, Tchaikovsky, Puccini và Beethoven. Vào 40 năm trước, nhạc trưởng Leonard Bernstein với dàn nhạc New York Philharmonic đã tổ chức một cuộc hòa tấu giới thiệu nhà soạn nhạc trẻ với nhan đề "Who is Gustav Mahler?" Nhạc sĩ này, với bản Song of the Earth, được coi là bản giả tử Nền Âm Nhạc Lãng Mạn Đức. Có 16 người nói về 6 nhạc sĩ này. Chương trình này có tên Các Nhà Soạn Nhạc Vĩ Đại. Ngoài nhạc của họ, phần dẫn giải sẽ hấp dẫn với các chi tiết về cuộc đời mỗi người. Như cái chết của Tchaikovsky có phải do tự tử không? Puccini ưa khoe khoang ra sao? Wagner không ưa Do Thái... Bị phê bình là phổ thông quá, song chương trình này được làm cho TV, nhằm vào khán giả TV, không thể đòi hỏi hơn. Từ trái qua phải của băng hình: Mozart, Wagner, Tchaikovsky, Puccini, Mahler và Beethoven.

Các dấu cắt cho thấy thịt được lóc ra khỏi xương và xương bị đập bể ra ở cả hai đầu chứng tỏ rằng đã có nỗ lực khai thác tủy trong xương, một thực phẩm mới của loài người sơ khai, theo như một bài viết của Jean de Heinzelin thuộc viện Royal Belgian Institute of Science và của J. Desmond Clark thuộc Đại Học Berkeley, cả hai đều trong nhóm do White dẫn đầu.

Các nhà khoa học tường trình là trong vùng ngày nay là sa mạc, cách đây 2.5 triệu năm là vùng có hồ nước cạn, vây quanh là những cánh đồng cỏ. Tuy nhiên điều không được rõ là giống người garhi có thật sự đi săn thú hay chỉ khai thác các thú vật đã chết sẵn quanh hồ.

NƯỚC NHẬT SÔI NỔI: NHẬT ĂN THỊT BÒ TẠO SINH TỪ 1995

Hôm thứ hai 26 tháng 4., giới chức Nhật Bản loan báo rằng hai con bê đã được tạo sinh từ các tế bào lấy trong sữa của một con bò Holstein, và đây là lần đầu tiên một sự tạo sinh như vậy đã xảy ra trên thế giới.

Bản tin của Pháp Tấn Xã loan rằng có ba noãn bào đã được tạo dựng từ sữa của con bò Holstein, và cấy vào ba con bò mẹ, song một cái đã chết. Hai con bê được sinh ra một vào ngày 20 tháng 4, một vào ngày hôm sau.

Theo tin này, các nhà khoa học tại Trung tâm Tomakomai thuộc phía Bắc Nhật Bản đã trích lấy từ trong sữa của một con bò Holstein khi nó sinh con vào tháng 5 năm 1998, những tế bào cần thiết và sau đó cấy vào những noãn bào, nuôi hai tháng, và đặt những noãn bào này vào tử cung của những con bò mẹ nuôi.

Kỹ thuật này mở đường cho việc tạo sinh mà không hại gì tới những con vật sinh sản và giảm thiểu việc nhiễm trùng. Phòng thí nghiệm Tomakomai là một phần của tổ hợp Sản xuất Sữa Snow Brand Milk Products.

Vấn đề tạo sinh rất sôi nổi tại Nhật Bản.

Hôm thứ sáu, một bản tin khác thường đã được Bộ Canh Nông, Lâm hải sản Nhật Bản phổ biến, trong đó viết rằng người Nhật đang ăn thịt bò từ những con bò tạo sinh, và uống sữa từ 4 con khác sản xuất, từng bày bán ngoài chợ.

Hai ngày trước đó, màn ảnh truyền hình chiếu hình Bộ trưởng Canh Nông Nhật, Shoichi Nakagawa, ăn thịt bò trước ông kính quay phim, và cho biết đó là thịt bò tạo sinh. Khúc phim này nhằm trấn an dân Nhật rằng thịt bò tạo sinh không có gì nguy hiểm cả.

Lối tạo sinh của Nhật Bản khác với lối tạo sinh từ con cừu Dolly mà cả thế giới đã nghe tiếng. Tin tức cho biết từ 1990

đến tháng 3.1999, có cả thấy 461 con bò được tạo sinh từ phòng thí nghiệm, để chế tạo thịt bò. Trong số này, 144 con đã được giết thịt, và thịt bò ấy đã bán tại các chợ.

Một trại chủ Nhật bản hồi đầu tháng thứ nhận ông ta đã cho chở ra khỏi trại 7 con bò tạo sinh, và ông ta nghĩ rằng thịt của chúng đã nằm trên bàn ăn lâu rồi. Tin này do một viên chức Bộ Canh Nông Nhật Bản tiết lộ. Viên chức này hóm hỉnh nói rằng trại bò kia ở Nara, và thịt bò ấy nay hẳn đã tiêu hóa rồi.

Thời gian 7 con bò đó xuất trại là từ tháng năm 1995. Đã bốn năm trôi qua rồi, và không có gì xảy ra cả.

ĐÃ PHÁT HÀNH



THƠ ĐEN THƠ VỊNH



THÁI CUỒNG

CHIẾN CUỘC KOSOVO

Dân Kosovars có tội gì
Mà bày quân Serbs quyết tru di?
NATO giết địch, dùng phi đạn
Nhằm lộn, đưa dân đến "nhị tỳ"
Sợ chết, không đưa quân bộ tới
Muốn chơi, lại ngại "mã tà" truy
Nực cười chiến lược đồng minh nhĩ
Vừa "ấy" vừa run khéo chán ghê!

PHÁP LUÂN CÔNG LÀM KINH NGẠC THẾ GIỚI

Hôm chủ nhật 25 tháng 4, một cuộc biểu dương khí thế của hơn 10.000 người, lớn nhất từ sau cuộc biểu dương tại Thiên An Môn năm 1989, đã làm tê liệt Trung Nam Hải, phần đất quyền lực nhất ở Bắc Kinh.

Đám biểu tình hôm chủ nhật gồm thành viên của một Giáo phái đã được lệnh cấm hoạt động, đã tự giải tán sau khi các đại diện được hứa sẽ được Thủ tướng Chu Dung Cơ tiếp kiến.

Các thành viên này thuộc giáo phái Pháp Luân Công (Falungcong). Họ biểu tình từ sáng sớm cho đến đêm để phản đối việc Bắc Kinh bắt giữ 50 thành viên của họ trước đây. Họ cũng đòi được tiếp tục theo đuổi tín ngưỡng của họ. Một người cho biết tên vẫn tất là Trương, phát ngôn viên của giáo phái, nói rằng Chính quyền tin rằng họ là một đe dọa, cho nên đã bắt giữ một số người của họ một cách không chính đáng.

Tin cho biết tới khoảng quá nửa đêm, vài ngàn người đã rời Quảng trường Trung Nam Hải trên xe buýt của chính quyền cung cấp, để ra nhà ga trung ương. Những người này phần lớn là có tuổi, tỏ ra mệt mỏi sau 13 tiếng đồng hồ biểu tình, đã lên xe lửa trở về các vùng quê. Họ cho biết họ đồng ý ra về sau khi nhóm tổ chức được hứa sẽ được dẫn đi gặp Thủ tướng Chu Dung Cơ.

Một trong những người ra về cho biết một phái đoàn đại diện của họ đã được Thủ tướng Chu Dung Cơ tiếp tại ngay Trung Nam Hải. Họ xuất hiện tại quảng

trường từ lúc mờ sáng, đi hàng tám, và tới trưa thì đám người này đã dài 2 cây số, ngồi theo hướng tây bắc. Họ không mang biểu ngữ, cũng không hô hào, ít nói, ngồi tọa thiền trên mặt đường. Cảnh sát xuất hiện cách họ 20 thước, yêu cầu họ giải tán, song vô hiệu. Cuối cùng thì cảnh sát cũng ngồi xuống theo, trên lề đường.

Lý Hồng Chi, người thành lập giáo phái Pháp Luân Công, đã xuất ngoại, hiện đang ở Nữ Ước, từng bị báo chí cao cấp Đảng Cộng sản Trung Cộng chỉ trích. Tôn giáo này đã phối hợp Khí công với thuyết luân hồi nghiệp số của Phật giáo để biến thành một giáo phái riêng. Đây

là một chuyển động khiến giới quan sát bất ngờ, vì không từng nghĩ rằng sau vụ Thiên An Môn trong đó hàng ngàn sinh viên bị bắn chết, đúng 10 năm trước đây, lại có một tổ chức gây được một cuộc biểu tình lớn đến thế.

Trung Nam Hải là nơi Mao Trạch Đông từng cư ngụ. Hiện nay các cấp lãnh đạo Đảng và Nhà nước Trung Cộng nhiều người cư ngụ và làm việc tại đây. Vài tháng nữa, Trung Cộng sẽ tổ chức kỷ niệm 50 năm thành lập Đảng Cộng Sản.

MỸ LẬP BỘ CHỈ HUY ĐỐI PHÓ VỚI TẬN THẾ Y2K?

Trong tuần lễ giữa tháng tư có

Hơn 10.000 tín đồ Pháp Luân Công biểu tình im lặng tại Nam Trung Hải, Bắc Kinh



tin thành phố Nữ Ước đã bỏ ra 12 triệu mỹ kim để thiết lập một trung tâm chỉ huy bí mật, có thể chứa được 100 ông lớn của thành phố, trú ngụ và làm việc vào thời điểm giao thừa của năm 2000, hầu đối phó với những biến động bất ngờ có thể xảy ra do con bộ Y2K gây ra.

Tin chi tiết cho biết đây là một cao ốc 23 tầng, rộng 46.000 bộ vuông, gần Trung tâm Thương mại Thế giới thuộc quận Manhattan. Trung tâm này được xây phía trên mặt đất, như thế có thể tránh được nạn lụt, và cửa kính đạn bắn không bể. Vẫn theo tin này thì Thị trưởng Rudi Giuliani chỉ mới ra lệnh xây cất trung tâm này vào năm 1998. Nó có thể chống được khủng bố, chống cả thiên tai và trong tháng 2 vừa qua đã lần đầu tiên được sử dụng trong cơn bão tuyết bất ngờ trong vùng đông bắc.

Nữ Ước đã đi tiên phong xây trung tâm chỉ huy để phòng con bộ Y2K, song không phải là thành phố duy nhất. Được biết Ohio cũng đã xây xong rồi. Tháng trước các quan chức của thành phố Columbus loan báo rằng họ sẵn sàng dời bộ chỉ huy thành phố vào một trung tâm bí mật tọa lạc 8 dặm ngoài Columbus, xây cất xong tốn 13 triệu mỹ kim. Dù biến cố hay không, ngày 29 tháng 12.1999 tất cả các bộ giả thành phố sẽ dọn vào trong trung tâm này, tức trực ở đây 24/24 qua giao thừa, và cho tới khi nào cần thiết.

Tòa nhà bí mật này được bao quanh bằng giấy kẽm gai, có các phòng ngủ dưới hầm, có hệ thống cung cấp dưỡng khí, nước, và dự trữ sẵn thức ăn. Tiểu bang Ohio cho biết Tòa nhà sẽ được dùng làm trung tâm cứu trợ một khi có chuyện khẩn cấp xảy ra.

NGHỊCH TỬ

Trẻ nít Huê Kỳ dữ quá ta
Giết người như ngóe quả không ngoa.
Hiếp dâm bé gái còn hơi sữa
Bắn hạ thấy cô lẫn mẹ cha.
Đạo đức học đường như bãi bỏ
Gia đình luân lý cũng cho qua.
Dục tình ích kỷ không kiểm chế
Thủ tính trong người dễ phóng ra.

NHỮNG KẺ TRỞ CỜ

Đời loạn sinh ra lắm hạng người
Trở cờ đón gió chạy khơi khơi.
Hò voi bắn súng vang ngoài nước
Đánh trống khua chiêng loạn góc trời.
Xui trẻ ăn phân gà, lập kế
Bẻ măng nhờ trận gió, xu thời.
Thấy cơm đánh bát càng no bụng
Sắn của sài chơi, ấy mới hời.

LÂU ĐÀI DƯỚI BIỂN của CLEOPATRA

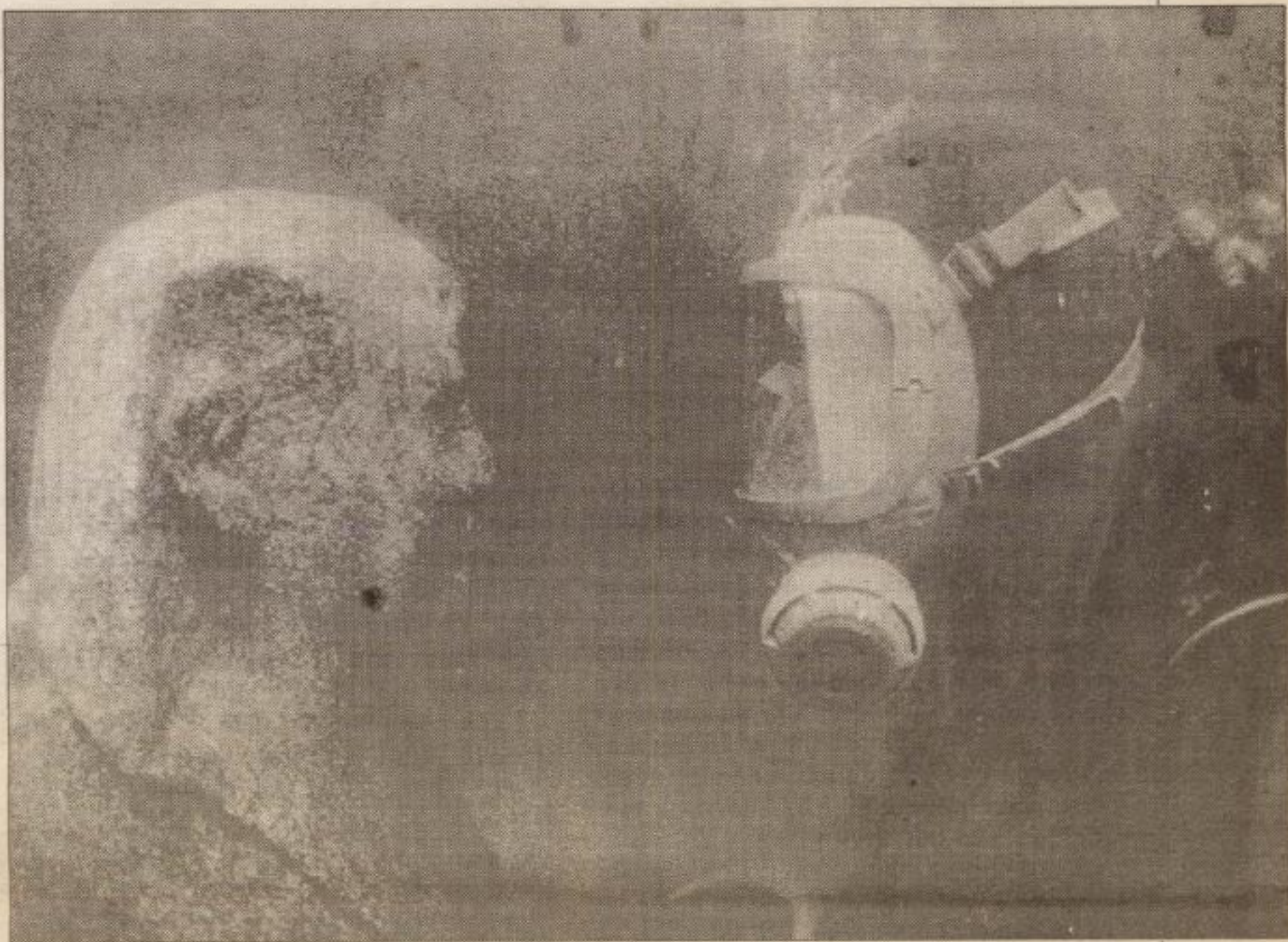
ÁI CỔ

Trong Lịch sử bại vong, hưng phế, không có mấy cuộc tàn vong khiến người đời sau ngậm ngùi thương cảm như cuộc lìa đời của Hạng Vũ, Ngu Cơ, hay cuộc tự sát chung của Nữ Hoàng Ai Cập Cleopatre và người yêu La Mã Mark Anthony, sau khi thua trận Actium vào ngày 2 tháng 9 năm 31 trước Công Nguyên. Sau trận này, Ai Cập huy hoàng trở thành một tỉnh của Đế quốc La Mã.

Ba trăm năm trước đó, Alexandre Đại Đế chiếm Ai Cập, dựng lên kinh thành Alexandria với những Thư viện tráng lệ và những ngọn Hải đăng rực rỡ, mà ngọn Hải đăng trên đảo Pharos đã trở thành một trong Bảy Kỳ Quan của Hoàn Vũ Cổ. Alexandria cũng trở thành kinh đô văn hóa của Địa Trung Hải. Nhưng bao nghìn năm sau, Alexandria vẫn còn bí ẩn, bởi vì người ta chưa thể khám phá hết kinh thành đó, nằm sâu dưới cát, di chuyển từ thế kỷ này qua thế kỷ kia bởi những trận địa chấn, từ năm 320 tới năm 1303 sau Tây lịch, nhất là trận địa chấn dữ dội năm 365. Theo khám phá của nhà địa chất học Amos Nur của viện đại học Stanford, California, Alexandria nằm chính giữa kẽ nứt khởi từ Sicily của Ý kéo tới Cairo của Ai Cập, nên phần đất ven biển của thành phố đã lún sâu tới 20 bộ Anh. Trong những rung chuyển của thiên nhiên, lâu đài của Cleopatre trên đảo Antirrhodos trong Hải cảng Alexandria đã chìm xuống đáy nước. Hoàng thành ấy nằm dưới thủy tần, đời này qua đời kia, không ai tìm thấy, cho tới khi ông Frank Goddio và những người cộng sự lặn xuống.

Frank Goddio, 51 tuổi, người Pháp, trước khi trở thành nhà khảo cổ, là một thương gia. Công trình khai quật của ông được sự hỗ trợ của một toán chuyên gia của Institut Européen d'Archéologies Sous-Marine ở Ba Lê và Supreme Council of Antiquities của Ai Cập. Nhiều năm say mê tìm kiếm những di tích lịch sử dưới đáy biển, ông đã qua làm việc ở Ai Cập từ năm 1990 theo lời mời của nhà khảo cổ Jacques Dumas, người đang khai quật chiến thuyền L'Orient của Nã Phá Luân, bị Lord Nelson đánh chìm trong Vịnh Abukir trong một trận thủy chiến trên sông Nile. "Với dụng cụ và kỹ thuật hiện có, chúng tôi đã vẽ được bản đồ vụ tàn phá". Ông Goddio nói. "Chẳng bao lâu sau chúng tôi nhận ra, với kỹ thuật ấy, chúng tôi có thể tìm ra phần Hoàng Cung của Alexandria còn nằm dưới đáy biển".

Công việc này bắt đầu năm 1992. Nhắm vào một diện tích ba phần tư dặm



Nhà khảo cổ Goddio và pho tượng Vua Ai Cập XII, bố Cleopatra, mới tìm ra năm 1997

vuông, ông Frank Goddio đã dùng kỹ thuật từ vệ tinh định ra được hình dáng khu cổ thành nằm cách mặt nước có 30 bộ Anh. Địa điểm và sự đo đạc sau đó truyền lên phòng bản đồ đặt trên một con tàu dạn gần đó. Một bản đồ cuối cùng được hoàn tất. Điều kiện quan sát rất tệ vì lòng biển chứa chất một lớp rác rưởi dày hàng ngày đổ ra từ một thành phố có 5 triệu dân. Trong khi gia công làm vệ sinh một vùng biển tầng chứa bụi bặm của 16 thế kỷ, toán chuyên gia của ông Frank Goddio đã tìm ra nhiều cây cột, nhiều pho tượng sư tử mặt người, những bờ tường hoa văn Hy Lạp, những lòng phố, và cả công rãnh, của một Alexandria trước và sau Cleopatre.

Sau hơn 5000 chuyến lặn xuống, người ta đã chụp hình, vô số tất cả những gì tìm thấy, và đánh số thứ tự để rồi vấn đề nguyên chúng dưới đáy biển, hay vật nào đã mang lên, lại mang xuống để vào chỗ cũ, với hy vọng trong tương lai, một Viện Bảo Tàng Dưới Nước sẽ được thành lập.

Tới năm 1997 toán khai quật bắt đầu nhắm vào đảo Antirrhodos, nơi các sách cổ nói đến Tòa lâu đài của Nữ Hoàng Cleopatre. Ông Frank Goddio đã thành công: hai pho tượng sư tử mặt người được tìm thấy, cùng một tượng có lẽ là nhà Đạo sĩ Osiris, một trong những vị thần Ai Cập cai quản thế giới bí mật. "Chúng tôi còn tìm ra một chiếc tàu đắm cách đây 2000 năm. Nó

dài 100 bộ, rộng 30 bộ, bên trong còn các đồ sứ, vài cái vòng vàng, và cả thực phẩm còn lại".

Nhà khảo cổ không xác định khu, tìm ra chính là Tòa lâu đài, dù có thấy những cây cột đá màu đỏ, và những di tích các-bon-hóa xem ra ở vào năm 255 trước Tây lịch, với sự sai biệt là 45 năm. Ông cũng cho biết khu này được sử dụng lâu về sau, sau khi Cleopatre đã tự tử chết với chàng Mark Anthony. Trước sau con người sinh sống ở đó trong 7 thế kỷ.

Những tìm kiếm làm ông thích thú không hẳn là những vật quý giá về giá trị. Chẳng hạn còn cả y phục, không toàn vẹn, hay thực phẩm, như hạt hazelnuts. Những thứ lặt vặt đó khiến các chuyên gia có thể dựng lại một xã hội cổ xưa. Họ cũng tìm thấy một nhà kho và ngôi đền của Poseidon mà nhà địa lý Hy Lạp Strabo mô tả lại khi ông ta thăm Alexandria vào năm 26 trước Tây lịch.

Ông Frank Goddio hãnh diện nói rằng lần đầu tiên, sau 16 thế kỷ, người ta biết Hải cảng Alexandria ra làm sao:

"Tất cả những gì người ta mô tả trước đây về Hải cảng này đều sai, so với những gì mới tìm thấy. Trước đây, người ta nghĩ rằng Alexandria là một thành phố Hy Lạp với ảnh hưởng Ai Cập trong khi thực ra, nó là một thành phố Ai Cập với chút ít ảnh hưởng Hy Lạp. Điều này rất thú vị".

Vào tháng 9.1999, ông sẽ chú trọng vào chiến hạm L'Orient, nhân kỷ niệm 200 năm ngày Nã Phá Luân tiến vào Ai Cập. ■

VIỄN THẨM LÂM CHƯƠNG

Truyện

Bây thằng Viễn Thẩm chúng tôi được trực thăng vận vào vùng hành quân. Theo kế hoạch, giữa trưa sẽ nhảy xuống khu rừng giáp ranh đồn điền cao su Choup, thuộc lãnh thổ Kampuchia. Nhưng mấy thằng phi công ôn dịch cứ bay tít ở trên cao, và lượn tời lượn lui mãi. Chắc nó muốn ăn đạn phòng không? Nó không biết phía dưới có hàng vạn quân Bắc Việt đang giương mắt ngó lên sao? Bay lượn cái kiểu trên người này, chẳng khác nào báo cho địch biết rằng, tao sắp thả mấy thằng Viễn Thẩm xuống đây, hãy chuẩn bị bắt nó. Nhưng làm sao nói với thằng phi công? Lỗi tại nó đã bị kín lại bằng cái máy nghe. Gió tạt mạnh và tiếng cánh quạt phản phật làm át đi mọi tiếng nói. Không những thế, nó còn làm sai bét cả nguyên tắc nghi binh của Viễn Thẩm.

Một chiếc trực thăng đổ quân, hai chiếc Copra yểm trợ có trang bị đại liên và rocket, sà xuống bắn xối xả, ít nhất là vài ba cái trắng trong rừng. Trong những lần sà xuống ấy, chúng tôi nhảy ở một nơi đã được chọn lựa trước, để địch không biết chắc chúng tôi xuống điểm nào. Đàng này, sau khi quân cho đã, bỗng chiếc đổ quân hạ ngay xuống điểm chính. Hai chiếc Copra kẻ hai bên, bắn qua loa vài phát. Xong, cất đầu lên, bay về luôn.

Thằng Sử trợn mắt nhìn theo, chửi thề: - "Đù má! Nó làm ăn cái kiểu gì kỳ cục vậy?"

Không ai có thù giở ở đó mà chửi phụ họa theo thằng Sử. Chúng tôi lủi nhanh vào lùm rậm. Kiểm lại quân số. Rồi tức tốc rời khu vực vừa đổ quân, càng xa càng tốt. Chậm trễ, địch kéo tới bao vây thì bỏ mạng.

Vào đất Kampuchia lần này, chúng tôi có nhiệm vụ theo dõi tình hình và ghi nhận những nơi tập trung quân của địch. Đây không phải lần đầu tôi nhảy toán. Nhưng chuyến đi này, tôi lo lắng rất nhiều, nếu không nói rằng sợ. Theo tin phòng nhì, Công Trường 7 và Công Trường 9 của Bắc Việt, hiện đang có mặt trong vùng rừng rậm Lưỡi Câu, Mỏ Vẹt, trải quân chiếm cả hai đồn điền cao su Choup và Mimot. Mấy tháng trước, chiến đoàn phối hợp nhị thức Bộ Binh Thiết Giáp, vào Choup và đã bị đánh bật ra ngoài, gây tổn thất khá lớn về

nhân mạng. Sau đó, người ta không muốn dùng lực lượng quân bộ để tấn công vào đồn điền nữa, vừa tốn kém nhiều, lại không nắm chắc được phần thắng. Vì thế, Không Quân và Pháo Binh được nghĩ đến. Và Viễn Thẩm được điều động vào vùng, để đưa những mục tiêu lên "lưỡi".

Liên tiếp trong hai tuần lễ vừa qua, có hai toán Viễn Thẩm được thả vào đồn điền Choup. Nhưng tất cả đều mất tích một cách khó hiểu. Những chàng Kinh Kha thời đại, chẳng ai tiến qua sông mà cũng một đi không trở lại. Toán chúng tôi là toán thứ ba. Kế hoạch có thay đổi chút ít. Xuống ở vùng rừng rậm, để từ đó, mò vào Choup. Lấy hướng Đông, xuyên qua đồn điền, về điểm hẹn tại biên giới Việt Nam. Trên đường đi, sẽ chấm tọa độ đóng quân của địch, đưa lên "lưỡi viễn thẩm" cho phi pháo oanh kích. Nhiệm vụ đơn giản chỉ có thế, nhưng thi hành thì tính mạng ngàn cân treo sợi tóc.

Từ nửa tháng nay, tinh thần chúng tôi hơi căng. Lúc những đơn vị lớn nằm án binh bất động, là lúc bọn Viễn Thẩm lao vào vùng địch. Thời gian hạn định cho một chuyến công tác là ba ngày hai đêm. Đã hơn mười ngày rồi, hai toán trước vẫn biệt tăm. Máy siêu tần số của trung tâm vẫn trực 24/24. Không một tín hiệu gọi về. Đứt liên lạc. Tình hình địch ra sao, không nắm vững. Trong chiến tranh, mạng người như những đồng bạc lẻ, tiêu pha không tiếc. Mất mười bốn thằng Viễn Thẩm, chẳng nghĩa lý gì so với với những thiệt hại vừa qua ở Dambert, Soul, Mimot, Choup. Thí mạng thêm bảy thằng Viễn Thẩm nữa, để thăm dò tình hình địch, không phải là một cái giá quá đắt.

Tôi được gọi lên phòng thuyết trình, nhận lệnh hành quân. Sáu thằng trong toán lẳng vẳng bên ngoài, lo lắng. Khi tôi bước ra, không thằng nào lên tiếng hỏi, nhưng những cặp mắt ái ngại nhìn tôi, chờ đợi một câu trả lời.

Tôi nói ngắn gọn: "Chuẩn bị."

Có mấy tiếng lẩm nhẩm chửi thề. Đó là dấu hiệu của sự bất mãn. Trong cái đầu của những thằng lính trận, hình như luôn luôn có sự bất mãn. Và miệng sẵn sàng

tuôn ra những câu chửi thề vô tội vạ. Bất mãn, chửi thề là cái bệnh chung của anh em. Không cần chữa trị, căn bệnh này cũng biến mất lúc đứng trước thượng cấp. Vì thế mà kỷ luật được duy trì, mệnh lệnh được thi hành một cách triệt để.

Trong lúc anh em lo kiểm lại cấp số đạn dược, và sơn mặt nguy trang, tôi bảo trung sĩ Năng lên kho tiếp liệu, lãnh khẩu phần cho cả toán.

Khi vác khẩu phần về, Năng nói, kéo nài mãi, mới xin dư được một túi mười sinh.

Thằng Nhiều hỏi: "Để làm gì?"

"Bán cho mấy thằng trực thăng. Cũng được chầu nhậu linh đình."

"Chưa biết còn mạng trở về hay không. Nói chi đến chuyện nhậu."

Năng sừng sộ: "Đù má! Sắp hành quân. Miệng ăn mắm ăn muối, đừng nói bậy nhe."

"Mày là thằng sợ chết nhất. Mới cưới con vợ ngon lành. Sáu tháng chưa về phép. Đêm ngủ mộng tỉnh. Bỏ vợ nhà lâu quá, hỏi ề."

Anh em cười rộ.

Năng nói: "Xong chuyến đi này, trung úy đề nghị cho tôi về phép?"

Tôi nhìn nó: "Mày giỡn? Tình hình đang căng thẳng, cấm trại trăm phần trăm. Ai dám cấp giấy phép cho mày?"

"Lúc nào cũng nghe nói tình hình căng thẳng, và cấm trại. Đánh giặc lâu dài, chứ đâu phải đôi ba bữa là xong. Không thể trấn con người ta vô rừng mãi được. Phải liệu cách giải quyết chứ?"

"Mày có gan thì lên gặp Đại Bàng Già mà khiếu nại. Trên ông còn có Mặt Trăng, Mặt Trời, Bắc Đẩu..., cứ theo hệ thống quân giai mà khiếu nại dài dài lên Tổng Thống. May ra trường hợp của mày được giải quyết."

Năng cảm râm: "Những thằng lính văn phòng, chẳng cần phép tắc mà vẫn tà tà ở thành phố, ôm dít vợ hàng đêm. Còn mình trông cái phép gấn chảy máu mắt, không được. Bất công!"

Tôi nói: "Bất công là lẽ thường. Trên cõi đời chớ má này, làm gì có sự công bình?"

"Nghĩ tức. Nhiều khi muốn đào ngũ."

"Cứ đào ngũ đi. Bọn Quân Cảnh ngồi ngáp gió, không có việc gì làm. Nó đang



chờ mây dấy. Còn ở đây, không có mây thì có thằng khác thế vào."

Thượng sĩ nhất Sử, nói: "Năng ơi, trước khi hành quân, mây dừng lại nhai ba cái chuyện đó nữa, được không? Nhìn bộ mặt nhần như cái bánh bao của mày, tao nẫu!"

Thằng Sử là toán phó Viễn Thám. Nó ra trường Đồng Đế năm mười chín tuổi. Liều mạng và háu đá. Năm năm chiến trường, chưa một lần bị thương. Nó khoe, thầy của nó tu luyện ở Thất Sơn, chuyên môn uống máu dơi và ăn gan rắn hổ. Ngày về bừa trần ma. Đêm ngậm ngải mà ngủ. Cái nanh heo rừng, nó đeo lủng lẳng trước ngực, thầy nó đã tướm bừa vào rồi. Nó coi cái nanh này là một thứ bừa hộ mạng, bom đạn không thể xâm phạm được nó. Từ tiểu đoàn Biệt Động, nó xin qua Viễn Thám. Mới đầu, tôi không chịu nhận nó vào làm toán phó. Tôi chỉ cần thằng nào dè dặt và cẩn trọng, chứ không cần liều mạng và háu đá. Bởi nhiệm vụ của chúng tôi là theo dõi địch tình, và né tránh tối đa những đụng độ. Nhưng nó nói, ông thầy yên tâm đi, thằng Sử này cũng biết tùy hoàn cảnh, không phải lúc nào cũng làm ẩu đẩu. Tôi nhận, và để nghị cho nó đi thụ huấn một khóa Viễn Thám ở Dục Mỹ. Học xong, nó về với tôi, đã hơn năm. Sau những lần vào ra hang hùm, tôi thấy nó đã biết... sợ.

Từ lúc đổ quân cho đến chiều, chúng tôi lượn lách trong khu rừng rậm. Phát hiện nhiều dấu vết di chuyển của địch qua cây cỏ bị rạp. Phần lớn rạp xuôi về hướng đồn điền. Chiều gần chạng vạng, chúng tôi dừng lại bên ven rừng, giáp ranh đồn điền. Dự định "lót ổ" qua đêm. Tôi mở máy siêu tần số, báo về trung tâm hành quân những

gì đã nhìn thấy, và ước đoán tình hình địch đang dồn thêm quân về Choup.

Có tiếng của Đại Bàng Già: "Dấu vết mới hay cũ?"

Tôi trả lời: "Có mới, có cũ."

"Ngày mưa phùn. Chồn Đầu Bạc lần theo dấu mới. Hết."

Trong đặc lệnh truyền tin, "ngày mưa phùn" là ngày mai. Âm danh của trưởng toán 3 Viễn Thám là Chồn Đầu Bạc. Chẳng biết tại sao, khi làm đặc lệnh truyền tin, người ta lại lấy tên của con thú đặt cho tôi? Đã là chồn, thì có chồn hôi, chồn mướp, chồn đèn. Làm gì có chồn đầu bạc?

Có lần, đang ngồi chơi trước Bộ Chỉ Huy, trông thấy vị sĩ quan truyền tin đi qua, tôi gọi: "E! Thuận Phong Nhĩ. Sao đặt tôi là Chồn Đầu Bạc?"

Hắn cười: "Chồn già."

"Trai ba mươi tuổi còn son. Gái ba mươi tuổi đã toan về già. Tôi ba mươi, sao gọi rằng già?"

"Già mười mô, như con chồn của La Fontaine dụ con gà trống gáy. Còn bạn, sao gọi tôi là Thuận Phong Nhĩ?"

"Trong Tây Du Ký, Thuận Phong Nhĩ là thằng truyền tin của Ngọc Hoàng, có cái lỗ tai nghe xa ngoài ngàn dặm."

Hắn gục gật cái đầu: "À, ra thế."

Rồi bỏ đi. Cái tướng phục phịch như con gấu đực, nhưng vô cùng chung thủy. Không bao giờ hấn chơi đi. Hấn sợ mắc tiêm la, rồi sang mắ m bệnh cho vợ. Nhiều thằng lén rỉ tai, hấn bị vợ khoá cu, không cho chơi bậy.

Tôi chọn chỗ ngủ có nhiều gai góc và lùm bụi che khuất. Ban đêm, nếu địch di chuyển qua đây, cũng phải né tránh những nơi vướng mắc khó đi. Thế là chúng tôi được an toàn. Bỗng tối đổ xuống rừng già

rất nhanh. Đêm mù. Khí ẩm hơi sương. Thỉnh thoảng có những trận gió cuốn qua, rào rào trên dọt cây. Tiếng hú của cú mèo, như tiếng ma kêu. Tiếng "cốc cốc" của con chim gì không biết, như tiếng gõ nhịp song lan. Chúng tôi nằm im, nhưng không thằng nào ngủ được. Nghĩ đến mai đây, lần theo dấu địch vào đồn điền cao su, ai cũng ớn xương sống. Địch đông như kiến cỏ. Chúng tôi chỉ bảy thằng. Nếu bị lộ tung tích, biết chạy đường nào?

Thằng Năng, nằm kế bên tôi, thì thầm: "Xong chuyện này, thế nào trung úy cũng ráng tìm cách cho tôi về thăm vợ vài ngày?"

Thì ra, thằng Năng không ngủ vì nhớ vợ. Chẳng phải như chúng tôi, không ngủ vì nghĩ một ngày mai.

Tôi nói nhỏ:

"Lúc này, cầm giấy phép về phố. Quân Cảnh cũng nắm đầu. Tao sẽ năn nỉ, xin Đại Bàng Già cấp sự vụ lệnh cho mày đi công tác."

"Trung úy hứa thì giữ lời nhé."

"Tao giữ lời. Còn cấp trên chịu cho hay không, là chuyện khác."

"Tôi nghĩ, trung úy nói là ông thông cảm liền."

Tôi nằm xích lại gần Năng hơn:

"Tao hỏi thiệt. Đêm động phòng, vợ mày còn nguyên không?"

"Làm sao biết còn hay không?"

"Rách màng trinh, chảy máu."

"Tối quá. Không nhìn thấy."

"Có tỏ vẻ đau đớn không?"

"Không biết. Chỉ nằm im như khúc gỗ. Có thể đau, nhưng mắc cỡ nên cắn răng chịu đựng."

"Có 'bớt' không?"

"Bình thường."

Tôi vặn:

"Bình thường là sao?"

Năng lí nhí:

"Hỏi khó nói quá."

"Mày như con bò rừng. Chỉ biết hùng hục, chẳng nhận xét gì cả."

Năng nói, nghe rất tội nghiệp như tự nói với chính mình: "Người ta thương mình. Chịu làm vợ mình, đủ rồi. Mất hay còn trinh, không quan trọng. Miễn sau này, đừng bậy bạ với thằng nào. Trước khi lấy người ta, mình cũng... tới bởi hoa lá, chứ tốt lành gì, mà đòi hỏi người ta còn nguyên xi."

Nằm một lúc lâu, Năng khêu vai tôi: "Hỏi còn bên Trinh Sát, nghe trung úy sắp cưới vợ?"

Tôi nói: "Xù rồi."

"Ai xù?"

"Đàng gái."

"Tại sao?"

"Ông bố của cô ta bảo, khi nào tao xin được về văn phòng, mới chịu cho đám cưới. Mà gia đình tao nghèo, không quen 'gốc lớn'. Làm sao xin?"

"Thương thì lấy. Văn phòng hay tác chiến, đâu quan trọng?"

"Ông sợ con ông sớm thành goá phụ."

Năng chửi thề: "Đù má! Đi tác chiến, đều là những thằng gia đình nghèo nàn, không thân thế. Sống hùng sống mạnh, nhưng không sống lâu."

"Thôi, ngủ đi Năng ơi. Khuya, mày còn lên phiên gác."

Tôi lan man nghĩ về cô sinh viên Sư Phạm. Tương mối tình sẽ tốt đẹp, sau khi

cô ra trường. Nào ngờ, bố cô như một bóng đen trùm xuống với một điều kiện, mà tôi biết rằng tôi không đủ khả năng thực hiện. Thế là cô ta đi lấy chồng. Rồi mọi chuyện cũng đâu vào đó. Cô vẫn bình thường, như chưa từng trải qua một lần thể sống chết với tôi. Khi tôi tình nguyện qua Viễn Thám, có thằng bảo tôi thất tình, lao vào chỗ chết. Tôi chỉ cười. Thật ra, tôi có buồn buồn một thời gian. Nhưng không quần quai đau thương bỏ ăn mất ngủ, đến nỗi điên khùng muốn tự tử, như mấy thằng bạn nói.

Rộ rầy một hồi, Năng lại hỏi: "Không cười được vợ, có thất tình không?"

Tôi nói có. Năng bảo nhiều thằng vì thất tình mà trở thành thi sĩ. Và hỏi tôi có làm thơ thất tình không?

Tôi trả lời bằng cách đọc ầu:

*Em như cục cắt trôi sông
Anh như con chó đứng trông trên bờ
Em như cục cắt dật dờ
Anh như con chó trên bờ đứng trông.*

Năng cười rúc trong cổ: "Thơ thất tình gì mà chỉ thấy chó với cắt. Con vợ tôi nghe được bài thơ này, chắc cười chết bỏ."

Tôi nhắc lại lần nữa: "Thôi, ngủ đi Năng ơi. Khuya, mày còn lên phiên gác."

Trời hừng sáng. Đủ loại chim rừng hót rộ trên cây. Chúng tôi nhìn nhau, thấy lạ. Màu chàm ngụy trang trên mặt cho tiếp với màu xanh cây lá, đã đã làm mặt người đổi khác. Tôi trải tấm bản đồ, chỉ cho cả toán biết điểm tập trung trong ngày, nếu chẳng may thất lạc.

Lại dặn dò hạ sĩ Nhiều:

"Mày đi đầu, không cần phải theo đúng phương giác địa bàn. Tùy theo địa thế mà đi. Phải hết sức cẩn thận."

Theo đội hình hàng dọc, Nhiều là khinh binh đi đầu, kế là tôi..., và thằng Sử toán phó, đi sau cùng.

Đồn điển Choup. Những cây cao su được trồng ngay hàng thẳng lối. Thân cây già cỗi, to đến cả người ôm. Tàn lá rợp, che bóng mặt trời. Thời kỳ chiến tranh, đồn điển bị bỏ hoang nhiều năm. Gai mắc cỡ là đã ngang đầu gối. Cô đại gấn lút đầu người. Những loài cây tạp cũng chen nhau, vươn lên cùng với cao su. Lợi dụng địa hình che khuất, quân Bắc Việt đã vào đây trú ẩn.

Gần đứng trưa. Thằng Nhiều dừng lại, nép vào gốc cao su, ngoắc tay gọi tôi lên.

Nó nói nhỏ: "Lắng nghe."

Trên trời có tiếng rì rì như tiếng của con ong bay qua. Tôi nói:

"Con đấm già L19, bay quan sát."

Nó lắc đầu, chỉ tay về phía trước. Có tiếng nói văng vẳng, vọng lại từ xa. Thình thoảng có tiếng động, hình như tiếng chặt cây.

Tôi ngó về phía sau, làm thủ hiệu cho anh em bố trí tại chỗ. Tôi và thằng Nhiều len lỏi mò lên. Không dám tới quá gần vì sợ bị lộ, nhưng tôi cũng ghi nhận được những dữ kiện cần thiết để ước đoán tình hình. Khi quay lại chỗ cũ, tôi mở máy báo về trung tâm hành quân. Thuận Phong Nhị tức tốc gọi Đại Bàng Già đến ngay đầu máy.

Tiếng Đại Bàng Già: "Tao đưa mục tiêu lên 'lưỡi'. Chỗ Đẩu Bạc xấp lại gần, quan sát, điều khiển 'thiên lôi' làm việc, và cho biết kết quả. Hết."

"Trời đất! Phi pháo dội xuống mục tiêu. Quân địch như ổ kiến lửa bị động, sẽ bùng tràn lan ra ngoài. Đại Bàng Già bảo xấp lại gần. Ông tưởng bọn tôi có thể tàng hình trước con mắt địch quân hay sao?"

Tôi bảo mấy thằng trong toán: "Lệnh là thế. Nhưng tụi mình phải 'dợt' khỏi chỗ này cho xa."

Chúng tôi đổi phương giác. Né tránh mục tiêu. Chừng mười lăm phút sau, pháo nổ ầm ầm dữ dội. Dứt đợt pháo, phản lực cơ bắt đầu găm thét và thả bom Napalm, đốt cháy một khu vực đồn điển.

Đang di chuyển, tôi nghe tiếng Đại Bàng Già hỏi, tốt không, có cần điều chỉnh gì không?

Nhìn về phía mục tiêu, tôi nói tốt rồi. Đẩu biết phi pháo dội có chính xác hay không. Tôi nghĩ, dù sao cũng phải lo cho mạng sống của bảy thằng chúng tôi trước. Bỗng có tiếng súng AK nổ dồn, bên hông trái đội hình. Tiếp theo, nhiều loạt súng khác nổ rạn.



Trời ơi! Né tránh chỗ đóng quân, lại đâm đầu vào "chốt" tiền đồn của địch. Tôi la lên trong máy: "Dừng rồi." Và bấm cái nút báo động đỏ. Máy siêu tần số trang bị đặc biệt cho Viễn Thám, khi bấm nút đỏ, sẽ tự động báo nguy về máy trung tâm bằng những tiếng "cạp... cạp... cạp..." liên tục, như tiếng vịt kêu hoảng hốt.

Chúng tôi vừa bắn trả, vừa tạt về bên phải. Chạy! Tiếng súng đuổi nà theo sau lưng. Phi pháo vẫn hoành hành ngút khói tại mục tiêu chính.

Chạy trốn chết ra khỏi đồn điển, chúng tôi lủi nhanh vào rừng rậm, nơi đã dặn dò điểm tập trung. Kiểm lại quân số. Không thấy thằng Nhiều. Những cặp mắt tồn thần mở lớn, chưa hết nỗi kinh hoàng. Địch quân đang truy lùng khắp khu vực. Tôi liên lạc về trung tâm, báo tổn thất của ta, và ước đoán thiệt hại của địch.

Lệnh của Đại Bàng Già: "Tung tích đã bị lộ. Lo dọn bãi đáp. Trục thẳng bốc về."

Trong khi ẩn trốn, chờ thằng Nhiều, tôi mệt mỏi nằm gối đầu trên chiếc ba lô. Đến chiều vẫn không thấy tăm hơi. Có thể nó đã gục ngã ngay đợt nổ súng đầu tiên. Nếu tính cái giá hơn thua bằng xác chết, thì mất một thằng Nhiều, đổi lại bao nhiêu

sinh mạng địch quân trong trận oanh kích vừa qua. Nhưng tình cảm con người, không đơn giản như đơn vị đo lường. Chúng tôi buồn thắm nhìn nhau. Tự đối lòng, biết đâu thằng Nhiều vẫn còn thất lạc đâu đó.

Ngày thứ ba, kể từ khi vào đất Kampuchea. Không thể xuyên qua đồn điển để về điểm hẹn tại biên giới Việt Nam. Chúng tôi đi ngược về phía rừng già, tìm bãi bốc trục thẳng. Nhưng trục thẳng không xuống được. Những con chuồn chuồn vừa lảng vảng vào khu vực, đã bị phòng không từ dưới đất bắn lên. Đành phải bay về. Địch quyết phong tỏa vùng trời, để chặn bắt cho được chúng tôi. Liên tiếp hai ngày sau vẫn thế.

Lương thực mang theo đã cạn. Chúng tôi bắt đầu mở túi mưu sinh. Túi này chỉ trang bị đặc biệt cho Viễn Thám. Những chàng phi công phải mang dù khi cất cánh, để phòng bất trắc. Còn chúng tôi được trang bị túi mưu sinh, phòng khi gặp khó khăn không trở về đúng thời hạn.

Trong túi chứa đủ thứ linh kinh. Thuốc tăng sức, dùng khi có biến phải chạy thoát thân. Chẳng biết đây có phải là thứ thuốc chích cho ngựa chạy trường đua hay không. Dầu sao điều này cũng không thực tế. Vì khi gấp rút chạy bán mạng, thì giờ đâu mà mở túi mưu sinh để lấy thuốc? Thuốc chống buồn ngủ, dùng ban đêm, lúc cần phải tỉnh thức canh chừng. Thuốc muối thoa ngoài da. Thuốc lọc nước, có công hiệu sát trùng rất mạnh. Sáu cái bánh mận, theo chỉ dẫn, mỗi ngày chỉ dùng hai cái. Những viên thịt bò khô màu nâu, mỗi viên làm ngọt nước một tô canh. Một chùm lưỡi câu, lớn bé đủ loại. Một cuộn dây cước màu xanh nhạt, làm dây câu cá. Và sau cùng là quyển sách nhỏ, in hình một số cây lá trong rừng, cùng những lời giải thích để phân biệt loại nào có thể, và không thể ăn.

Có túi mưu sinh, chúng tôi vẫn bị đói. Không tìm được cây, lá, củ, trái nào giống như trong sách chỉ dẫn. Có lần, moi được củ khoai, như một loại khoai mỡ, ruột màu vàng nhạt. Thằng Năng bảo khoai năn. Muốn ăn phải xắt lát, ngâm nước vài ngày cho ra hết chất độc, sau đó phơi cho thật khô, rồi mới luộc. Nhưng thằng Sử cần một miếng nếm thử. Nó khẳng quyết đây là một trong những loại khoai mỡ, và muốn lên lửa để nấu.

Tôi nói: "Muốn chết hả? Nếu địch quân nhìn thấy khói, dù bọn mình có mọc cánh cũng bay không thoát."

Sau chừng mười phút, bàn ra tán vào về cái củ khoai lạ, moi miếng thằng Sử bị ngứa và sùng về lên. Mọi người đều hoảng. Cũng may, nó chỉ nếm thử, chứ chưa nuốt.

Chúng tôi xuống sức vì đói. Đêm nằm trong vùng đất ẩm, lại bị vắt hút máu. Mặt người phờ phạc. Tinh thần khủng hoảng. Tôi thường xuyên kêu cứu về trung tâm. Nhưng mỗi lần trục thẳng vào vùng lại bị phòng không. Địch biết chúng tôi chưa ra khỏi vùng, báo động khắp nơi. Chúng tôi lẩn vô rừng già. Đi về hướng Bắc, nơi có lữ đoàn Dù đang hoạt động ở Dambert. Hy vọng đi gần về phía quân bạn, sẽ bớt được áp lực của địch.

Tiết trời nóng nực, mà rừng rú vẫn xanh um cây lá. Tiếng ve buồn râm râm mùa hạ.

Như những con thú hốt hoảng, chúng tôi sợ hãi bất cứ tiếng động nào. Sợ nhất là những con chim "tắc cò". Loài chim quái ác! Mỗi khi thấy có người đi, nó sẽ lượn theo mãi ở trên đầu, và la "tắc cò... tắc cò..." vang cả rừng. Gặp trường hợp này, phải dừng lại ngồi im trong lùm, không dám động tĩnh. Kêu một hồi không thấy ai, nó sẽ chán, và bay nơi khác. Ngược lại, cũng nhờ chim "tắc cò" báo động, mà chúng tôi biết địch đang di chuyển từ xa, để kịp thời tránh né. Lính hành quân trong rừng, gọi loài chim này theo cái tên nhà binh "chim tiền sát".

Chúng tôi lại chạm địch lần thứ hai. Hoả lực địch rất hùng hậu. Tôi biết ngay đây là một đơn vị lớn, không phải "chốt" tiền đồn. Chúng tôi thối lui, đồng thời ném những trái mini lựu đạn về phía sau, nhưng không cản được bước địch. Súng nổ rất bên mang tai. Địch đuổi nà theo, truy bức. Tôi thấy thằng Năng chạy cà nhấc. Một chân nó đã bị đạn. Tôi lướt tới, kẻ thằng Năng bằng cách nắm cánh tay của nó choàng qua vai mình, lôi bừa.

Năng lắc đầu tuyệt vọng:

"Thôi, chạy đi."

Tôi hét: "Ráng!"

Nó xô tôi ra: "Không được." Và sà xuống một gốc cây, xả súng bắn ngược về phía sau cản địch, cho những thằng còn lại thoát thân.

Từ hai ngày trước, tôi yếu sức vì đói. Nhưng bây giờ, tôi chạy rất khoẻ. Đôi chân nhanh nhẹn lạ thường. Tuồn qua những gai góc, phóng qua những lùm bụi dễ dàng. Thân thể tôi dường nhẹ tênh, lướt như bay qua những chướng ngại. Những thằng kia cũng nhanh không kém. Nó chạy mà không cần biết anh em có theo kịp hay không. Nhờ thằng Năng cản địch, chúng tôi bỏ tiếng súng xa dần. Lúc dừng lại, tôi hấp tấp báo về trung tâm hành quân. Tiếng nói đứt quãng. Vừa nói vừa thở hổn hển như sắp đứt hơi. Bây giờ, tôi mới để ý đến tôi, và thấy mệt như chưa bao giờ mệt đến thế.

Bom và trọng pháo lại dội tan tành xuống mục tiêu. Đại Bàng Già quyết định, bằng mọi cách phải mang chúng tôi về. Trong khi địch đang bị sấm sét, lợi dụng cơ hội này, trực thăng lao vào vùng, thả dây cấp cứu. Năm thằng chúng tôi ôm nhau thành một khối, treo tòn ten phía dưới trực thăng. Gió ù ù rất mát. Từ trên cao nhìn xuống, tôi thấy một vùng khói mù. Oanh tạc cơ vẫn còn tiếp tục thả bom. Giữa ngàn xanh mênh mông u uất dưới kia, có thằng Nhiều thằng Năng vĩnh viễn nằm lại đất Kampuchia.

Tôi xin ra khỏi Viễn Thám từ đạo ấy. Đời lính vẫn thường chứng kiến nhiều thương đau mất mát của anh em đồng đội. Thế nhưng, những đêm nằm rừng, nghe tiếng súng xa xa, tôi lại nghĩ đến hai thằng em trong toán của tôi, nhất là thằng Năng. Tội nghiệp, sau cái đêm động phòng với vợ, nó đi luôn không bao giờ về nữa. ■

Khởi Hành, Nguyệt San Văn Nghệ
Bán Chạy Nhất
Hiện Nay Tại Hải Ngoại



Tam Nguyên YÊN ĐỒ

TIỂU CẢNH

Dư hữu tiểu thạch sơn
Sơn cao bất mãn chỉ
Dư hữu thanh thạch hải
Tài dung sở đầu thủy
Sơn đồng thảo bất sinh
Hải thiên ba bất khí
Tọa kham mãn u tịch
Tài chi dĩ chi tử
Chi tử vô thổ phụ
Thanh thông thông nãi nhĩ
Tọa hóa nhân kỳ tài
Phù trì yên dụng bỉ

NGUYỄN QUAN HÀ dịch

CẢNH MỌN

Ta có núi đá nhỏ,
Núi cao không đầy thước.
Ta có bể đá xanh,
Đựng được vài gáo nước.
Núi trọc cỏ không lên
Bể nông sao sóng được.
Trở trụ thấy mà thương,
Đem cây trồng phía trước.
Dành-dành không đất vun,
Thế mà vẫn xanh tốt.
Có tài thì trời thương,
Đâu cần ai phụ giúp.

THÂN THỊ NGỌC QUẾ

GỬI TÌNH MUÔN THUỞ

Ai tìm theo nước biếc non xanh
Trang điểm đời theo những bức tranh
Người đến Tô Châu ngàn sóng bạc
Ta về Hương Tích một am thanh
Thả thuyền trên suối chiều phai khói
Gửi mộng ngoài hiên nắng xế màn
Dù biết bụi mờ giăng bến đục
Nhưng tình muôn thuở vẫn long lanh.

VỀ LÀNG

Về thăm xóm cũ cạnh bờ ao
Để cửa cho thơ gửi mộng vào
Khói bếp chiều lên mờ cát bụi
Hương trà đêm lạnh mát trăng sao

Nhớ chi cổ sự vàng phương cũ
Quên cả phù sinh trắng cõi nào
Vui thả chiếc cần bên gốc liễu
Mặc làn sóng nhẹ thoảng chiêm bao.

BÙI GIẢNG

GỬI TÌNH MUÔN THUỞ

Tìm theo nước biếc non xanh
Điểm trang đời, những bức tranh muôn màu
Tô Châu người đến từ lâu
Phù Kiều lớp lớp sóng xao nghìn trùng
Ta về Hương Tích nhớ nhung
Âm thanh vắng vẻ mộng lung thả thuyền
Thuyền đi trên suối thần tiên
Chiều phai khói mỏng ngoài hiên xế màn
Bụi mờ bến đục buồn tênh
Mà tình muôn thuở long lanh vẫn là...

VỀ LÀNG

Về thăm xóm cũ làng xưa
Cạnh bờ ao, cạnh lúa thừa trức vàng
Cho thơ gửi mộng lan tràn
Cửa không khép kỹ cho nàng thơ vui
Chiều lên khói bếp ngậm ngùi
Cho mờ cát bụi bốn trời lấm than
Hương trà đêm lạnh khôn hàn
Trà đêm tỏa ngát muôn vòm trăng sao
Nhớ chi chuyện cũ phương nào
Phù sinh trắng cõi mạn đào cũng quên
Bên gốc liễu nước dập dềnh
Chiếc cần thả xuống cho tình lênh dềnh
Cảm ơn bèo bọt phù sinh
Cho làn sóng nhẹ mộng tình chiêm bao.

VÕ CHÂN CỬU

CỔ ĐIỂN

Phù du theo ánh đèn
Người theo gió đến bên
Chưa khô dòng lệ sấp
Thêm quạnh tiếng trùng đêm
Gần nhau đã mấy khắc
Linh cảm đời vô biên
Kéo trăng vào cửa hẹp
Ôm bóng thềm ngủ quên.

NHỮNG LẦN RANH VĂN HỌC

NGUYỄN TÀ CÚC

Bài Tiểu Luận sau đây nói về những lần ranh văn học Việt Nam, từ lần ranh một con sông năm 1954, qua lần ranh một biển cả năm 1975, và hiện nay, ở trong nước, lần ranh vẫn còn tồn tại, dù Đất Nước đã thống nhất. Lần ranh vô hình này, qua suy nghĩ của Nguyễn Tà Cúc, còn được nhận thấy ngay cả trong sinh hoạt văn chương hải ngoại, giữa một bên là những nhà văn lớp mới, không có quá khứ từ Miền Nam, coi những gì xuất cảng từ Hà Nội là tuyệt vời, xuất cảng từ Sài Gòn là rơm rác [Hà Nội ở đây, đối với họ, không có những Phùng Cung, Phùng Quán, vì những người này chống Hà Nội từ căn bản]. ■ Cô Nguyễn Tà Cúc đưa ra một nhận định đặc biệt: khi Hà Nội cởi trói cho văn nghệ sĩ, chỉ có các nhà văn Miền Bắc ào ạt viết, các nhà văn Miền Nam vẫn im lặng. Sự việc này đưa đến suy nghĩ: Hà Nội cởi trói cho văn nghệ sĩ của họ, chứ không cởi trói cho văn nghệ sĩ Miền Nam. Mặt khác, chủ quan hơn: các nhà văn Miền Nam không tham dự vào việc cởi trói hay không cởi trói, vì không công nhận Hà Nội. Có thể ngay cả Phùng Quán, Phùng Cung, Trần Dần (lúc ấy còn sống), cũng nghĩ như vậy, cho nên các ông đã không viết lại, tức là không tham dự trò chơi ấy, không cho lãnh đạo Đảng cái vinh dự ấy. ■ Cô Cúc còn đưa ra một nhận định khác: các nhà văn Hà Nội lớp 1989 (cởi trói), vẫn thần nhiên nói về Miền Nam như là Mỹ Ngụy, trong khi Miền Nam bao dung hơn, nhìn nhận đâu là nghệ thuật, vẫn ca ngợi những cái hay của một số cây bút Hà Nội. Bài viết sau đây, trong dạng tùy bút, cho nên người đọc còn có thể bắt gặp những tàn mạn khác ngoài những nhận định trên. (VL).

LẦN RANH 1954, NGƯỜI Ở LẠI

1954, một sông Gianh mới chia lìa hai bờ Nam Bắc. Đa số những nhà văn ở lại tưởng vẫn được làm thơ viết văn. Cho đến khi Trầm Hoa, Giai Phẩm, Nhân Văn và Văn bắt đầu có những bài của Nguyễn Hữu Đang, Phan Khôi, Phùng Cung, Phùng Quán, Trần Dần, đặt dấu hỏi về sự lãnh đạo của đảng cộng sản vào Văn Học Nghệ Thuật thì không còn tương nhượng giữa nhà cầm quyền và người cầm bút. Sự tương nhượng lúc đầu chỉ là do thời gian chuyển tiếp. Khi miền Bắc sửa soạn

một cuộc can qua mới, khi mục tiêu đã hoạch rõ, khi chương trình dài hạn đã thảo ra, văn nghệ sĩ không có lý do gì được đứng ngoài bộ máy chiến tranh, di lạc khỏi chỗ của họ mà người nắm quyền đã khuyển sẵn trong ván cờ sát phạt. Miền Bắc như một anh khổng lồ, dồn hết nguồn sống vào hai tay để đánh vật.

Những người ra đi: Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Mặc Đỗ, Mặc Thu, Đỗ Đức Thu, Lê Văn Trương, Vi Huyền Đắc, Tam Lang Vũ Đình Chí, Nhất Linh, Vũ Bằng... góp phần xây dựng một nền văn học mới "chúng ta đi mang theo quê hương" với các nhà văn trong Nam như Hồ Hữu Tường, Đông Hồ, Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Hiến Lê, Sơn Nam... Đây là một trong những thời cực thịnh của văn chương Việt Nam, cống hiến sau đó hoa trái tốt tươi của lớp mới, trẻ hơn, hoặc sinh trưởng ngay tại địa phương hoặc di cư từ Bắc vào: Bùi Giáng, Mai Thảo, Nguyên Sa, Thanh Nam, Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền, Nhật Tiến, Dương Nghiễm Mậu, Viên Linh, Lê Tất Điều, Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Đình Toàn...

Ở miền Nam, một nửa nước còn được chọn tự do, thì văn chương không bị cấm tù, không bị chỉ đạo. Nhà văn không phải viết về chiến tranh, về những nhân vật đang xuất hiện trên trang nhất nhật trình nếu anh không muốn. Anh có quyền tự cầm chân trong vườn địa đàng của riêng mình hay đi lang thang trong cõi phù sinh. Có khi anh viết những câu tối mù mù như chiếc đèn dầu con con anh thấp mỗi đêm để đọc sách. Viết xong anh ngâm ư ử, cười ha hả. Thập loại chúng sinh có phải nghe lây cũng không hề gì. Chẳng phải họ vẫn cho các anh là một đám cuồng "mơ theo trăng" và "thơ thần cùng mây" sao? Ngòi bút là vũ khí ư? Các anh có giết được ai với thứ vũ khí ấy bao giờ chưa? Đám lê dân chỉ biết đến anh qua Thơ Say hay Mê Hồn Ca. Họ tin, mà có phần đúng- mỗi anh còn luẩn quẩn trong thị trấn của riêng mình nơi đôi mắt mỹ nhân vẫn còn long lanh, nơi cặp môi son ngậm chặt được câu thần chú mở được cửa linh hồn các anh, hay những chuyện gì khác.

Có điều linh hồn các anh không phải lúc nào cũng là anh hay ở với anh:

Trăng diu lên phải đầy
Trà đang lên phải là khói
Thơ ngâm lên phải là mây

Đốt đèn lên phải ma hiện
Trời vào khuya người phải nằm say
Ma là Người...kiếp khác
Người là Trời...đêm nay
(Vũ Hoàng Chương, 1973)

Có khi nó ở hẳn chỗ khác, trong tiếng súng âm ỉ, các anh vẫn loay hoay bàn chuyện thế sự, chuyện nhân tình. Văn chương các anh có lúc dịu dàng, có lúc cấu kình. Đám lê dân đọc các anh có lúc cũng dịu dàng, có lúc cũng cấu kình. Xem chừng anh viết toàn những câu buồn rười rượi:

Ở đây sâu đã tan tành
Người đi chưa đủ về quanh chiếu gối
(Viên Linh, trích trong ĐÊM TÓC RỐI của Dương Nghiễm Mậu).

Thế thì cái chí lớn, chí cả đâu rồi? Hồ Trường lại không biết rút về đâu chăng? Chính anh cũng tự thú: "Tôi bây giờ chỉ chờ ngày chết thôi. Lắm lúc muốn tự tử. Thơ không viết nữa. Giá viết cũng không người đọc..."

Vũ Hoàng Chương trả lời thế khi Nguyễn Mạnh Côn phỏng vấn năm 1970. Dù là năm 1970, những văn nghệ sĩ miền Nam tự do có quyền chọn viết hay không, sáng tác hay ngưng, trình diễn hay thôi. Không ai đặt vấn đề. Mà nếu có, sẽ không phải là nhà cầm quyền. Khi chính phủ Nguyễn Văn Thiệu muốn cắt ngân khoản tài trợ cho hội Bút Việt (tức là Văn Bút Việt Nam) lấy lý do vài nhà văn trong hội đã chỉ trích chính quyền; linh mục Thanh Lăng, chủ tịch hội Văn Bút, lập tức có thái độ: "...từ 18 năm nay, tức là từ ngày có Văn Bút, từ đầu năm 1957, hàng năm ngân sách quốc gia vẫn dài thọ cho Văn Bút một ngân khoản để sinh hoạt nội bộ và để đi dự hội nghị quốc tế. Ngân khoản đó đã từng được đưa ra thảo luận tại quốc hội...Theo quan niệm đại học, ngân sách quốc gia phải dài thọ Văn Hóa cũng như dài thọ cho Y Tế...(dẫn ở Tạp Chí Nhà Văn, Saigon, số tháng 2.1975, trang 118- Trích lại từ Văn Học Miền Nam Tổng Quan, Võ Phiến, Hoa Kỳ, trang 41).



Nghĩa là nhà cầm quyền có bốn phận phải nuôi dưỡng và khuyến khích sự sáng tác mà một đại diện là hội Văn Bút. Ngoài ra không thể chỉ định đề tài cũng như kiểm duyệt nội dung sự sáng tác.

Ở một nước đang có chiến tranh, ông Bùi Giáng vẫn ngồi ở hậu phương làm những câu thơ cực kỳ bí hiểm: "Hãy mang tôi tới bất ngờ. Giết tôi ngẫu nhiên trong giờ ngẫu nhiên" (Cầu Nguyễn Ca). Ông Thanh Tâm Tuyền vẫn đưa em ra công viên, hay ra kẻ đá một mình. Ông lính trận Nguyễn Bắc Sơn công khai trình bày cảm tưởng:

*Đi hành quân rượu để vẫn mang theo
Mang trong đầu những ý tưởng trong veo
Xem chiến cuộc như tại trời ách nước
Ta bắn trúng người vì người bạc phước
Vì cần phần người xui khiến đó thôi
Chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi
Suy nghĩ làm gì lao tâm khổ trí
(Chiến Tranh Việt Nam và Tôi)*

Toàn kiểu ăn nói của những người "ra về" đứng ngoài cuộc chiến. Cái không khí sôi sục đòi Bắc Tiến, những lời kêu gọi tha thiết kiểu "Anh đi chiến dịch xa xôi. Lòng súng nhân đạo cứu người lầm than..." chìm hẳn trong bao nhiêu suy nghĩ, thắc mắc khác về thân phận con người, về "cái tôi" tách rời khỏi chiến tranh.

Trong khi miền Nam nhộn nhịp nhốn nháo với sự có mặt của nhiều người viết, tràn ngập với tác phẩm đủ mọi loại thì văn học miền Bắc yên lặng, âm thầm như những đoàn quân mang dép Bình Trị Thiên bí mật vượt Trường Sơn xâm nhập vào miền Nam. Ngoài những người cầm bút tự động đổi máu văn nghệ xanh thành chính trị đỏ, số còn lại hoặc bị tổng vào tù khổ sai, hoặc bị đe dọa đẩy ai đến nỗi ngưng sáng tác như Phan Khôi đã dẫn: "...Còn Thế Lữ, có lần tôi hỏi tại sao anh không làm thơ như trước kia. Anh trả lời rằng đợi đến bao giờ anh chính lại được tâm hồn, cảm thông được với quần chúng cần lao, bấy giờ anh sẽ làm" (Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ, 1956).

Vụ án Giai Phẩm, Nhân Văn, Trăm Hoa gây ra bởi sự chống cự của văn nghệ sĩ miền Bắc (1956-1958) kết thúc bởi sự im lặng hoàn toàn của họ. Đa số bị đem

tới "học tập lao động" ở khu Việt Bắc âm u, "trước là trung tâm cách mạng, nay lại trở lại nơi giam cầm chính trị phạm" (Trăm Hoa Đua nở Trên Đất Bắc, Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa xuất bản, Saigon, 1959).

Những kẻ sĩ miền Bắc nếu không tự tử huyết chết (Trần Dần) thì cũng lui về ẩn náu, hấp hối trong hang hốc của vườn địa đàng đã bị thiêu rụi (Văn Cao). Bởi thế, khí thế dũng mãnh và ảnh hưởng của các nhà văn tiền chiến, của thời kháng chiến chống Pháp, thoát cái bị tẩy xóa hoàn toàn.

Sau hai mươi năm (1954-1975) có lá cờ đỏ bay trên Hà Nội, không có nhà văn nào xuất bản được mười mươi tác phẩm, chỉ khoảng vài ba. Sở dĩ có hiện tượng này vì nhà văn miền Bắc được đối xử như một thứ nhân viên của nhà nước. Các tác phẩm của họ có xuất bản được hay không là do sự quyết định cũng của nhà nước. Cho nên "nếu viết lách thì phải có danh lớn, hoặc bỏ bịch, hoặc bè phái thì mới hy vọng được in, vì vậy ta thấy có nhiều cuốn có lời đề tựa của một "anh lớn", thứ trưởng, viện trưởng nào đó, điều đó tối kỵ ở trong Nam..." (Hồi Ký, Tập III, Nguyễn Hiến Lê, trang 177).



THẾ LỮ

"Ở trong Nam", ông Nguyễn Hiến Lê vừa viết, vừa dịch gần một trăm hai mươi tác phẩm, ông Bình Nguyên Lộc cho ra mắt bạn đọc hơn năm mươi tác phẩm từ khảo cứu đến tiểu thuyết. Thuộc vào hàng mạnh mẽ như Bình Nguyên Lộc, không thể bỏ qua Võ Phiến. Đó là nói đến các người viết tương đối rảnh rang. Một số các tay viết mới, vừa cầm súng vừa cầm bút mà vẫn đều đặn sáng tác:

*Văn học ta từ mấy chục năm
Viết trong khói lửa, đọc trong hầm
Nhà văn cầm súng mau hơn bút
Máu chảy từng trang mực cũng bầm
(Thủy Mộ Quan, Viên Linh)*

Ngoài những nhà xuất bản của tư nhân như Khai Trí, Lá Bối, Nguyễn Đình Vượng... rất nhiều tác giả kiêm nhà xuất bản như Nguyễn Hiến Lê (nhà Đại Nam Văn Hiến), Bình Nguyên Lộc (nhà Bến Nghé), Võ Phiến (nhà Thời Mới), Sơn Nam và Ngọc Linh (nhà Phù Sa) nhóm Mặc Đỗ, Vũ Khắc Khoan, Nghiêm Xuân Hồng (nhà Quan Điểm)...

Các tác giả có người như Viên Linh vừa là tác giả, vừa là chủ nhà in. Có lúc ông làm thư ký tòa soạn nhật báo Tiền Tuyến, một tờ báo của quân đội. Lúc khác làm tổng thư ký tờ Khởi Hành tuy danh nghĩa là của hội Văn nghệ sĩ Quân Đội (chủ nhiệm Đại Tá Anh Việt Trần Văn Trọng) nhưng tuyên văn chương cũng như tờ Thời Tập mà ông làm chủ nhiệm. Có người như Nguyễn Hiến Lê chuyên chú vào việc biên khảo và dịch sách, không dấn động gì đến chính trị hoặc thời sự. Trường hợp các tác giả này được dẫn ra đây như trường hợp điển hình, không phải về phương diện sáng tác mà về sự độc lập và tự do hầu như hoàn toàn mà các người viết miền Nam đã có, cũng từ 54 tới 75.

LẦN RANH 75, VẪN NGƯỜI Ở LẠI

Tháng tư 1975, nhà cầm quyền Hà Nội trở thành nhà cầm quyền Việt Nam khi quân đội miền Nam hoặc bị triệt hạ, hoặc phải buông súng.

Cũng như 1956, chính trị sẵn sàng dấy lại bài học đầm máu cho Văn Nghệ. Nhà nước vẫn đinh ninh rằng lần này hẳn càng không gặp khó khăn gì. Những kẻ có công với cách mạng như Phan Khôi, Văn Cao, Trần Dần còn bị đẩy dọa, làm cho cất đầu chẳng lên; những người từng trải mật phối gan theo kháng chiến nay đã ngoan ngoãn phục tùng thì xá gì các anh nhà văn miền Nam?

Các anh từng là những người bị kết án dôi trừ, hưởng lạc, quen thói hưởng thụ kiểu tiểu tư sản, chỉ biết làm thơ ái tình... thì sao dám chống lại nhà nước?

Mở màn vẫn là những cuộc truy lùng và khủng bố. Tác phẩm chịu chung số phận với tác giả. Những nơi lam sơn chuồng khí lại có dịp tiếp đón những người tù văn nghệ mới. Trừ số đã thoát đi, số ở lại sẽ phải chịu đựng sự trả thù, đàn áp dai dẳng và dã man chưa từng có trong lịch sử Việt.

Người cộng sản chờ đợi sự khuất phục toàn diện của họ. Nhưng câu trả lời là một sự chống lại can đảm và dai dẳng không kém. Vũ Hoàng Chương, một nhà thơ gầy gò yếu đuối, vẫn quen sống dài các, mài miệt cuộc đời bên Thơ và Khô mới năm năm trước đây tỏ ý chán làm thơ, bỗng làm thơ trở lại. Không phải Thơ Say mà là thơ miệt thị giới lãnh đạo và cho phổ biến công khai. Ông bị giam cầm đến kiệt quệ tàn hơi nhưng vẫn chịu đựng đến phút cuối cùng. Bùi Giáng, có những cơn điên rất tỉnh như mặc áo lính cũ rong chơi ngoài đường.

Ở trong tù, anh vẫn sáng tác. Sáng tác để tự nuôi dưỡng, tự sống còn. Trước đó hầu như miền Nam không có văn thơ "sát cộng." Loại văn thơ này vẫn bị coi như một thứ văn chương "tâm lý chiến", "anh tiền tuyến, em hậu phương"... nhà văn độc lập không can dự vào loại văn chương đó. Những trận chiến đầm máu, kinh hồn chỉ để lại những dòng thơ chán ngán khinh bạc. Nhưng bây giờ, bị lôi ra khỏi vườn địa đàng và ném vào tù, anh chỉ nhớ mỗi một điều: anh không còn tự do nữa. Chung quanh anh là bằng hữu, những kẻ rồi ra anh sẽ bắt buộc phải kể tên kẻ tội trong bản tự kiểm thảo. Hóa ra ngòi bút anh chỉ để dùng vào những việc đồn hèn thế sao? Anh quảng nó đi, anh

chịu bị cùm. Bình thường có lẽ anh cũng chẳng can đảm hơn ai. Nhưng đứng ngay trên bờ vực tử sinh ấy, anh chợt nhớ lại những ngày anh còn được viết những điều anh nghĩ. Và trách nhiệm với những điều anh đã viết khiến anh không thể ruồng bỏ chính anh và phản bội bạn anh.

Vả lại, anh không nuôi dưỡng bất kỳ thứ ảo tưởng nào về người cộng sản sau khi đã biết quá rõ về cuộc trừng trị những người viết miền Bắc, cuộc trừng trị đã làm trăm hoa chết héo, trăm nhà tắt tiếng. Chính sự "tắt tiếng" ấy làm miền Bắc chết dở. Không riêng gì người viết mà đám lễ dân cũng bị ngược đãi, cũng bị tàn hại. Nhưng sau một thời gian trong tù, anh nghiệm ra rằng với bao khổ hình đáng khiếp ấy, anh lại người chứng nếu anh may mà sống sót. Anh nhặt lại ngòi bút. Đó là thứ vũ khí duy nhất người cộng sản không thể tịch thu hay phá hủy. Không giết được ai nhưng ngòi bút đã đuổi được giặc, dư sức làm sụp đổ một chế độ.

Những câu thơ lẩm thảm trong trí óc, những câu thơ anh không ngâm ư ử được như ngày xưa nhưng đã có người nhớ hộ anh, nhấm hộ anh và rao truyền cho bá tánh. Những câu thơ như những mũi tên bay vút khỏi vùng đất ung nhọt nơi anh đang sống.

*Vĩnh biệt ta mười năm chết đắp
Chôn rùng thiêu im tiếng nghìn thu
Mười năm mặt sạm soi khe nước
Ta hóa thân thành vượn cổ sơ...*
(Ta Về, Tô Thùy Yên).

Cho đến bây giờ, vẫn chưa có nhà văn nhà thơ nào từ miền Nam chịu đầu phục bằng tác phẩm mới ca ngợi cộng sản hay chối bỏ, mặt sát tác phẩm cũ như một số nhà văn thời *Giai Phẩm*, *Nhân Văn* phải làm để thoát thân. Ngược lại, bằng cách này hay cách khác, trong hay ngoài tù, họ đều tìm cách phản kháng. Học giả Nguyễn Hiến Lê, người vẫn có cảm tình và tin tưởng vào sự trong sạch của chủ thuyết và đảng viên cộng sản, sau 1975 "vẫn tiếp tục trước tác, nhưng tuyệt nhiên không cho in một trang sách nào dưới chế độ mới. Mọi bản thảo, đi cảo của ông, một khi viết xong liền được chuyển ra hải ngoại ..., thân xác ông đã vui xuống quê hương miền Nam, nhưng tác phẩm của ông, tâm hồn của ông vẫn hướng về chúng ta; sự lăm lăm trong đời ông cũng hướng về chúng ta mà bực bạch..." (trang XIII, *Lời Nhà Xuất Bản, Văn Nghệ, Hoa Kỳ, 1988*).

Chỉ trong vòng ba năm đã có ba lần người cộng sản ra lệnh tịch thu và tiêu hủy sách, đốt sách. Có bao nhiêu lệ "khốc thư" sau khổ nạn "phần thư" ấy? Có bao nhiêu người đời chết theo sách như Vương Hồng Sển (sdd)? Ông Nguyễn Hiến Lê, tuy đã thấy số phận của sách và của tác giả khác, vẫn không ngần ngại "kể tội cộng sản Việt Nam khúc chiết và toàn diện" (sdd) trong tập *HỎI KÝ* gồm ba quyển, một trong những tác phẩm cuối cùng, hoàn thành chỉ ba năm trước khi ông qua đời.

LẠI NGƯỜI RA ĐI

Sau 1975, những sáng tác được chuyển ra ngoài quốc của Nguyễn Hiến Lê, Hoàng Hải Thủy, Tô Thùy Yên và

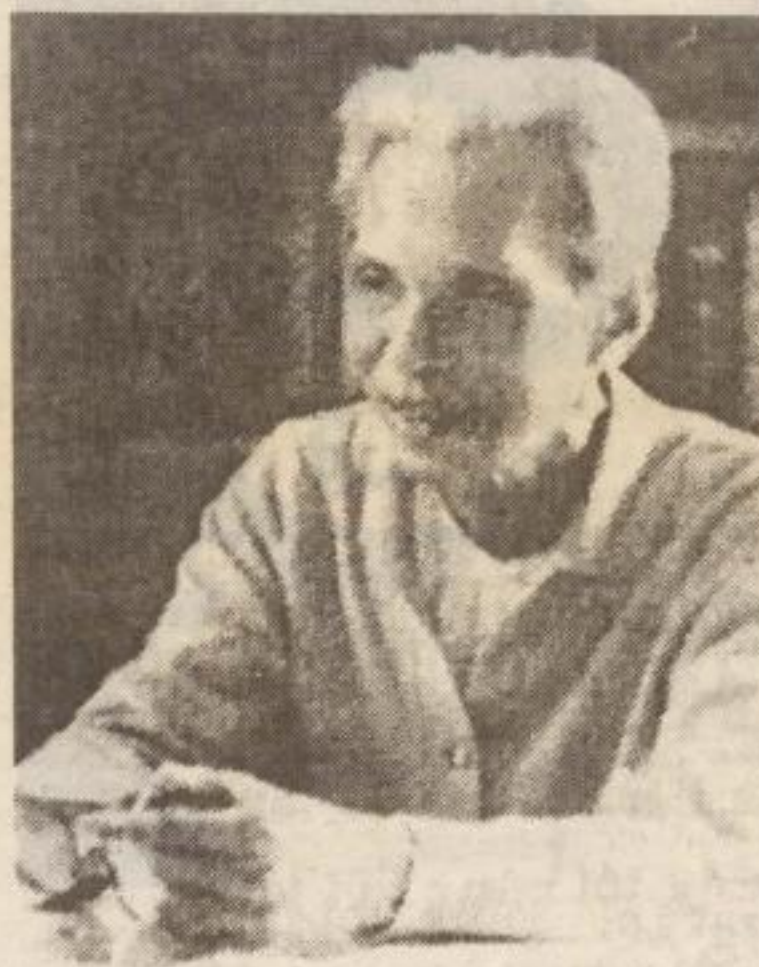
nhiều người dưới các bút hiệu khác là sự đóng góp quý hóa cho nền văn học Việt Nam ngoài nước, duy trì bởi số người cầm bút rời khỏi quê hương.

Lúc đầu, người đi không tránh khỏi cái day dứt, dằn vặt, cái bẽ bàng của nỗi sầu mất nhà tan nước.

Có anh bẽ bút vát vào một xó. Anh thế không viết nữa. Chữ vô dụng. Nghĩa vô dụng. Viết làm gì? "Viết đưa ai, ai biết mà đưa?" Anh thăm thía cái đau của kẻ bỗng nhiên không còn đất đứng. Quê là quê người. Anh đi đã xa lắm rồi. Không thể trở về nữa, đã như Từ Thức lạc mất Thiên Thai. Muốn lắm mà không được. Anh không muốn nhớ gì cả. Nhất là thời gian, những chuỗi dài giây phút kéo đi lê thê. Anh mắc can ở một lòng sông khô nẻ, anh ngồi trĩu trệ một góc trong phần thần trí tối ám.

*Anh hỏi làm chi ngày với tháng
Đầu râu chưa bạc trí đã xiêu
Tâm ta ta gửi bờ sông hận
Còn xác ta trôi tựa cánh bèo*

*Có phải ta còn ta đã mất
Mười điều trung tín chín điều điều
Quê người họ Nguyễn rơi khăn nhỏ
Một bệnh u cư ít hóa nhiều...*
(*Nước Mặn, Viên Linh, TM Quan*).



NGUYỄN HIẾN LÊ

Anh không muốn nhớ nhưng anh tưởng anh quên được sao? "Vũ tướng tiêu sầu duy hữu tửu. Văn thần thoái lộ cánh vô thi". Anh không phải là tướng võ nhưng có lần anh cũng say khật khưỡng. Mà không tiêu nổi sầu. Trị giác tê liệt, anh không làm nổi thơ, huống gì thơ phá giặc.

Nếu bạn anh ở lại, chỉ nghĩ đến một điều, là tự do; thì ra đi anh cũng chỉ nhớ mỗi một điều, là quê nhà. Quê nhà có những con đường bụi mù anh đi lên đi xuống trong một buổi trưa hăm hấp nóng. Có *Trăm năm trong cõi người ta. Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau* (Nguyễn Du). Có người yêu đến tìm anh, đi với anh trong cơn mưa sầm sập đầu mùa. Có "Đá mòn rêu nhạt. Nước chảy huê trôi" (Tản Đà). Có những hình tượng, hình bóng, chính hình bóng của anh nữa, về luân quần, lộn đi lộn lại trong ký ức như những vòng quay chậm chạp không ngừng của một chiếc đèn kéo quân mỗi một.

*Khi các ông vào tôi bẽ bút.
Không khi nào nữa có văn chương.
Như Kiều đã đến bờ sông hẹn.
Thôi có cần chi phải nói hơn.*
(*Viên Linh, Thủy Mộ Quan*).

Trong giấc ngủ lơ mơ, anh "giật mình còn tưởng tiếng ai gọi dò" (Trần Tế Xương). Anh đã là giọt nước lìa khỏi dòng sông. Anh trở thành nhà văn nhà thơ lưu vong, viết ngôn ngữ mình trên một đất nước hoàn toàn xa lạ. Rồi cũng như bạn anh ở lại, viết để sống còn; anh ra đi cũng viết để sống còn. Viết không riêng gì cho anh mà cho người ở lại, cho quê nhà. Đã bao người cầm bút trước anh đã hành xử hết như thế...

Những nhà văn Miền Nam như Võ Phiến, Mai Thảo, Nguyễn Sa, Viên Linh, Lê Tất Điều...ra báo văn học. Những nhà văn trẻ hơn lớp này một chút như Hà Thúc Sinh có những cuốn như "ĐẠI HỌC MÁU" ghi lại tình trạng khổ nhục trong tù mà hầu như cả nước phải chịu. Loay hoay với những ràng buộc, eo sèo của đời sống, họ vẫn viết và thêm một điều chưa từng làm ở miền Nam: họ thành lập, tham gia những tổ chức để giống lên tiếng nói cho nhà văn, cho dân tộc: Nguyễn Sa, Trần Thanh Hiệp, Trần Tam Tiếp, Viên Linh thuộc Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại; Phan Lạc Tiếp và Tiến sỹ Nguyễn Hữu Xương thành lập tổ chức Ủy Ban Báo Ngụy Cứu Người Vượt Biển, Hà Thúc Sinh sáng lập phong trào Hưng Ca... Thanh Nam làm *Đất Mới*; Võ Phiến dựng *Văn Học Nghệ Thuật*; Mai Thảo chủ trì tờ *Văn* không ngớt nhắc nhở, đóng đá về anh em của văn học miền Nam còn ở lại và cố gắng của anh em ra đi...

LẦN RANH 1989. KHÔNG THỂ VIẾT TỰ DO DÙ Ở NGOÀI TÙ

Năm 1989, đại hội nhà văn Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa họp lần thứ tư, đánh dấu lần đầu các nhà văn hội viên công khai chỉ trích chế độ. Cả người phê bình lẫn người bị phê bình đều là đảng viên hay cán bộ cao cấp, hoặc trung thành với đảng, có người tham dự trực tiếp vào cuộc đánh chiếm miền Nam mà họ gọi là "giải phóng miền Nam khỏi đế quốc Mỹ" dù cuộc đánh chiếm miền Nam này rõ ràng là một cuộc xâm lấn lộ liễu, nghiêm nhiên vi phạm tất cả những thỏa ước đã ký mà quan trọng hơn hết thấy là không đếm xỉa gì đến nguyện vọng của dân chúng miền Nam là không muốn có sự có mặt của chế độ cộng sản.

Hội nhà văn này dĩ nhiên không thu nhập các nhà văn tự do miền Nam. Trần Bạch Đằng, người bị các nhà văn khác trong đại hội này ra mặt chống lại ("...Nhà văn Trần Bạch Đằng là người mà trung ương cố đưa vào ban chấp hành hội nhà văn khóa này...lên diễn đàn cũng bị đại hội la ó không cho nói..." - *Trăm Hoa Văn Nữ Trên Quê Hương, trang 355*).

Ông ta từng là Ủy Viên Trí Vận của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, từng thủ nhận "năm vùng" lên lút ở miền Nam khoảng 1956-1958: "... để phân tích "vụ án" kia vì bấy giờ tôi đang ở trong Nam, đang cỡi trần truồng lội đêm giữa

bốn bề đồn giặc để dự một cuộc họp Huyện Ủy..." (trang 464, sdd).

Người coi như can đảm nhất, có khí thế hăng hái nhất trong phong trào phản kháng là nhà văn Dương Thu Hương cũng tự xưng mình là một người lính "chống Mỹ" chống "đế quốc Mỹ", "xung phong vào Bình Trị Thiên"...(sdd, trang 194, 195).

Phong trào phản kháng này gây sôi nổi một dạo ở ngoại quốc. Kể bên người chống. Đó cũng là lúc các tác phẩm của Lưu Quang Vũ, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Nguyễn Huy Thiệp rồi Bảo Ninh... bắt đầu có sự chú ý của độc giả ngoài nước. Một số tác giả mới viết ở ngoại quốc như Trần Vũ được xem như có triển vọng văn chương "tài hoa, mạnh bạo..." -bởi những nhà phê bình như Đặng Tiến trong phần nói chuyện với bà Thụy Khuê về "tình trạng văn học hải ngoại, việc giao lưu văn hóa, vai trò nhà văn Việt Nam ở nước ngoài- (đăng trên Hợp Lưu số 18, tháng 8&9.1994, trang 57) đã hết sức thần phục những nhà văn này đến nỗi "uốn lưng, giập đầu" (chữ trong Truyện Kiều) mà "sáng tác" ra những câu sau đây: "Sợ, phục mê Nguyễn Huy Thiệp là mê trình độ, giá trị nghệ thuật của tác phẩm...", "...chính trình độ và tư duy cao đó làm người viết ở hải ngoại chùn tay...", "...sức tàn phá của văn chương quốc nội lên ngôi bút của những người ngoài nước..." (tài liệu của Bùi Vinh Phúc, Lý Luận và Phê Bình- Hai Mươi Năm Văn Học Việt Ngoài Nước 1975-1995, Văn Nghệ, trang 623).

Nhưng cũng riêng về khía cạnh văn chương ấy, các nhà văn kỳ cựu của miền Nam không ai lấy làm lạ: "... NHỮNG THIÊN ĐƯỜNG MÙ là một phó sản của văn học miền Nam. Không có biến cố 1975, không "ngẫu nhiên đọc văn chương miền Nam trong khi các bạn gái khác đi mua sắm son phấn, đồ lót" như cô từng xác nhận (tôi không nhớ nguyên văn), Dương Thu Hương không viết được cuốn sách đó...(Viên Linh trả lời Phỏng Vấn, Văn Học số 101, tháng 9.1994, trang 13).

Nhà văn Mai Thảo, "trùm văn nghệ", còn nói rõ hơn nữa: "...Tôi có đọc mấy cuốn của Dương Thu Hương, một hai cuốn của Phạm Thị Hoài, một vài truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp. Một số những sách của những tác giả vừa kể tôi thấy cũng là được thôi. Chữ không có gì là xứng đáng để gây chấn động hết.... Và tôi chỉ thích có mỗi một điều là những lúc được trông văn của họ thì rất giống với văn chương mà họ gọi là "văn chương nguy" của miền Nam Việt Nam... Tôi không nghĩ rằng mình nói như vậy là hơi quá, nhưng tôi nghĩ một phần như vậy là vì họ đã bắt chước cái cách viết tiểu thuyết, viết truyện ngắn của những nhà văn miền Nam Việt Nam trước 1975...(Mai Thảo trả lời Phỏng Vấn, 1993).

Các nhà văn miền Nam trong nước có phản ứng gì về những dấu hiệu cho là "đổi mới, cởi trói" này. Họ suy nghĩ ra sao? Và phản ứng của nhà văn ngoài nước?

VĂN CHƯƠNG PHẢN KHÁNG?

AI PHẢN KHÁNG?

Hai mươi lăm năm là một thời gian dài, đủ để người ta có thể kiểm nhận

những giả thuyết mà nếu không có yếu tố này và những biến cố đi kèm, sẽ không thể kết luận được.

Chế độ cộng sản nay tuy đã biến đổi nhưng trên thực tế vẫn là một thứ bao chúa, nguy trang vào giáo điều cũ. Những người tù mới được thả ra như Thượng Tọa Tuệ Sỹ (hiện đang được Giáo Hội Phật giáo Thống Nhất bổ làm Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo) vẫn chưa được tự do phát biểu và di chuyển. Các người cầm bút miền Nam trước sau chọn một thái độ duy nhất: bất hợp tác và chống lại nhà cầm quyền cộng sản bằng cách hoặc không viết để không ai có thể tưởng lầm rằng đã có đổi mới hoàn toàn hoặc có viết thì (có khi) ký tên thật, viết sự thực và chuyển ra ngoại quốc cho in, cho phổ biến. Nhà cầm quyền không thể mỗi lúc mỗi cởi trói, mở rồi lại trói vì họ có để cho bị trói đâu? Họ có viết khi được "cởi trói" đâu?

Đó là thái độ mà nhiều nhà văn dù can trường- không làm được, chỉ vì sức cám dỗ của văn chương:

"Nguyễn Quang Lập: [...] Tôi muốn hỏi lại, các anh đã bị đưa ra khỏi hội nhà văn, sau đó thành ba mươi năm. Tại sao khi người ta yêu cầu các anh viết đơn để được vào lại các anh lại viết?

-Trần Dần: Lúc ấy, tôi thật khó xử. Nếu theo mạch của tôi, thì tôi ghi vào phần Nhật ký, là đốt hết và chết luôn, như nhà sư tự thiêu. Nhưng nghĩ lại mình tuổi già đã hết cái máu ấy rồi. 63 tuổi, nếu được hoạt động hai năm nữa cũng quý rồi, cố mà ra khỏi đó. Sau đó có nhiều người chất vấn tôi mà tôi không trả lời được. Như thế quả là hèn thục. Đáng lẽ là một Silence de la mort...(Trăm Hoa Văn Nữ Trên Quê Hương, trang 450).

Tưởng tượng anh đã từng viết! Viết là sự quyến rũ réo gọi anh còn hơn đôi mắt thuyền của mỹ nhân. Không viết cũng có nghĩa là không được sống: làm sao anh ngoảnh mặt đi trước những chữ nghĩa mà anh từng ôm ấp? Nhưng anh tự nguyện không viết chỉ vì sự trung thành với chính lòng anh: khi không có tự do, là không viết. Mà nào anh đã có tự do.

Cái không có tự do ấy được một nhà văn được coi là cấp tiến cả về văn chương lẫn chính trị, Nguyễn Huy Thiệp, bày tỏ trong một cuộc gặp gỡ độc giả tại phòng hội của Trung Tâm Nghiên Cứu Nam và Đông Nam Á Châu thuộc trường đại học Berkeley để trả lời một số câu hỏi liên quan đến tình hình chung trong nước. Nhà văn này đã nói những câu nguyên văn như sau: " Tôi không liên quan gì đến Lưu Quang Vũ cả. Mỗi người có một số phận...", "...Khó khăn lắm. Bạn cứ viết đi rồi biết. Đứng trong sự nguy hiểm về tình cảm, về tài chánh và nguy hiểm về chính trị nữa..." "...Tôi rất sợ nhà tù. Ở đâu cũng có trật tự của nó. Chuyện trong tù không phải thị hiếu của tôi"; "...Dương Thu Hương là người can đảm hơn tôi...Tôi không can đảm bằng bà ấy nhưng có thể tôi khôn hơn" vv...

Một nhà văn như Nguyễn Huy Thiệp mà không thể nói đến nhà tù, không thể bàn về một nhà văn khác mới qua đời (vì cái chết của nhà văn này có nghi vấn là dính dáng đến nhà cầm quyền), mà còn phải kêu lên về những "nguy hiểm chính trị" thì sự gọi là đổi mới hay phản kháng có từ năm 1989 quả không có kết quả là mấy.



BÙI NGỌC TUẤN

BÀI CA PHẠM THÁI

thương nhớ chi hề
sầu chất ngất
vọng mỹ nhân hề
tơ tả tâm tư
chiều xuống mệnh mang hề
một mình bên quán
nhân gian xôn xao hề
tình ý ngẩn ngơ

mây giăng hề
vời vợi
gió lộng hề
lá bay
hát chi hề
lời ảo não
thương nhớ chi hề
tâm tưởng ngất ngây
duyên lỡ hẹn hề
lang thang trăm lối
đứng lặng bên cầu hề
nửa tỉnh nửa say
biên biệt phương nào hề
mất biếc
thăng thốt lòng ta hề
thương nhớ khôn khuây

KHÚC CA BUỒN

ở cuối ngã rẽ này
là nơi Em cư ngụ
ở bên hồ soi mây
Anh bàng hoàng thương nhớ

gió vương trên hàng cây
buồn giăng lạnh hề phố
dáng ai nghiêng vai gầy
tưởng như Em ngày nọ

chiều buông về qua đây
mang mang mầu nắng cũ
hát một khúc ca buồn
lòng đôn đau cuồng nộ

ở cuối ngã rẽ này
ngày vàng không còn nữa
Anh ngồi bên quán chiều
lòng sầu là cổ mộ.

Nếu khi người cộng sản mới nắm quyền ở miền Bắc, văn học có câu nói tương truyền là của nhà văn Nguyễn Tuân "tôi nhờ biết sợ mà sống đến bây giờ" thì nay khi người cộng sản nắm được cả Việt Nam, nền văn học này lại có thêm một câu nói thành thực hơn, chua chát hơn mà cũng é chề hơn của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp "tôi không can đảm bằng...nhưng có thể tôi khôn hơn". "Khôn hơn" để tránh không nói đến nhà tù hay những vấn đề có thể làm người nắm quyền giận dữ.

Người ta phải nhận ra một điều rất rõ: là sự khác biệt giữa thái độ của nhà văn hai miền. Những nhà văn miền Nam được sống tự do, được viết tự do, không bao giờ phải luồn lách, e sợ trước kia nay sẵn sàng bỏ viết nếu họ không thể có sự tự do hoàn toàn ấy. Mà nếu họ có viết thì họ ký tên thật, viết rõ sự thật và gửi ra ngoại quốc. Như Nguyễn Hiến Lê đã làm cách đây mười mấy năm và Nguyễn Thụy Long mới làm năm ngoái. Khi họ lên tiếng dù trong hay ngoài nước, những người từng bị người cộng sản cầm tù còn ở trong nước hay thoát ra ngoài nước không hề dấu diếm ý nghĩ của họ: "Thêm nữa, tôi cũng còn muốn, qua việc xuất bản đó, gián tiếp nói lên với nhà cầm quyền hiện nay ở Việt Nam rằng tôi, giữa đông đảo những người cầm bút khác của miền Nam trước đây, đã chẳng hề chối bỏ những tác phẩm đã được hình thành trong quá khứ của mình, rằng qua bao nhiêu dập vùi dày dạn, những thi sĩ vẫn còn sống, thơ vẫn còn sống..." (Nói chuyện với nhà thơ Tô Thùy Yên, Nguyễn Tà Cúc, Khởi Hành số 26, 12.98, trang 20, Hoa Kỳ).

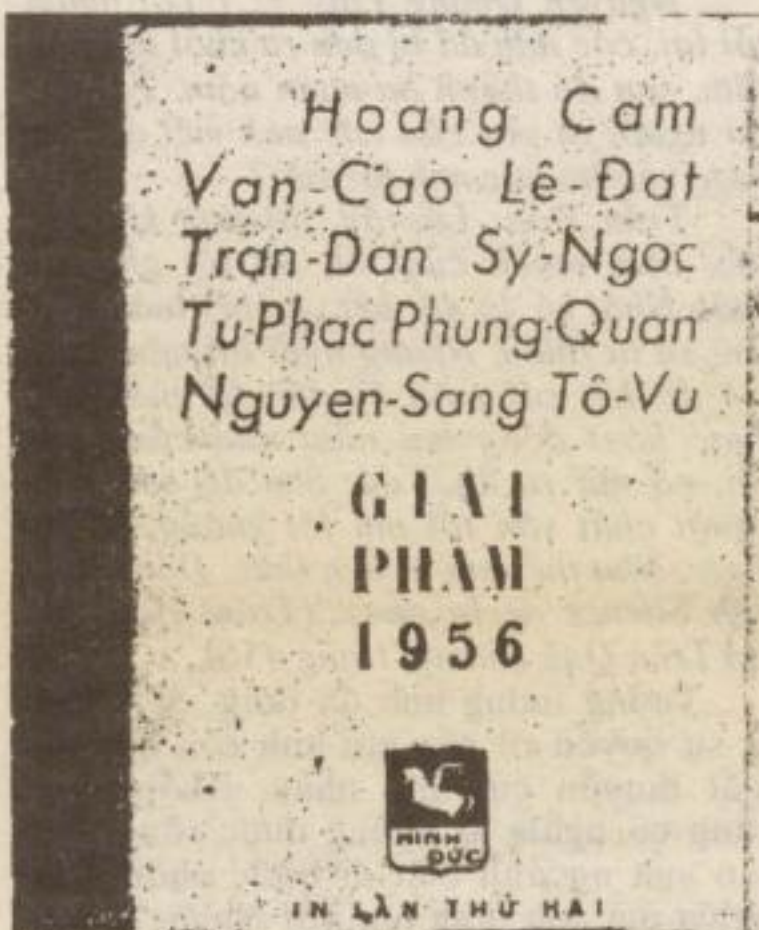
[...] Người dân sống vô cùng khổ sở đủ thứ tai ách đổ trên đầu trên cổ họ, y như sống dưới chế độ thực dân, tuy có được học tập tuyên truyền rằng đó là yêu nước. ...Tình thật phải nói ra như thế. Dù nói có đụng chạm có nguy hiểm cho bản thân người phát ngôn...(Hồi Ký VIẾT TRÊN GÁC BÚT, Nguyễn Thụy Long, Khởi Hành số 27, trang 23, 1.1999- Viết tại Việt Nam, gửi ra đăng trên Khởi Hành tại Hoa Kỳ).

Sự chống đối của họ càng thuận lợi hơn so với thời Trăm Hoa, Nhân Văn, Giai Phẩm vì sau 1975, nhà cầm quyền không thể bưng bít nguồn tin tức như xưa. Mà đầu tiên là nhà cầm quyền không thể tiếp tục đối trá về sự giàu có cả về kinh tế lẫn văn chương ở miền Nam. Tình hình chính trị lại càng rõ ràng hơn nữa: người dân miền Nam bỏ đi từng loạt bằng đường biển kéo theo người dân miền Bắc cũng ra đi ở những nơi gần biển như Hải Phòng... Và sinh ra một loạt văn chương dân gian như "Đố ai đo phần với voi. Đo...con đĩ với môi chú Đồng" (Thủ tướng Đồng) hay "Ngày xưa tướng Giáp giữ đồn. Ngày nay tướng Giáp giữ...chị em" (Đại Tướng Võ Nguyên Giáp khi bị thất sủng...bị từ giữ chức nghiên cứu về kế hoạch ngừa sinh nở). Lần này thì trăm nhà không chịu im tiếng.

"Nhờ biến cố 1975, các nhà văn miền Bắc mới được thở không khí của thế giới tự do, qua cửa ngõ Sài Gòn, và luồng không khí này thổi một sinh khí hồi sinh cho những người cầm bút miền Bắc.[...] Lần đầu họ thấy được tâm hồn và đất nước người, cũng như tâm hồn và đất

nước miền Nam. Lần đầu họ thấy sản phẩm của nền văn học tự do. Từ sự mở mang này mà có NHỮNG THIÊN ĐƯỜNG MÙ, có Dương Thu Hương và các thứ. Nền móng của văn học phản kháng chính là văn học miền Nam (đương nhiên cũng chỉ xây đến cho những người cầm bút ý thức)...(Viên Linh, Trả Lời Phỏng Vấn "Hai Mươi Năm Văn học Hải Ngoại", Văn Học số 101, trang 14, 9.94, Hoa Kỳ).

Máy mẩn hơn nữa là biến cố 1975 giúp cho một số nhà văn miền Nam thoát đi trước. Chính số nhà văn này như đã dẫn- là những người duy trì nền văn học đa dạng, rực rỡ của miền Nam và là một hậu thuẫn lớn lao khi họ cho phổ biến sáng tác của những người cầm bút còn ở lại. Như Thời Tập xuất bản TIẾNG VONG TỬ ĐÁY VỰC của Nguyễn Chí Thiện, đăng bài Hoàng Hải Thủy; Khởi Hành đăng thơ Vương Đức Lệ, văn Nguyễn Thụy Long...Nhà địa chất Nguyễn Thanh Giang hiện vừa bị Hà Nội bắt giam cầm- khi có dịp qua Mỹ trước đây, đã nhìn thấy điều này.



"Tôi may mắn có dịp ghé qua nhiều hiệu sách ở Hoa Kỳ. Thật mừng khi thấy có những hiệu sách đầy ắp sách tiếng Việt...Cho nên ta phải cảm ơn cái tình thân Việt Nam bền vững, cảm ơn tất cả những ai ý thức được một cách sâu sắc và chủ động đóng góp cho việc duy trì và phát triển cái phần hồn bất diệt này. (Nguyễn Thanh Giang, Tinh Thần Việt Nam, Sức Sống Thời Gian, Sức Sống Không Gian, Khởi Hành, số 30, tr.7,8, 4.1999).

SẼ CÓ LỤC VĂN CHƯƠNG KHÔNG PHẢI Ở LẠI HAY RA ĐI

Như thế, cho đến nay, vẫn còn hai dòng văn chương ngay ở trong nước: một của những Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo, Hoàng Phủ Ngọc Tường, được một số tạp chí văn học hải ngoại đăng tải, cổ vũ; và một của những Phùng Cung, Phùng Quán, Nguyễn Thụy Long, Vương Đức Lệ, được Khởi Hành phổ biến... Lằn ranh này không phải một con sông, không phải một mặt biển. Lằn ranh này là lằn ranh ý thức, lằn ranh quan điểm, lằn ranh trách vụ quốc tế và tâm thức dân tộc, nó lớn hơn cả một mặt biển.

Mấy năm trước, cho dù không nói rõ ra, giáo sư Nguyễn Huệ Chi, phó Viện trưởng viện Văn Học Việt Nam, hẳn phải quan tâm đến mà viết rằng: "[...] trong xu thế hòa hợp, giao lưu hôm nay, giữa những người Việt trong nước với trong nước..." (Nguyễn Huệ Chi, Và Cầm Nhận Văn Học Việt Nam Hải Ngoại, Hợp Lưu, số 18, trang 41). Ông là người trước hết ở Hà Nội đã nhìn nhận có một lằn ranh giữa những người trong nước và người trong nước.

Tác giả Viên Linh trong bài Phỏng Vấn đã dẫn, chỉ ra như một bằng chứng là vẫn có sự đàn áp nhà văn miền Nam trong nước:

"...Chỉ vài chữ thôi, ít ra ông Nguyễn Huệ Chi cũng có cái gan của một kẻ sĩ. Ngay ở trong nước mà không hoà hợp giao lưu được, thì giao lưu với hải ngoại nghĩa là gì? Chỉ là một khía cạnh kiểu vận, kiểu vận trên mặt trận văn hóa..." (Tạp chí Văn Học, 101, 1994).

Cho nên, sự kêu gọi giao lưu văn nghệ là một sự kêu gọi không nên đặt ra, gián tiếp chỉ vì trong văn chương miền Nam, ngay từ những năm đầu ra đi hay ở lại và tới cả bây giờ, đã không bao giờ có sự nhầm lẫn giữa nhà cầm quyền cộng sản và dân tộc Việt Nam ở cả hai miền, không bao giờ có sự quy trách nhiệm vào những nhà văn trong nước đã không thể tách bạch hơn khi chỉ trích cộng sản. Ngay cả khi một số nhà văn như Dương Thu Hương nhiều lần nhắc đi nhắc lại là cuộc chiến chống "đế quốc Mỹ" dù trên thực tế, đây là một cuộc chiến xâm lược rõ ràng để lấy nốt miền Nam, gây ra xiết bao điều linh cho không riêng gì dân miền Nam mà còn cho cả hai miền, đã không có nhà văn miền Nam nào nặng lời thóa mạ cá nhân Dương Thu Hương. Vì trách nhiệm không ở những người bị bịt mắt bắt cầm súng như bà ta, mà ở những người chủ trương cuộc chiến này:

"[...] Dân tộc Việt Nam bao giờ cũng vẫn chỉ là một. Không có vấn đề hòa hợp hòa giải dân tộc. Chỉ có các chính quyền hay phe phái mới nói đến chuyện đó...[...] Văn chương không có lằn ranh nên cũng chẳng cần hòa hợp hòa giải..." (Thảo Trường trả lời phỏng vấn của Nguyễn Mạnh Trinh, Văn, trang 30, 12.1996- (Thảo Trường, quê ở Nam Định, có thân mẫu bị đầu tố trong vụ Cải Cách Ruộng Đất, di cư vào Nam năm 1954, vào lính khóa 6 trường Sĩ Quan Thủ Đức, cựu sĩ quan pháo binh, cựu sĩ quan nghiên cứu ở cục An Ninh Quân Đội, là một trong những nhà văn miền Nam bị cầm tù lâu nhất, 17 năm, chuyển qua 18 trại tù từ Nam ra Bắc, sang định cư với gia đình tại miền nam California sau khi được thả khoảng một năm - Chú của NTC).

"[...] Hãy giao lưu với bằng hữu của chúng tôi hiện còn ở trong nước trước. Đó là những người đồng chí hướng và từng thuộc vào một dòng văn học với chúng tôi. Khi những Doãn Quốc Sỹ, Tuệ Sỹ, Vương Đức Lệ, Mai trung Tình, Hoàng Hải Thủy, Cao Huy Khanh, Bùi Giáng chưa in được tác phẩm ở trong nước, chưa viết được trên báo chí xuất bản ở trong nước thì thế nào là giao lưu? Cho tới giờ phút này tôi vẫn chỉ thấy họ muốn giao lưu với những người mà họ chưa bỏ tù được, còn với những người họ bỏ tù được thì vấn đề tự nhiên triệt tiêu, đối tượng đã

không còn thì làm gì còn vấn đề mà đặt ra nữa. Một sự thật lớn lao như thế mà không chịu nhìn nhận, thì là lần lượt giả trá, không có gì nên bàn đến nữa..." (Viên Linh, Trả Lời Phỏng Vấn, Văn Học số 101, trang 17, 9.94, Hoa Kỳ).

■ "...Về mặt chính trị, nếu VNCH có mờ nhạt trên trường quốc tế trong cuộc chiến vừa qua là vì chế độ đó không được chơi bựa trong khi phía đối phương thì mảnh nào họ cũng có thể giở ra...[...] Tôi bị cộng sản bỏ tù lâu vào tận đáy vực của họ để thấy một điều rõ ràng là họ giả dối một cách thiệt tình, họ tàn nhẫn rất nhiệt tâm, độc ác nhân danh lòng nhân đạo. Những người cộng sản cấp dưới không biết việc họ làm, vì thế tôi không thù hận họ. Song những lãnh tụ của họ thì phải chịu trách nhiệm về những tan nát của quê hương Việt Nam." (Thảo Trường, bdd, trang 21).

■ "[...] Trong hai mươi năm chiến tranh, người cộng sản tấn công phe tự do bằng súng đạn và bằng cả bùn đất nữa. Để thủ thắng, họ vừa bắn phá, vừa nỗ lực bôi trát bùn đen lên mặt mũi chúng ta. Nước Mỹ giúp miền Nam tự do thì hóa thành anh để quốc gian ác. ...Còn mặt mũi miền Nam Việt nam thì ôi thôi: Bẩn thỉu hết chỗ nói..." (Lê Tất Điều, Thư Về Bloomington, Illinois, trang 124, 125, Văn Nghệ xb, 1997, Hoa Kỳ).

Văn chương của người cầm bút miền Nam không hề có những "hiện tượng" như những chữ "nguy" xuất hiện trong tác phẩm của Bảo Ninh. Trong lời phát biểu của họ, không hề có việc họ không đếm xỉa gì đến một nửa dân tộc trên vĩ tuyến 17, như cảm tưởng mà các nhà văn miền Bắc đã cho người đọc về nửa dân tộc ở miền Nam. Khi tranh đấu, các nhà văn miền Nam tranh đấu cho quyền tự do tư tưởng của mọi nhà văn không kể là từ Nam hay Bắc. Điều này hoàn toàn không thấy có ở những nhà văn miền Bắc:

"...Những Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ, Phan Nhật Nam, Tô Thùy Yên, Cung Trầm Tưởng...nay bắt mai thả. Không một ai dưới mười năm đầy ải. Mai Thảo nêu lên một câu hỏi: Những người như Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo, Nguyễn Duy, Nhật Tuấn...cùng những nhà thơ, nhà văn khác của miền Bắc đâu? Họ giữ thái độ mũi ni che tai. Tuyệt không có một lời nói, một cử chỉ gọi là có một tấm lòng..." (Hoàng Khởi Phong, Gối Đầu Lên Chữ Nghĩa, Nói Chuyện với Nhà Văn Mai Thảo, Văn Học số 102, trang 6).

Những người mà nhà văn Mai Thảo liệt kê đã có thái độ "mũi ni che tai" vì hai lý do. Hoặc là vì lý do chính trị: họ vẫn tin là họ có "chính nghĩa" hơn các "Mỹ Ngụy". Hoặc giản dị chỉ vì họ sợ liên lụy mà kết quả có thể nhẹ thì "nhà tù" như Nguyễn Huy Thiệp đã sợ hay nặng thì thảm khốc như vụ Nhân Văn, Giai Phẩm hay như cái chết của cả gia đình Lưu Quang Vũ. Một nền văn học xây dựng trên sự đe nẹt như văn học miền Bắc thì lâu lắm mới cởi được những cái mũi ni này và cũng lâu lắm mới ngừng sản xuất ra những nhà văn bằng lòng cầm lấy mũi ni che tai. Nói thế không phải trong những nhà văn Miền Bắc không có

những tấm gương can đảm: có nhiều, từ Phùng Cung đến Lưu Quang Vũ. Nhưng chắc chắn đó không phải là một nền văn học nhân bản có thể tạo ra được những nhà văn "dũng lực" (chữ của nhà văn Mặc Đỗ) hay có tư cách văn chương có thể đại diện cho một dân tộc như nền văn học miền Nam. [Ồ bề sâu, nếu Phùng Cung còn làm XEM ĐÊM hay những người khác còn âm thầm viết cho mình, lại là chuyện khác]. Lâu nữa, thời gian lại là yếu tố rất cần thiết để người ta đo đạc sự chính xác của nhận xét này.

Nhà văn mới lớn như Trần Vũ không nghĩ đến yếu tố này nên đã vội vàng kết luận rằng "...dại da số các tác giả nổi tiếng của miền Nam trước 75 đều đã về hưu ở cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng..." (Thủy Khuê phỏng vấn Trần Vũ, Hợp Lưu 18, 94).

Trước hết, "nổi tiếng" chưa chắc đã có thực tài. Nếu không có "thực tài" thì chính độc giả mới là người cho họ "về hưu". Còn nói chung chung thế thì không đúng. Nói không đúng là còn lịch sự. Vì ông Trần Vũ mới lớn nên thương hại mà nhân nhượng. Lẽ ra, phải dùng "sai hoàn toàn". Nhà thơ Nguyễn Sa viết trên báo Dân Chúng: Ba tập thơ điển hình của Văn học Hải ngoại sau 1975, Viên Linh với Thủy Mộ Quan, Thanh Nam với Đất Khách, Lê Tất Điều với Thơ Cao Tản. Còn văn Võ Phiến, thơ Nguyễn Sa, thơ Mai Thảo, sao lại bảo họ "về hưu". Thế những tác giả xuất hiện sau 75 có gì nào?

Ngoài những tác phẩm kể trên, các nhà văn thành danh trước 75 còn viết những bài phê bình hay viết lại về những vấn đề văn học liên quan đến chính cuộc đời họ. Một trong những người "trước 75" viết rất xuất sắc về thể loại này là nhà văn Lô Răng Phan Lạc Phúc. Những bài viết của ông, phẳng phiu như một thứ hồi ký văn chương, nhưng là một thứ tài liệu rất cần thiết cho chúng ta về thời gian các nhà văn bị cầm tù ra sao, thế nào sau 1975.

Chính tài năng của họ đã được chứng tỏ qua nhiều năm, qua nhiều biến cố, thử thách - là sự bảo đảm cho nền văn học "của chung", một nền văn học không có khẩu hiệu ("chống-đế quốc Mỹ") hay phí thì giờ tìm cách hòa giải với dân tộc vốn là những người không bao giờ là mục tiêu đòi sửa đổi của họ.

Ngoài phương diện văn chương, sẽ không thể bỏ qua hay coi nhẹ những hoạt động mà những nhà văn miền Nam, trong hay ngoài nước, đã làm để bảo đảm mỗi một điều: văn chương có thể ra đi hay ở lại nhưng phải là sự lựa chọn của chính tác giả, không phải của nhà cầm quyền.

"Khi nhà vua biết trị nước thì thi sĩ tự do làm thơ, kép hát tự do đóng trò, các viên thái sử chép đúng sự thực..." như Thiệu Công khuyên vua nhà Chu, Lê Vương, năm 845 trước Tây Lịch.

Ông Nghè về lại trong dinh
Tướng quân giữ ải thư sinh dưới đèn
Từ Thức lại trở về Tiên
Sĩ phu giảng huấn, người hiền bình văn...
(Viên Linh, Thủy Mộ Quan, 1982)■



ĐẠM THẠCH

TÍN HIỆU SỰ ĐỔI THAY

Hồi ấy tiếng gõ mì khuya khoắt
Dừng tôi lên trong ngõ hẻm tối tàn
Hồi ấy giọng rao chè lạnh buốt
Động trong tôi bao số phận nghèo nàn.

Mười năm - Bây giờ
Lại tiếng gõ mì các cụp
Nhồi tôi lên
Thầy tôi xuống liên hồi
Cái tín hiệu của người Hoa
bắt đầu làm ăn thịnh đạt
Sau bao năm im lìm
Trở mình cục cựa
Sau bao năm sợ kiểm kê, sợ đối tiền,
sợ đi vùng kinh tế mới
Giờ ăn nên làm ra
Tiếng gõ mì chẳng còn làm tôi cồn cào
cả ruột
Mà nghe như no cảnh hồng!
Và giọng rao chè đừng đục
chẳng còn trong
Chẳng còn làm tôi giá buốt.

Đất nước mình với những tín hiệu
đổi thay
Có tín hiệu vươn vai Phù Đổng
Có tín hiệu đầu voi đuôi chuột
Có tín hiệu miền Bắc rét đậm đà
Có tín hiệu miền Nam hạn bà chẳng
Có tín hiệu liên hoan có người bội thực
Có tín hiệu đắng cay cùng cực
Có tín hiệu xả cảnh nhảy đầm
Có tín hiệu mặt hồng cô gái Đà Lạt
Có tín hiệu trét phấn cô đào cải lương
Có tín hiệu điện tử
Có tín hiệu cày trâu
Có tín hiệu "cần làm ngay"
Có tín hiệu "chờ xem"
Những tín hiệu của
vết thương chiến tranh
Chưa kéo da non
Sự đổi thay còn mừng mù.

Từ trong tiếng gõ mì đêm
Tôi nghe tín hiệu của sự phát đạt

Tôi nghe tín hiệu của lòng đang
khao khát
Nên tiếng gõ mì dẫu dối dẫu no
cũng làm tôi thức dậy
Riêng tiếng rao chè còn ray rứt mãi
trong tôi.

TUỆ SỸ, TÙ ĐÀ Y VÀ QUÊ NHÀ

VIÊN LINH

I.

Trong các nhà tu hành trẻ tuổi hồi thập niên '70, khuôn mặt của Tuệ Sỹ, vóc dáng của Tuệ Sỹ là khuôn mặt và vóc dáng của một hiền giả, nhìn vào, nói tới, là nhìn vào, nói tới một tinh thần, một phong cách sáng lạn. Hồi ấy, ảnh hưởng truyện kiếm hiệp Kim Dung còn mạnh, Võ Lâm Ngũ Bá từ ANH HÙNG XẠ ĐIỀU thấy xuất hiện ngoài đời. Những phụ nữ tác xác được gọi là Kim Bà Bà. Ghen tuông lườm nguýt thành Triệu Minh, Chu Chỉ Nhược. Đào hoa vợ nọ con kia thành Đoàn Chính Thuần. Ngốc tử gặp may thành Đoàn Dự. Hèn hạ nịnh nọt len vào chốn cao sang thành Vi Tiểu Bảo. Năm vị anh hùng trấn võ lâm, đem vào gia phả Vạn Hạnh, có Trung Thần Thông Vương Trùng Dương Thượng tọa Minh Châu, Viện trưởng; Bắc Cối Hồng Thất Công Bùi Giáng; Nam Đế Ngô Trọng Anh; Tây độc Phạm Công Thiện, và Đông tà Tuệ Sỹ.

Những lần lui tới Vạn Hạnh, tôi tiếp xúc với hầu hết chư vị tăng ni ở đây, người nào trong mắt nhìn của một ký giả, tôi cũng có thể đùa rồn, ngoại trừ Đông tà. Trong ngũ bá Vạn Hạnh, tôi kính trọng Thầy Minh Châu, anh Ngô Trọng Anh, giao du với Bắc Cối Bùi Giáng, đùa thả giàn với Tây độc Phạm Công Thiện, nhưng với Đông tà Tuệ Sỹ, lòng tôi cứ trùng xuống, nói năng nhẹ đi, và cái nhìn của tôi không còn sắc cạnh nữa. Đi tu như Sân Đại đức, tôi dư sức thành chánh quả. Hành thiền như Sĩ Phươg trưởng, tôi không có hạnh Bồ tát, song cũng không hèn gì mà không trụ trì nổi một cảnh chùa nhỏ ven sông. Tuệ Sỹ vượt lên trên những tầng chúng thường gặp. Con người ấy là con người thật, và còn vượt hơn cả cái thật của con người. Con người ấy, tuy vậy, một lần giận tôi, ngồi mãi ở Tòa soạn Thời Tập mà nói, chỉ vì tôi đã đăng một bài thơ anh dịch chưa xong, mà coi như xong rồi.

Lúc ấy, cùng với các anh Đỗ Khánh Hoan, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Hữu Hiệu, Cao Huy Khanh, Lê Tài Điển, và Trùng Dương, Tuệ Sỹ đứng trong Bộ Biên Tập của Thời Tập, hậu thân của Khởi Hành các năm trước.

Khoảng 1984, lúc ở Hoa Kỳ nghe tin Hà Nội vây hãm chùa Già Lam, nghìn trùng xa cách, tôi biết ngay Tuệ Sỹ lâm nạn. Ngày 30 tháng 9.1988, vị chân tu ấy bị họ lên án tử hình, cùng học giả Trí Siêu Lê Mạnh Thát, các cựu sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa Phan Văn Trí, Tôn Thất Kỳ, và 17 vị khác thuộc Mặt Trận Nhân Quyền Việt Nam và Lực Lượng Việt Nam Tự Do. Tôi nhờ giáo sư Đỗ Đình Tuấn dịch cho một bài thơ của bạn tôi qua tiếng Anh, Mười Năm Trong Cuộc Lữ, thực hiện ngay một bản tin bằng tiếng Anh, và mang lên đọc trong một Đại hội của Văn Bút Hoa Kỳ ở Los Angeles. Tôi đọc nguyên bản của Tuệ Sỹ, và anh Trịnh Y Thư sau đó đọc bản dịch Anh ngữ. Văn Bút Quốc Tế, qua tài liệu do bà Jeanne-Leedom Arckerman, lúc ấy là Chủ tịch Văn Bút Hoa Kỳ ở Miền Tây chuyển lên giùm, đã can thiệp tích cực vào vụ Chùa Già Lam. Cũng vụ này, Tạp chí Văn Học làm một số đặc biệt vào ba tháng sau, và tôi đã dành lấy việc trình bày cái bìa, và làm ba đoạn thơ cảm khái, với nhan đề Trí, Tuệ.

*Nhà Lý Văn Lang Công Uẩn ôi!
Bao nhiêu thế kỷ đã qua rồi?
Thăng Long rồng hiện xem bờ cõi
Cửa mở Già Lam thả phượng chơi.*

*Mỏng mảnh như mây gió thổi về
Vén tâm vô hạn xuống bờ mê
Gác chuông Trí, Tuệ kinh vừa giảng
Dưới đáy trần gian quỷ kéo đi.*

*Vẫn tiếng sông sâu róc rách trôi
Bến Vàng lớp lớp mộng lời thôi
Vung tay Sỹ hận hể, tung sách
Chữ nghĩa nghìn trang, Trí và trời.*
(Viên Linh, Văn Học, số 35, 12.1988, tr.18).

II.

Trong cuộc sống xô bồ với giấy mực của tôi, Tuệ Sỹ như một băng hồ. Băng hồ ấy có thể đóng đá, song lại bốc hơi. Hơi ấm của băng hồ. Nói nhỏ nhẹ, nói như viết, anh không nói thừa. Anh cũng không cao giọng, dù trong lòng, không

vui.

—Anh đọc lại đi. Tôi đã dịch xong đâu.

Tuệ Sỹ ngồi im, hai tay đặt lên hai thành ghế, cả người lọt thỏm trong chiếc ghế gỗ màu gụ của Tòa soạn Thời Tập, cũng là văn phòng nhà in Phúc Hưng của anh em chúng tôi ở đường Nguyễn Trãi, Chợ Lớn.

—Tôi nghĩ xong rồi. Xong rồi anh mới đưa tôi đăng chứ?

—Tôi đưa anh đọc.

—Tôi thấy hay thì đăng.

Câu này hình như làm cho tác giả TRIẾT HỌC VỀ TÁNH KHÔNG giận. Một lần nữa anh bảo tôi đọc lại đi, xem có phải là thơ không, mà tôi đem đăng lên Thời Tập.

Trong quan điểm một Chủ bút, tôi vẫn chủ trương thơ của các tác giả vô danh, thì phải hay mới đăng được; còn bài của những người có tên tuổi, thì có làm sao, tôi vẫn đăng, trừ phi nguệch ngoạc quá tay (vì các tác giả có tên tuổi sẽ chịu trách nhiệm về bài viết của họ, còn với tác giả vô danh, người chịu trách nhiệm chính là người chọn bài đăng). Cho nên nếu lấy thơ loại B mà ký Đình Hùng, Vũ Hoàng Chương, tôi vẫn đăng. Và Bài Vua Tần Uống Rượu Tuệ Sỹ dịch thơ Lý Hạ, không lý do gì tôi không đăng. Khoảng 1973, 74, Tuệ Sỹ đã rất có uy tín.

TUỆ SỸ

VUA TẦN UỐNG RƯỢU
(dịch thơ Lý Hạ)

Tần vương kỳ hồ du bát cực
Kiếm quang chiếu không thiên tự bích
Hy Hòa xao nhận pha lê thanh
Kiếp hời phi tậu cổ kim bích

Long đầu tả tửu yêu tửu tính
Kim tào tả ba dạ tránh tránh
Động đình vũ cước lại xuy sinh

Từ kiêu hát nguyệt sử đảo hành
Ngân vân tiết tiết Dao điện minh
Cung môn chương sự báo nhất canh
Hoa lâu ngộ: phượng thanh kiều oanh
Hải sao hồng vân hương thiên niên quang

Tiên nhân chức thọ lập yên khinh
Thanh cầm túy nhần lệ hoang hoang
Vua Tần cười cợt chơi tám cực
Ảnh kiếm chỉ trời, trời tự biếc
Hy Hòa rung mặt nhật rộn tiếng pha lê
Kiếp tro bay hết, cổ kim bình.

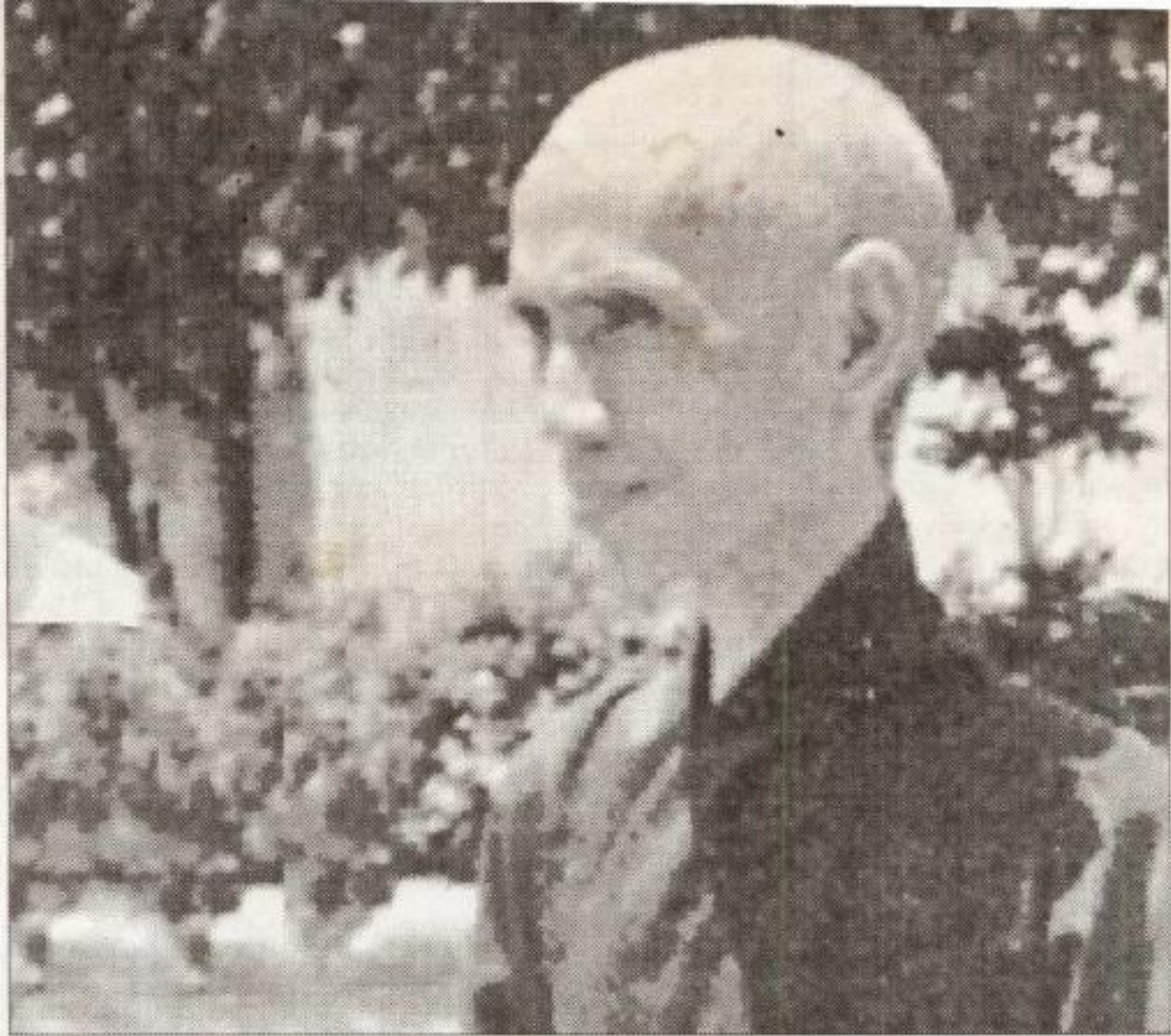
Đầu rồng rót rượu mời sao rượu,
Tì bà cầm vàng đêm tang tình
Gót mưa Đổng đình đến thời senh.

Rượu mềm bớt trắng bắt đi lui
Mây bạc ùn ùn, điện Đào sáng
Cung nhân chường sự báo sang canh.

Lầu hoa phượng ngọc tiếng rộn ràng
Rong biển, vãn hồng, hương chập chờn
Ngài vàng nhảy múa, chén ngàn tuổi.

Cây đuốc người tiên khói sáp nhẹ
Thanh cầm mắt say lệ rào rào. (1)

(1) Nguyên văn in trong Lý Hạ luận, của Châu Thành Nhân
Hongkong, 1971; tr.20.



Nhà Sư Tuệ Sỹ sau 14 năm trong tù Cộng Sản

Đọc lại, quả có thấy thiếu vắn. Đoạn một, tôi nói có thể coi là có vần trắc, do hai chữ cực và chữ biếc, nghe tương tự đồng âm. Đoạn hai chắc chắn có vần, do hai chữ tình ở câu trên, và senh ở câu dưới. Đoạn ba tôi đồng ý không có vần, nhưng nối với đoạn hai, thì chữ canh đi với chữ senh, coi là đồng âm. Đoạn bốn tôi đồng ý không có vần, nhưng không sao. Còn hai câu kết...

Tuệ Sỹ giận lắm. Tôi thấy hai bàn tay anh nổi xanh trên tay ghế. Anh nói gì đó tôi không còn nhớ nguyên văn, song đại ý là như thế mà coi là có vần được à. Tôi nói như không có vần thì có điệu, coi như thơ tự do. Toàn bài, đối với anh chưa hoàn tất, nhưng đối với tôi, tôi thấy hay. Tôi thấy anh giận thực sự, ngồi im bất thật lâu.

Nguyễn Đức Sơn từng nổi giận tại Tòa soạn Thời Tập, la hét như người kinh phong, đi qua đi lại, hai đầu gối nhấc cao, làm cho tà áo lam gây khúc, khi tôi đang thơ anh đọc theo chiều gáy tờ báo, nghĩa là phải quay 90 độ mới đọc được, song Tuệ Sỹ giận thì như mặt hồ đóng băng. Im lặng. Tĩnh chết. Một lúc sau anh đứng dậy ra về, không nói gì hết. Giận vậy thôi, trước là Khởi Hành (1969-1972) và sau là Thời Tập (1973-1975) vẫn là hai tờ tạp chí đăng tải nhiều sáng tác nhất của Tuệ Sỹ, trong có ít nhất là hai bài thơ hay: Sơ Huyền (Tang thương một giải tóc thề), Mơ Tuổi Vàng (Đôi mắt ướt tuổi vàng khung trời hội cũ / bài thơ làm Bùi Giáng choáng váng) và ba truyện ngắn, tùy bút xuất sắc: Truyện Chuyển Xe Đò Cao Nguyên về một "cuộc lữ nhỏ" trên đường Pleiku; truyện Sư Thiện Chiếu về "cuộc lữ lớn" của một nhà sư dựng nước; hay Quĩ Thi của Lý Hạ...

Nhà Đại Đức về rồi, tôi ngồi đọc lại bài Vua Tần Uống Rượu, quả có thấy là chưa hoàn tất, nhưng nhất định hay thì vẫn hay. Tháng 4.1998, tôi lên Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ sao lại bài này, lúc về lại California thì bị mất cấp ở phi trường Fort Worth, Texas. Tháng 12.98, tôi trở lại Hoa Thịnh Đốn sao chép một lần thứ hai, và bản sao thu nhỏ như phía trên. Với tôi giờ này đọc lại, vẫn thấy hay như thường.

Dịch thơ, là dịch cho nổi ý tác giả; dịch đúng vắn mà không đạt ý thì đâu phải là dịch hay? Đó là thơ mình mượn ý của người. Tần Vương kỳ hổ du bát cực mà dịch là Vua Tần cười cợt chơi tám cực thì hay quá rồi còn gì nữa. Vừa đối chữ, vừa chỉnh thanh. Kiếm quang chiếu không tự biếc. Ảnh kiếm chỉ trời trời tự biếc thì hết ý, ai có thể dịch hay hơn? Hai chữ không không dịch thành hai chữ trời trời, đâu phải ai cũng dịch được? Hy Hòa xao nhật pha lê thanh dịch là Hy Hòa rung mặt nhật rộn tiếng pha lê thì đúng nghĩa, tuy rằng phải thêm chữ mặt và chữ rộn.

Câu dưới, Kiếp hồi phi tận mà dịch là Kiếp tro bay hết thì còn gì hay hơn? Cổ kim bình thì ta không cần dịch cũng được, cứ để cổ kim bình, ai mà không biết? Nhà tu này thật khó tính.

Để xem trong những bài khác, Tuệ Sỹ dịch như thế nào.

Bài Thu Lai của Lý Hạ:

Đồng phong kinh tâm tráng sĩ khổ
Suy đặng lạc vĩ đề hàn tổ
Thùy khan thanh giản nhất thiên thơ
Bất khiển hoa trùng phấn không đổ
Tư khiên kim dạ trường ưng trực
Vũ lãnh hương hồn điệu khách thơ
Thu phân quỷ tướng bảo gia thi
Hận huyết thiên niên thổ trung bích.

Tuệ Sỹ dịch nghĩa:

Gió heo may rộn hồn tráng sĩ
Lạnh se da, rỉ rả dền lu.
Dở trang bóng chữ lơ mơ
Mấy rây một phần cơ hờ điểm hoa.
Buồn rầy rứt kéo ra ruột thẳng
Khóc người thơ, mửa lạnh hồn ma
Tanh hồi giọng quỷ trên gò
Máu hồn thiên cổ xanh mỡ cỏ thu.
(Tuệ Sỹ, Thời Tập, 1973)

Như dịch giả ghi chú, đây chỉ là dịch nghĩa. Dịch giả dùng thể song thất lục bát, hai câu bảy, rồi một câu lục một câu bát. Câu thứ ba có hai chữ tuyệt vời: Bóng Chữ. Phải chăng nhà thơ Lê Đạt ở Hà Nội đã đọc bài này trước khi in tập thơ Bóng Chữ cách đây vài năm?

III.

Tuệ Sỹ Phạm Văn Thương sinh ngày 15 tháng 2.1943 tại Paksé, Lào, nguyên quán Quảng Bình, Trung phần, Việt Nam, qui y Phật từ thuở đồng nhi, tốt nghiệp Viện Cao Đẳng Phật Học Sài Gòn năm 1964 và Viện Đại Học Vạn Hạnh năm 1965, phân khoa Phật Học. Được đặc cách bổ nhiệm Giáo sư thực thụ Viện



Bản tin Anh ngữ phổ biến cho Văn Bút Mỹ.

condemned to death by Hanoi

LITTLE SAIGON (NV)— On September 30, 1988, a court in Saigon condemned two "counter-revolutionaries" to death and sentenced 19 others to prison for anti-government activities.

Pham Van Thuong and Le Manh That, two well-known Buddhists, both in an out of Vietnam, were handed the death penalty by the Hanoi regime, in a trial without lawyers and with no respect to international laws on human rights.

Pham Van Thuong, also known as poet/Venerable Thich Tue Sy, is the former Dean of the Buddhist Study College at Van Hanh University, where he earned respect for knowledge of Nagarjuna, Buddhism, oriental meditation and classic Chinese literature; he also has translated works of Japanese Zenist D.T. Suzuki and published his own thoughts on meditation.

Le Manh That, a colleague of Pham Van Thuong at the Van Hanh University, is an authoritative historian on Buddhism in Vietnam. He has studied at Wisconsin University in 1965 where he earned degrees in Indian Philosophy and Medicine.

The Vietnamese PEN Club of Southern California, in its declaration against Hanoi Communist regime's sentencing, asks worldwide human rights groups and Vietnamese artists and writers everywhere to voice their opinions on the behalf of the condemned Vietnamese freedom- human rights activists. [The content of the Vietnamese PEN Club is also printed in this issue]

The Declaration of the Vietnamese PEN Club Overseas, Southern California Center, on the condemning of poet Tue Sy and historian Le Manh That to death, plus the sentencing of 19 other Human Rights activists to years in prison

The Hanoi Communist regime has:

— Condemned the poet/Venerable Tue Sy Pham Van Thuong, the former Dean of Buddhist Study at Van Hanh University and former editor of Tu Tuong magazine, now a prisoner, to death.

— Condemned professor/Venerable Tri Sieu Le Manh That, a Buddhist historian with a Masters degree in ethnology, now a prisoner, to death.

— Sentence Phan Van Tri and Ton That Ky, two former South Vietnamese military officials, and 17 Human Rights activists who are members of Vietnamese Human Rights Front and Vietnam Freedom Force.

We, the Vietnamese PEN Club Overseas and other writers, poets, intellectuals and artists of Southern California:

— Denounce to the world the intention of Hanoi's Communist regime to destroy the intellectual, religious and artistic life by persecuting and eliminating intellectuals, religious leaders, writers, poets, artists and other so-called anti-revolutionaries from Vietnam's society.

— Ask Vietnamese writers, intellectuals, religious and community leaders, and artists everywhere to participate in the Campaign to stop Hanoi's Communist regime from carrying out the death penalty of poet Tue Sy, historian Le Manh That, and imprisonment of Phan Van Tri, Ton That Ky and 17 other freedom-loving Vietnamese.

— Are willing to join other organizations in similar struggles against Vietnamese communists.

Prepared at Little Saigon, October 15, 1988

Đại học Vạn Hạnh từ năm 1970 nhờ những công trình nghiên cứu và những khảo luận Triết học có giá trị hết sức cao, như ĐẠI CƯƠNG VỀ THIÊN QUÁN, TRIẾT HỌC VỀ TÁNH KHÔNG (Sunnyavada), (An Tiêm Saigon, 1970). Rất giỏi chữ Hán, rành chữ Pháp, chữ Anh, đọc được chữ Pali và chữ Phạn. Ông cũng đọc hiểu tiếng Đức, nghiên cứu kỹ Heidegger và Hoelderlin. Cuốn THIÊN LUẬN nổi tiếng của D.T. Suzuki bản Việt ngữ là do ông dịch.

Tuệ Sỹ là một học giả uyên bác về Phật giáo nguyên thủy và Đại thừa, đọc và nghiên cứu Tô Đông Pha từ nguyên tác, để lại một tác phẩm chan hòa tính thơ: TÔ ĐÔNG PHA, NHỮNG PHƯƠNG TRỜI VIỄN MỘNG (Ca Dao Saigon, 1973). Những lúc rảnh, ông chơi dương cầm. Ông làm nhiều thơ, viết một số truyện ngắn đặc sắc, phần lớn đăng trên Tạp chí Khởi Hành (1969-1972) và Thời Tập tại Saigon (1973-75), khi đứng tên trong Bộ Biên Tập tạp chí này. Ông cũng là Chủ bút Tạp chí Tư Tưởng của Viện Đại Học Vạn Hạnh.

Vào ngày 1 tháng 4.1984, Thượng Tọa Tuệ Sỹ bị nhà cầm quyền Hà Nội bắt giữ cùng giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát và 19 Tăng ni, sĩ quan cũ của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, bị kết án mưu vô trang lật đổ chính quyền và trong phiên tòa kéo dài nhiều ngày cuối tháng 9.1988, ngày 30 ông bị lên án tử hình cùng giáo sư Lê Mạnh Thát, Cộng Sản nói có tìm thấy vũ khí trong Chùa Già Lam.

Do sự tranh đấu tích cực của các Cơ quan Nhân quyền Quốc tế, trong có Hội An Xá Quốc Tế và Văn Bút Thế Giới, cũng như Ủy ban Tranh đấu cho Quyền Làm Người Việt Nam của ông Võ Văn Ái, trụ sở đặt tại Ba Lê, Hà Nội phải giảm án xuống còn chung thân khổ sai, đem giam Tuệ Sỹ tại trại A.20 tại Phú Yên. Tháng 10.1994, cùng 200 tù nhân, ông tham gia biểu tình đòi gặp phái đoàn Liên Hiệp Quốc và thực hiện các quyền khác, nên bị Hà Nội đẩy ra Bắc.

Những lời tuyên bố của người tù lương tâm Tuệ Sỹ, tại Tòa Án, cũng như khí phách kiên cường lúc trong tù, là gương sáng chói lọi, và niềm tự hào của Phật giáo: "Lập trường của chúng tôi là lập trường của Phật giáo, là lập trường của toàn khối dân tộc". (trích theo Hòa Thượng Mãn Giác). Năm 1998, Hà Nội thả Thượng tọa, cùng với một số người khác. Trước đó, ông tuyệt thực trong tù. Trước khi thả, họ muốn Tuệ Sỹ ký vào lá đơn Xin Khoan Hồng để gửi lên ông Chủ tịch Nước Trần Đức Lương, Tuệ Sỹ trả lời: "Không ai có quyền xét xử tôi, không ai có quyền ân xá tôi". Họ nói không viết đơn thì không thả. Tuệ Sỹ không viết, và tuyệt thực. Họ phải thả ông, sau 10 ngày tuyệt thực. Hôm đó là ngày 1.9.1998.

Sáng hôm sau, lúc 10 giờ 45, Thượng tọa Tuệ Sỹ được đưa lên tàu hỏa về Nam. Theo lời kể với ông Võ Văn Ái, Thượng tọa ngồi suốt 36 tiếng đồng hồ trên tàu thì không thể chịu đựng thêm, vì rất yếu sau 10 ngày không ăn ở trong tù. Ông xuống Nha Trang, vào Phật học viện Hải Đức.

Thượng Tọa Tuệ Sỹ tuyệt thực một mình, không có tổ chức, báo chí không

biết. Ông tuyệt thực "để khẳng định mình", như ông nói. Ít lâu sau, Hà Nội lại ra lệnh ông phải về chốn cũ, là Chùa Già Lam ở Gia Định, chứ không được ở lại Hải Đức. Ông từ chối, viết một lá thư gửi cho nhà cầm quyền Hà Nội, nói một là ở Hải Đức, hai là vào tù trở lại. Tin này có loan trên báo chí hải ngoại.

Trước sau, tác giả Những Phương Trời Viển Mộng đã bị giữ trong nhà tù Cộng sản 14 năm. Giữa tháng 4.1999, Hòa thượng Quảng Độ đề cử Thượng tọa Tuệ Sỹ làm Tổng thư ký Viện Hóa Đạo.

IV.

Ta là kẻ rong chơi từ hỗn độn

Treo gót hài trên mái tóc vào thu...

(Tuệ Sỹ, Mười Năm Trong Cuộc Lữ)

Cho tới nay, kể từ những bài thơ đầu tiên đăng trên Tạp chí Tư Tưởng, năm 1970, Tuệ Sỹ chỉ mới cho phổ biến được khoảng dưới 10 bài thơ. Thời gian ở tù, ông có chuyển ra ngoài một số bài, song ít người được đọc.



TUỆ SỸ VÀ THÂN MẪU

Dâng nhúm cơm tù phạm
Cúng đường Đấng Tối Cao
Cõi Đời dầm máu hận
Nâng chén nước mắt trào.

(Tuệ Sỹ, Cúng Đường).

Thơ Tuệ Sỹ giai đoạn đầu cho người đọc thấy một pha trộn kỹ thuật của người đã đọc nhuần nhuyễn VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SINH của Nguyễn Du và CUNG OÁN NGÂM KHÚC của Nguyễn Gia Thiều. Cũng có cả CHINH PHỤ NGÂM của Đặng Trần Côn. Đó là những Truyện Thơ. Thơ có chuyện để kể.

Các nhà thơ Miền Nam thập niên '70 ít người dùng đến thể thơ truyện, như tám chữ hay song thất lục bát; Tuệ Sỹ dùng một đôi lần thể song thất, phần lớn dùng thể tám chữ. Trong non 10 bài đã phổ biến của ông, ta hãy đọc:

Này đêm rộng như khe rừng cửa biển
Hai bàn tay vén lại tóc xa xưa.

(Không Đề, Tạp chí Tư Tưởng bộ mới, số 8, 12.1970).

Ta làm kẻ rong chơi từ hỗn độn
Treo gót hài trên mái tóc vào thu.

(Mười Năm Trong Cuộc Lữ, Tư Tưởng).

Tôi vẫn đợi những đêm xanh khắc khoải
Màu xanh xao trong tiếng khóc ven rừng.
(Tôi Vẫn Đợi)

Chuyện đã kể rồi hồng hoang lừng thừng
Vấy tay chào nỗi gót chẳng buồn trông
(...)

Đôi mắt ươi tuổi vàng khung trời hội cũ
Áo màu xanh không xanh mãi (trên) đôi
hoang.

(Mơ Tuổi Vàng, Khởi Hành)

Thơ tám chữ, bản chất là thơ kể. Bài thơ tám chữ được nhắc nhở nhiều nhất thời Tiền chiến là bài Nhớ Rừng của Thế Lữ:

Gâm một mối cảm hồn trong cũi sắt,
Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua.

(Thi Nhân Việt Nam, Hoài Thanh Hoài Chân, Hoa Tiên, 1968).

Sau 1954, Đình Hùng là vua thơ tám chữ ở Miền Nam:

Lòng đã khác, ta trở về Đô Thị
Bỏ thiên nhiên huyền bí của ta xưa.

(Bài Ca Man Rợ)

Ta thường có từng buổi sầu ghê gớm
Ở bên Em - Ở biển sắc rừng hương!

(Ký Nữ)

Trong lớp các thi sĩ lúc ấy, Tuệ Sỹ nổi lên với những bài thơ tám chữ mệnh mang, kể những chuyện từ tâm thức hồng hoang xáo trộn với thời thế nhiều nướng, trong đó những hình ảnh bát ngát nhất là núi rừng, dòng sông cạn, triều dâng, nước chảy, nước lũ, bờ bến lạ, ghềnh đá dựng, suối trắng, tóc xa xưa, tóc huyền, tóc vào thu, tóc cũ, tóc trắng, nỗi mộng, viễn mộng, cuộc lữ... Nếu thơ Phạm Thiên Thư đầy màu xanh hoa vàng của một thiên nhiên êm đềm thì thơ Tuệ Sỹ phiêu hốt, hùng vĩ với màu đá, màu rừng già khô lạnh, thác ghềnh, và một mái tóc sơ huyền. Đó là những thiên nhiên khác.

Thơ tám chữ không ảo là như lục bát. Tuệ Sỹ nhỏ người, mà rất cứng cỏi. Lời thơ ông không là lời nói xuống xẻ, êm tai, mà là khối tâm sự ngổn ngang. Trước hết, nghĩ về mình, có thể ông nghĩ như sau:

Như cánh hải âu cuối trời biển lộng
Bồng bênh bay theo cánh mỏng ngàn
đời...

Cánh hải âu ấy bay lượn trên một bờ biển hoang vu, tìm nét hồng trong đá xám, kiếm huyền nhiệm trong biển dâu hưng phéc:

Chiều lắng đọng thên thang ghềnh đá
dựng,

Những nỗi buồn nhân thế cũng phôi pha,
Màu nhiệm nào dâng sau bao hủy diệt
Mà nụ hồng vừa nở thắm ven khe.

....
Nếu cho mình là cánh chim, thì cánh chim Tuệ Sỹ thấy thiên nhiên đất trời vô cùng khắc nghiệt:

Hàng thạch thảo dọc thiên đường tàn úa
Tháng ngày qua thoáng hắt bóng trên đồi
Con chim sớm bay tìm từng hạt lúa...

....
Một buổi sáng nghe chim buồn đối giọng
Người thấy ta xô dạt bóng thiên thần.

V.

Hình bóng thiên nhiên khắc nghiệt, mà hình bóng con người cũng không hơn.

Chia xa, mất hút. Kể cả con người ấy là người mẹ:

Mẹ già thôi khóc cho thân phụ
Lại khóc cho đời ta phiêu linh.

Con người trong thơ Tuệ Sỹ không được thể hiện bằng vóc dáng, dung nhan, cặp môi, khóe mắt, tiếng cười, giọng nói. Con người trong thơ Tuệ Sỹ chỉ là mái tóc. Có cả năm bảy mái tóc trong tâm thức Đông tà:

Tang thương một giải tóc huyền
Bãi dâu ngàn tuổi mấy miền hoang vu.
Gởi thân gió cuốn sa mù
Áo xanh cắt trắng trời thu muộn màng.
Chênh vênh hoa đỏ nắng vàng
Gót xiêu dốc núi vai mang mây chiều.
Tóc huyền loạn cả nguyên tiêu
Lặng đui ai ngỡ cô liêu bạc đầu.
(Sơ Huyền, Khởi Hành).

Mưa xanh lên tóc huyền sương nặng
Trong giấc mơ lá dạt xa bờ.
(Mùa Mưa Cao Nguyên, Khởi Hành).

Bờ bến lạ chút tự tình với bóng
Mây lạc loài ôi tóc cũ ngàn năm
Nào đâu nữa tóc em như gió cuốn
Người ra đi tâm sự với hoàng hôn.
Tượng đồng tạc bóng cô liêu
Trời xanh tóc trắng bao nhiêu chuyện rồi.
Này đêm rộng như khe rừng cửa biển
Hai bàn tay vén lại tóc xa xưa.
(Không đề, Tu Tường).

Mái tóc trong thơ Tuệ Sỹ phải chăng là bờ môi nhục cảm trong thơ Xuân Diệu, vì Xuân Diệu không sợ tiếp xúc; phải chăng là con mắt đắm đuối của Hàn Mặc Tử, vì Hàn Mặc Tử không thể dụng chạm; hay đó là bàn tay trong thơ Lưu Trọng Lư, vì Lưu Trọng Lư ngại chia phối?

Mái tóc trong thơ Tuệ Sỹ phải chăng là bờ vai của Huy Cận, vì Huy Cận muốn tựa đầu; là xiêm áo của Bích Khê, vì Bích Khê suốt đời mong một dáng tằm xuân, một tấm thân kiều diễm? Mái tóc của Tuệ Sỹ phải chăng là bàn chân của Đinh Hùng, vì Đinh Hùng luôn luôn quì dâng, sùng bái? Là lưng mềm của Vũ Hoàng Chương, bởi Vũ Hoàng Chương thích riết đôi tay, tiến đôi chân? Mái tóc ấy là gì? Một thực nữ? Một giai nhân? Những câu hỏi ấy đêm nay tôi chẳng thể trả lời, chỉ biết mái tóc trong thơ Tuệ Sỹ chưa chắc là có thật, mà có thật; chưa hẳn là không, mà vẫn không. Mái tóc ấy, biết đâu chẳng phải là một phương trời viễn mộng, cái viễn mộng thanh cao của một thị giả thích ngắm nhìn đất đỏ, áo xanh, cỏ vàng, đêm đen, nụ hồng, và tóc? Mái tóc ấy nhất định là người, song là ai? Hay chẳng là ai cả, mà chỉ là những đổi thay trong Cuộc Lữ, từ lúc mưa xanh tới nắng hạ, từ thuở hồng hoang tới tàn úa thiên đường?

Và, tâm thức ấy, vì sao lại nhìn thấy từ ngực, như trong bài Tôi Vẫn Đợi:

Tôi vẫn đợi những đêm xanh khắc khoải
Màu xanh xao trong tiếng khóc ven rừng
Trong bóng tối hận thù tha thiết mãi
Một vì sao bên khóe miệng rừng rừng.

Tôi vẫn đợi những đêm đen lặng gió
Màu đen huyền ánh mắt tự ngàn xưa
Nhìn hun hút cho dài thêm Lịch Sử
Dài con sông tràn máu lệ Quả Cha.

Tôi vẫn đợi suốt đời quên sống vô
Quên những người xuôi ngược
Thái Bình Dương
Người ở lại với bàn tay bạo chúa
Cộng lau gầy trĩu nặng bóng tà dương.

Rồi trước mắt ngực tù thân bé bỏng
Ngón tay nào gõ nhịp xuống tường rêu
Rồi khép lại hàng mi về cõi mộng
Như sương mai như bóng chớp mây chiều.

Bài thơ trên quả là Một lần định như sao ngàn đã định. Định từ một Cái định của ngàn sao, của không hư. Của 14 năm tù đầy. Cho Quê Hương và Đạo Pháp. ■
5.1999

TỰ THUẬT

Ba mươi năm trước học Khổ Không
Kinh điển đôi chồng che cửa song
Xuân xanh không đoái, xuân già cõi
Trúc biếc tà bay, ngát mộng lòng
Thấm thoát mi dài buông án cũ
La đà tóc bạc nửa tàn phong
Một sớm hột chân rơi vách núi
Mới thấy Chơn Không đối Tịch Hồng
Sau 1975

CÚNG DƯƠNG

Phụng thủ ngực tù phạm
Cúng dương Tối Thắng Tôn
Thế gian trường huyết hận
Bình bát lệ vô ngôn

Phỏng dịch:

Dâng nhúm cơm tù phạm
Cúng dương Đấng Tối Cao
Cõi đời dầm máu hận
Nâng chén nước mắt trào.
Sau 1975

Sau đây là hai bài lục bát do nhà thơ Nguyễn Thanh Châu chép lại từ sổ tay của thầy Tuệ Sĩ khoảng năm 1972, chưa từng được in.

BÀI 1.

Trời ơi một buổi hoa râm
Trời trưa nắng đại tóc dầm sương khuya
Nụ cười rồi một chuyến đi
Còn e năm tháng đã về trước ta
Môi in nửa bóng trắng tà.

BÀI 2.

Thời gian để lại sông này
Bến bờ hiu hắt những ngày hư không
Chân non cỏ nội hoa đồng
Thành hoang đá đỏ mù trông khói chiều
Tượng đồng tạc bóng cô liêu.

GỐC TÙNG

TUỆ SỸ

Dương niên song cõi thị song đồng
Tô Đông Pha

Những năm trước, hai gốc tùng trước sân như hai đứa trẻ, đáng điệu miệt mài trong cơn gió hiu hắt của mùa thu. Quanh năm suốt tháng, không một lời qua lại, không trao đổi nhau đến cả một chiếc lá đã qua mùa. Vào năm mưa bão nhiều, đôi khi nước dâng cao, từ xa vọng lại như một bãi tuyết trắng ngập nửa thân hình. Thỉnh thoảng vài cánh bướm ghé xuống, không hương sắc của phấn nhụy để bày tỏ một chút tình nồng nhiệt. Cánh bướm lại bay đi, vẫn không một cử chỉ xao động hứa hẹn nào. Chúng bình thản và trầm mặc, cố lớn lên cho kịp tấm lòng bao dung của trời đất. Bây giờ thì cả hai đã sừng sững ra đây, như hai con rồng xanh không thiết đến chuyện làm mưa làm gió. Chẳng biết vô tình hay cố ý, một đôi người cũng thấy chủ nhân như đã muốn ký thác cái bản tính lưu linh hơn một nửa đời sôi nổi của mình ở đó. Mỗi năm một mùa nước lũ, cuốn đi một ít cái cao cách điệu của những trận cười. Từ mấy năm nay, những tiếng cười ấy không gượng đủ sức để chống chế lòng thắc độ ẩm. Từng đêm, từng cơn ho dồn dập phủ xuống trên ngọn cây tùng. Và từng buổi sáng, ông chống gậy ra sân, thọc từng chiếc lá một của cây ngô đồng. Có vẻ như ông không cam tâm nhìn những chiếc lá đã đến mùa báo hiệu, mà vẫn cố lay lắt mãi trên cành.

Buổi sáng như thế. Buổi tối như thế. Còn buổi trưa ông làm gì nhỉ?

Tháng bảy, tháng tám, xứ Huế thường có mưa dầm. Dù vậy vào trưa trời cũng còn hơi lạnh. Nhưng ông chỉ bận một chiếc quần cụt, không ngớt nằm xuống, rồi lại ngồi dậy. Nóng từ bên trong. Sức nóng tàn bạo của hơi rượu chất chứa trên mấy mươi năm trời. Thân ông, bên ngoài như đồng tro tàn đã nguội lạnh; bên trong lửa vẫn còn cháy âm ỉ. Gan ruột bị thiêu đốt. Một cái gì đó không ngớt hồi thúc. Những sợi tóc bạc và lòng đất mát lạnh. Khí sắc của một thời chỉ còn phảng phất trong phong độ của hai gốc tùng.

- Cháu đi chiều hay khuya?

Cậu cháu út của ông đang ngồi quay lưng lại, tựa ở án sách đặt sát khung cửa sổ; chậm chạp gấp sách lại và nhón chân đứng dậy, ghé mắt nhìn ra trước

sân. Trời đục như màu sữa. Mặt đất vẫn còn ướt.

- Hồi về, cháu cứ định là ở luôn đây. Mấy tháng này, cháu chỉ tập viết, cả ngày. Chữ có hơi tiến bộ. Nhưng còn cái nét móc câu thì không cách gì cháu viết coi cho được.

Ngay giữa nhà, một cái sập với bộ đồ trà màu đất nung. Giường của ông lão kê sát góc tường phía trái. Kế cận đó là án sách và cửa sổ. Bên trên vách tường mé phải, trong cái không khí lơ mờ, ẩm ướt, sau cơn mưa dai dẳng hơn hai ngày, người ta nhìn thấy những hàng chữ thảo, gầy và cứng, giống như những que củi khô ngang dọc. Nét chấm phá của mực tàu chồng lên vách tường vôi, vàng và cũ. Một mùa Xuân nào đó; nước đầm ướt dầu mấy con vịt, như nhuộm trắng; một cụ già chống gậy tiếp khách. Khách đi mang theo cả một thời quá khứ của cụ, trong từng bước. Khách hẹn sẽ có ngày ghé thăm lại. Hòn núi trở trời trong buổi chiều, y ước đứng mãi đấy để đếm từng buổi nắng quai đi qua:

*Ngang đầu vấn khách kỷ thời qui
Khách ngôn thu phong lạc điệp thi
Hệ mã lạc dương khai khẩu tiến
Bàng sơn y ước kiến tà huy*

Những ánh nắng của buổi chiều lay lắt và một mái tóc bạc đứng đợi cái gì đã đi qua và đi mất.

- Cháu rót cho ông chén nước.

Cụ ngồi dậy, hai tay tì lên mép giường, bỏ thông chân xuống đất. Chỉ trong chốc lát, cụ lại nằm xuống, nghiêng đầu nhìn cậu cháu út, rồi trở mặt vào vách, đưa quạt lên phẩy.

Cậu út bưng chén nước đặt lên chiếc ghế nhỏ ở đầu giường.

- Dạ, thưa ông, nước.

Cậu trở lại án sách, xếp lại chồng sách ngay ngắn, cắm những cây viết vào ống.

- Chiều chút nữa, cháu sang bên phố. Sáng mai lên tàu.

Ông cụ lại trở mình, cất đầu cao lên một chút; với tay bưng chén nước trà, nhấp một hớp nhỏ; rồi lại nằm xuống, buông quạt và nhắm mắt như muốn ngủ. Cậu út ngồi khoanh tay, tựa cằm lên án sách.

Như vậy, thoáng một cái đã mười một năm rồi; kể từ ngày cậu bỏ trốn ông nội ra đi, nay là lần đầu tiên về lại. Cậu mang về cho ông một ít khôn lớn và trầm tĩnh. Những năm trước đó nữa, qua cặp kính tuổi, ông vẫn còn có thể nhìn thấy trong đôi mắt của đứa cháu này một chân trời biển biệt; cái thứ biển biệt ấy đã lôi cuốn ông dây dưa quá nửa đời người. Bởi vì mỗi năm có một mùa nước lũ, bỗng không ông trở thành cột trụ của một gia đình, do chính mình tự dựng. Nước từ Trường Sơn đổ xuống ào ạt, cái hương sắc của rừng rú trải bao nhiêu lần gạn lọc, khi băng qua các làng mạc, phố phường. Một lần đã thấm cái hương vị mặn nồng và xanh ngát của biển thì không còn trông mong cơ hội chảy ngược về nguồn. Người con trai độc nhất của ông, sinh ra và lớn lên trong cao vọng của những con sóng bạc đầu. Cho đến cả thằng cháu lớn, cái địa vị ấy vẫn còn nồng đượm. Những dòng máu đỏ tươi đã đổ xuống theo dòng nước, cứ mãi miết chảy dài ra cửa biển.

Nhưng, ở cậu út này, ông đã hy vọng biết bao; một đám mây trời nào đó trong tuổi thanh xuân của mình. Con trai của ông không giữ nổi ông nghỉ yên với tuổi già, với những trầm lắng của một ngày đã xế. Tâm hồn ông còn quá nhiều sôi nổi. Hằng đêm, ông cất giọng đọc sách sang sảng. Cả nhà không ai ngủ được. Quanh phố cũng không ai ngủ được. Đành phải kiếm cho ông một căn nhà xa phố. Lúc đó, cậu út vừa hơn mười một tuổi. Cậu nhất định theo ở với ông nội. Buổi sáng cậu vẫn phải sang phố học. Buổi chiều, ông dạy cháu học chữ Hán. Hơn nửa năm, cậu học xong Tam tự kinh, bộ Minh Tâm bửu giám và một nửa quyển Hán Cao tổ. Cha cậu không nói gì hết; nhưng ông hơi e ngại. Mai sau, thằng nhỏ sẽ làm được gì cho cuộc đời của nó? Bà mẹ có những lo sợ khác. Lối học chữ Hán của con bà như vậy, biết đâu lớn lên nó chẳng cuồng chữ và loạn óc? Bà muốn nó bớt thông minh đi một chút. Bà muốn nó uống mực Tàu cho thật nhiều để đầu óc nó hơi tối lại. Nhưng ông nội gạt đi.

Hai ông cháu ở với nhau gần được một năm, bỗng nhiên cậu út bỏ trốn ông nội, lẩn tránh cả cha mẹ, bỏ đi mất biệt. Bà mẹ âm thầm oán trách. Bằng chứng ấy tuổi, ngày ngày chỉ ôm những chuyện nào Lưu Bang, Hạng Vũ, nào Hàn Tín, Trương Lương; lại được ông nội tiêm nhiễm cho nào núi cao, nào biển rộng, nào sông dài, nhất đán không bỏ đi sao được? Quả thực là "cướp công cha mẹ thiệt hại đời thông minh".

Chẳng mấy chốc cũng đã mười một năm rồi đấy.

- Ông trông hai gốc tùng bao lâu rồi, coi lớn dữ hỉ?

Trời càng về chiều, ông cụ càng mệt và càng khòe dần. Ông ngủ thiếp đi được một lúc.

Ngôi nhà của ông ở trên một cái cồn nhỏ giữa sông Hương. Người ta gọi nó là Cồn Hến. Mỗi lần qua phố, phải đi bằng đò. Năm kia, tỉnh cho bắc cầu từ Cồn sang Vĩ Dạ. Sẵn dịp, người ta cất một cái quán nhỏ. Buổi sáng nấu cơm tấm, buổi chiều người ta bán chè. Vào mùa bắp, chè bắp rất được hâm mộ. Bắp cồn này nổi tiếng là thứ ngon nhất của thành phố Huế. Từ khi có cầu bằng buổi chiều, khách từ bên phố lái xe vòng ngã Trường Tiền sang Vĩ Dạ, đến đây như để hóng mát. Cảnh chiều có hơi rộn rã. Tuy vậy, buổi tối vẫn còn giữ được cái không khí tịch mịch của một cồn nhỏ biệt lập giữa dòng sông. Đêm đêm, cậu út bắc ghế gằm ở hiên nhà. Bên trong, chỉ một ngọn đèn dầu ở giữa sập. Chốc chốc, tiếng ho của cụ già khi lơ khi dồn dập. Trước sân, hai gốc tùng lặng lẽ rủ nhánh theo cơn gió đông đưa. Ông lão không còn nhìn thấy được gì trên thân hình của cháu nữa. Đôi lần tỉnh táo, ông còn nghe ra những bước vừa chậm vừa gần. Ông chỉ thấy mờ mờ bóng dáng của cậu đi qua đi lại một mình. Cái giọng nói của nó trầm trầm như một người khách dấy đưa trong cái cảnh nửa chiều nửa sáng.

Cậu về với ông nội ít lâu, vài ba năm gì đó. Một già một trẻ với một chút hy vọng ở bên kia bờ. Trời đất dầu dầu cũng đối đãi với người rất nồng hậu. Nhưng lòng người lại hay quyến luyến; tâm trạng của một cảnh hai quê. Người không trải rộng được lòng mình như tấm lòng bao dung của trời đất. Cái chí tình của người, một mai kia đổ lại, không lớn và không trong hơn một giọt sương sớm trên chiếc lá. Chân trời biển biệt trong đôi mắt ấy chỉ được vẽ bằng nước lã trên trang giấy trắng. Bầu trời càng cao thì càng trong, nhưng không sao rung động lòng người cho bằng khi có những đám mây rất thấp hay cuộn cuộn.

- Thưa ông, cháu sửa soạn đi bây giờ.

Ông cụ đã thức dậy này giờ. Hai tay khoanh lại làm gối, ngửa mặt trông lên trần nhà. Cậu út bước ra nhà sau. Ông cụ rút cánh tay mặt, gác lên trán. Khi cậu trở lên:

- Nì!

- Dạ!

Cụ quay mặt vào vách, rồi quay trở ra, neho mắt nhìn về phía cửa sổ.

- Coi trời đã chiều hung chưa?

- Dạ, chiều lắm rồi.

Cậu bước ra sân, đưa mắt nhìn về phía mặt trời lặn. Ráng chiều, mây trắng và mây đen lẫn lộn. Cậu trở vào, vừa đi vừa nói vọng:

- Dạ, hơi có nắng. Phía tây bắc có ráng đỏ. Mai chắc mưa gió chi đây.

Khi đến gần ông cụ, cậu đứng thẳng người, khẽ cúi đầu.

- Dạ, thưa ông, cháu đi.

Lại một lần nữa. Ngày mai, trời sẽ có mưa hay gió gì đây. Vào mùa này, Huế thường có sương mù mỗi sáng. Lúc xe ngang qua cầu Trường Tiền, phía dưới kia dòng nước cồn nhỏ thấp thoáng như một hải đảo xa xôi nào đó. ■

NGUYỄN HỮU BÀO

THƠ TUỔI THƠ



HOÀNG HOA TÁI BẢN 1999

**Tập Thơ Ngụ Ngôn Với Minh Hoa
Rất Đẹp Dành Cho Thiếu Nhi. Rất
Hữu Ích Trong Việc Dạy Việt Ngữ.**

**Liên lạc: GS Nguyễn Hữu Bào
13222 Cedar St., Westminster, CA. 92683
(714) 895-4398**

SỨ THIÊN CHIẾU

TUỆ SỸ

Thuở đó, bọn tôi dăm bảy người, ...Ai cũng mong đem cái hùng tâm tráng khí của mình ra mà thi thố trong thời buổi điêu linh của Quê Hương...



Vào khoảng trước hay sau năm 1945 gì đó, nay không nhớ rõ; phải nói thực rằng đây là thời gian đánh dấu một chuyển hướng quan trọng trong đời sống của tôi. Qua một thời bôn tẩu, lúc này tôi rất thấm thía cái ý nghĩa của sự mệt mỏi. Con ngựa chứng đã đến kỳ mất hết phong độ hùng hăng của một đạo. Rừng núi âm u, hùng vĩ, chỉ còn nghe đâu những tiếng vọng mơ hồ. Trong túp lều tranh của ông cha mấy đời để lại, từng buổi chiều, tôi bắc ghế ngồi nhìn về rừng núi Đâu Mâu ở phía tây, cảm giác sự thất bại và sự sụp đổ của những ngày nung cái khí phách cuồng vọng. Cứ tưởng con mắt mình chẳng còn cơ hội nào để trông thấy những lớp bụi đường, dành để cho thân và danh cùng mục nát với cỏ cây tại chỗ này. Ấy thế mà, sự đời vẫn có những cơn biến đầu kỳ lạ.

Chẳng mấy chốc sau đó, con tàu lạc phách lại lăn bánh nữa. Tự thể rằng, từ nay, dù có đi đâu, cũng sẽ chỉ đi trong một tâm tư tịch liêu. Lời thể này cho đến bây giờ, có lẽ vẫn còn hiệu lực.

Năm đó, gần ngày Tết, tôi ghé lại thăm một người bạn, bấy giờ đang ở vùng Đồng Ông Cộ, tỉnh Gia Định. Cũng là một bọn lữ vận và thất chí như nhau. Tuy vậy, không ai dám cất tiếng bảo "Trời hại ta rồi". Bạn già như chúng tôi có lẽ ai cũng muốn nhớ ít mà nên nói nhiều. Cho nên, tâm sự tràng giang đại hải cứ theo gió mà bay mất.

Đó là nói riêng cái tâm sự giang hồ và những cuồng vọng của tuổi thanh xuân. Nhưng tâm sự vãi chương có lẽ không phải là chuyện đáng quên hay đáng nhớ. Sẵn dịp đó, tôi làm tặng ông bạn già hai câu đối chữ Nho, để treo coi mấy ngày Tết. Nhờ vậy mà tình già không nhạt nhèo lắm. Nay xin lục lại mấy câu đó cung hiến chư phương độc giả thưởng thức chơi:

*Chích lý thiên trùng ẩn ước triêm huy,
tà cốc khẩu*

*Song kiều tuyết lãnh mộng lông thê
thủy trực vân không*

Ông bạn già tôi rất lấy làm thưởng thức, sai xấp nhỏ chạy ra Lăng Ông Bà Chiểu kiểm coi thấy đồ nào đó viết chữ



NGUYỄN TIẾN ĐỨC

IM LẶNG

đêm khép mắt
anh chấp môi em
với đóa hoa đơn độc
nở sương sở

anh chấp đôi mắt em
với hai chiếc lá chết
nằm ngay dưới tàn cây đầu thu

anh chấp sự tịch mịch
của giọt nước mắt trên má em
với giọt sương rơi thầm kín
giữa khe cỏ

anh chấp sợi tóc
rơi im lặng trên gối em
với đoạn cuối hành trình lưu lạc
của kiếp người

NƠI YẾM

em
dắm lên cát ướt
dắm lên những trang thư anh
nhòe nước
chỉ còn lại
những vằn vô nghĩa
bi bô như lời con trẻ

em
dắm lên những cánh bướm đêm
bay tít ở độ cao
không cho phép
bị gió bẻ gãy cánh
rơi xuống biển
bọt biển trắng như hoa ren
thêu trên nịt ngực em
nơi lỏng
một đêm trắng
trên biển một mình
em.

trông được, thuê viết lên giấy hồng điều, để treo mấy cái cột trống giữa nhà, thêm một chút phong vận cho những cuộc đối ẩm khuya và chiều.

Xấp nhỏ trở về, mang về không những chỉ hai câu đó, mà còn thêm hai câu nữa. Chúng tôi không hiểu ắt giáp gì hết. Hồi ra, mới hay là ông thầy đồ kia có nhã ý tặng thêm hai câu. Coi lại, té ra là hai câu dịch nôm như thế này:

*Một chiếc dép đi nghìn trùng, thấp
thoảng nắng mai nghiêng cửa động;*

*Đôi cánh non trên vạn nẻo, mặt mù
nước cuộn đuổi trời mây.*

Chúng tôi cao hứng vô cùng. Một mặt sai xấp nhỏ chạy ngay ra mời ông thầy đồ về nhà chơi. Một mặt sai sắm sửa thêm một ít thức nhắm và mua thêm rượu ngon.

Gần trưa thì khách tới. Chủ khách nhìn nhau sững sốt. Chả lẽ tuổi già yếu kém hóa ra mắt mờ lệch sao đây? Hồi ới, há không phải là cố tri sư Thiện Chiếu đấy ư? Sao lại nông nổi trong lớp hình hài này?

Sư vốn con nhà trưởng giả ở Kinh Thành. Xuất gia từ nhỏ. Cốt cách tài hoa, nên càng lớn càng tự thị. Sở học rộng rãi. Nhất là về kinh điển nhà Phật thì coi như độc bộ vũ lâm.

Thuở đó, bọn tôi dăm bảy người, mỗi người theo một chí hướng. Ai cũng mong mỗi đêm cái hùng tâm tráng khí của mình ra mà thi thố trong thời buổi điêu linh nhục nhã của quê hương. Trên những bước đường xuôi ngược Kinh Thành là nơi gặp gỡ thường xuyên. Cứ mỗi lần đoàn tụ đủ mặt, chúng tôi kéo nhau đến sư Thiện Chiếu. Sư nói chuyện rất sôi nổi và lời cuốn. Đời sống vẫn tỏ ra phóng khoáng, nhưng chung quanh sư như đã bao vây sẵn một bức tường kiên cố, chúng tôi không làm sao xuyên thủng được. Có lẽ vì sở kiến quá cách xa nhau.

Cho đến lúc mưu sự chung của chúng tôi bị tan rã, ai nấy tìm đường chạy trốn. Một trong các người bạn của tôi, anh Bát Kỳ, lúc đào vong đã tìm đến sư, nhờ phương tiện sư, được gởi đi lánh tránh tại một vùng quê heo hút. Kể từ đó, anh em mỗi người một ngả, mất hẳn liên lạc. Mãi về sau mới biết được tin tức hoạt động của một vài người. Sư Thiện Chiếu thì bây giờ mới gặp lại. Riêng anh Bát Kỳ, tôi chỉ nghe được qua lời sư Thiện Chiếu nhân lúc tái ngộ này mà thôi.

Bát Kỳ là đàn anh, thủ lĩnh đại ca của chúng tôi trong mưu đồ đại sự. Khi thất bại, đào vong, anh vẫn tin tưởng và chờ đợi một cơ hội khác. Những ngày đào vong, anh lấy khung cảnh nhỏ hẹp của gia đình làm chỗ trú ẩn tinh thần. Con

✦ Chủ nghĩa Cộng Sản:

Con đường dài nhất và đau đớn nhất đi từ chủ nghĩa tư bản đến chủ nghĩa tư bản.

Tiểu lâm Liên Xô hiện đại

✦ Chế độ độc tài:

Một hệ thống chính quyền trong đó cái gì không bị cấm đoán đều có tính cách bất buộc.

người anh có những đam mê mù quáng. Hoạt động chính trị thì đam mê lý tưởng của mình đến độ quên hết dự đoán trước những gì mà biến chuyển thời cuộc phải có. Đời sống gia đình đưa anh đến các đam mê cuồng loạn khác. Cái đó tôi biết chắc là vì bản tính đam mê, chứ không phải vì thất chí. Chẳng mấy chốc, gia đình đổ vỡ. Anh đành ôm hận bỏ đi. Đó là di liễu, vì phải tránh né đủ mọi thứ. Anh đi từng đoạn đường, lần mò cho đến vào tận Sài Gòn. Rồi một đêm kia, sư Thiện Chiếu bỗng gặp anh trong dáng người đầy dọa phong trần, mình đã khoác áo làm sư. Vì anh phải làm như vậy mới tránh được sự theo dõi suốt cả đoạn đường từ Sài Gòn trở ra Huế.

Đêm đó, anh nghỉ lại với Thiện Chiếu, nhưng không hề dấn động đến mục đích trở về Huế của mình. Theo lời sư Thiện Chiếu, đó là đêm đầu tiên sư khám phá sức nhẫn nại của một con người đầy chất đam mê mù quáng này. Thất bại và đau khổ làm cho gương mặt anh rạng rỡ hẳn lên. Có lẽ phải là người đa cảm như sư Thiện Chiếu mới thấy được nét thiên thần trên gương mặt trẻ thơ đầy nước mắt. Cái thất bại lớn, không phải là những dự tính bất thành, hay những khát vọng và đam mê cuồng nhiệt không được thỏa mãn. Sự thất bại chính ở chỗ mình chưa nếm được sự thực của đau khổ. Ước vọng dù đạt được hay không đạt được, luôn luôn vẫn là ước vọng. Phải bị bức bách đến chỗ kỷ cùng khổ lụy, mới thấy rõ cái đam mê cuồng nhiệt của mình nó như thế nào. Sau đêm đó, Bát Kỳ từ giả ra đi, biệt tích.

Vài tháng sau, Thiện Chiếu lên đường vào Nam. Tôi có cảm giác sư bỏ đi trong con mắt hùng thị cô độc của mình. Tài hoa mà giấu kín, nó chỉ làm khổ mình trong một cõi mộng cô liêu mà thôi. Đem tài hoa ra thi thố, thì nó lại dày vò mình trong một rừng khổ lụy.

Sư không nói rõ, nhưng qua lời nói, tôi cũng đoán được lần đi đó, sư cũng đã làm nên sự nghiệp đúng như dự tính dưới một danh hiệu khác.

Cái con người này, từ đạo trước, hề mỗi lần mở miệng là phảng phất lý tưởng giải thoát. Đời sống không chút ràng buộc, ngay cả qui luật nhà chùa cũng không tỏ ra ràng buộc sư, cho nên chúng tôi hồi đó không hiểu sư muốn giải thoát cái gì. Sao sáng suốt như sư mà không giác ngộ trước cái nhục nhã điêu linh của đất nước, để thực hiện lý tưởng giải thoát ở đó, cho chúng tôi nhờ cậy được nhiều?

Tôi hỏi hoàn cảnh hiện tại, và nguyên nhân nào đưa đẩy con người tài hoa xưa kia đến tình trạng như vậy. Bấy giờ, không phải là sư Thiện Chiếu, mà là một cụ đồ Nho viết mượn, mỉm cười. Bỗng nhiên, tôi cảm thấy mình đau khổ. Ngoài sáu mươi tuổi, ý nghĩa của đau khổ là gì nhỉ?

Sau buổi cơm trưa, chúng tôi cố cầm ông bạn cố tri này ở lại chơi ít hôm. Nhưng ông nhất quyết từ chối. Hỏi thăm nơi trú ngụ, cũng không nói. Đến nay, cũng đã; mấy năm rồi, tôi không biết hỏi thăm ai về sư Thiện Chiếu ngày xưa hay cụ đồ viết mượn ngày nay nữa. ■

MƯA NGUYỆN CẦU

Thơ HOÀNG LIÊN

Nhạc Anh Việt TRẦN VĂN TRỌNG

MODERATO
PP DẠO NHẠC ...

mp
Từng giọt trầm trầm xa xôi thì thầm Ngàn xưa rót về từng
giọt tí tê lời nghe náo nê Từng giọt thời gian bên
thêm vờ tan Vườn ai Xuân tàn Từng giọt tiêu điều sa
mạc cô liêu đời nghiêng bóng chiều Từng giọt đắng cay điểm ngày lưu
đày đời sa sa lầy Từng giọt thê lương hòa niềm đau thương với
sầu tha hương Từng giọt rơi mau Dồn kinh nguyệt
cầu cho ngày mai sau nắng cuốn u sầu Hồn ướt mịt
thú Tiếng buồn ai ru **rall...** Nhớ quê trắng lu **FINE**

ĐI VÀO CỘI THƠ TUỆ SỸ

BÙI GIÁNG

Tuệ Sỹ một vị sư. Ông viết văn quá nghiêm túc, những sở tri của ông về Phật Học quả thật uyên bác vô cùng. Thấy ông về người khác khổ, không ai ngờ rằng linh hồn kia còn ẩn một nguồn thơ thâm viễn u u...

Một bữa ông đọc cho tôi nghe hai câu thơ chữ Hán của ông:

*Thâm dạ phong phiêu nghiệp ảnh tùy
Hiện tiền vị liễu lạc hoa phi*

Ông bảo tôi làm sao tiếp cho hai câu để nên một bài tứ tuyệt. Tôi đề nghị ông nên nhờ ni cô Trí Hải tiếp giùm. Ông ngưỡng nghịu bảo tôi đừng nên giỡn đùa như thế. Vậy tôi xin thử lai rai viết:

*Thâm dạ phong phiêu nghiệp ảnh tùy
Hiện tiền vị liễu lạc hoa phi
Phiêu bổng tâm sự tán toan lệ
Trí Hải đa tâm trúc loạn ly*

Và xin ông chớ nên lấy thế làm buồn.

Nhưng ai có ngờ đâu nhà sư kín đáo e dè kia, không hề bao giờ có vương lụy, lại còn mang một nguồn thơ Việt phi phàm? Một bài thơ "không đề" của ông đủ khiến ta khiếp vía, mất ăn mất ngủ:

*Đôi mắt ướt tuổi vàng khung trời hội cũ
Áo màu xanh không xanh mãi trên đồi hoang
Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ
Thấp đèn khuya ngồi kể chuyện trăng tàn*

Mới nghe bốn câu thôi, tôi đã cảm thấy lạnh buốt linh hồn, tê cóng cả cõi dạ.

*Từ núi lạnh đến biển im muôn thuở
Đỉnh đá này và hạt muối đó chưa tan
Cười với nắng một ngày sào chống thế
Nay mùa đông mai mùa hạ buồn chẳng*

*Đếm tóc bạc tuổi đời chưa đủ
Bụi đường dài gót mỗi đi quanh
Giờ ngó lại bốn vách tường ử rừ
Suối nguồn xa ngược nước xuôi ngàn*

Tôi hoảng vía đề nghị: Đại sư nên gác bỏ viết sách đi. Và làm thơ tiếp nhiều cho. Nếu không thì nên thi ca Việt mất đi một thiên tài quá lớn.

Ông đáp: Để hỏi lại ni cô Trí Hải xem có đúng như lời thế chẳng.

*Đôi mắt ướt tuổi vàng
khung trời
hội cũ*

Xin hãy xuống dòng thơ thả như thế. Ất nhìn thấy trang trọng dị thường của hoài niệm. Hoài niệm gì? Khung trời hội cũ? Một hội đẹp thanh? Một hội nao nức? - "giờ nào nức của một thời trẻ dại?"

Đôi mắt ướt tuổi vàng khung trời hội cũ...

Mở lời ra, nguồn thơ trực nhập vào trung tâm cơn mộng chiêm niệm. Đây đủ hết mọi yếu tố bát ngát: một khung trời xán lạn bao la, một hội cũ xao xuyến, một tuổi vàng long lanh... một đôi mắt ngậm ngùi của hiện tại.

Nhưng mạch thơ đi ngầm. Tiết nhịp âm thầm nhiếp dẫn. Thi sĩ không cần tới một hình dung từ nào cả, vẫn nói được hết mọi điều "phải nói" với mọi người "muốn nghe" với riêng mình "không thiết chi chuyện nói".

Người thi sĩ xuất chúng xuất thần thường có phong thái khác thường đó. Họ nói rất ít mà nói rất nhiều. Họ nói rất nhiều mà chung quy hồ như chẳng thấy gì hết. Họ nói cho họ, mà như nói hết cho mọi người. Nói cho mọi người mà cơ hồ chẳng bận tâm gì tới chuyện thiên hạ nghe hay chẳng nghe.

Nổi vui, nổi buồn của họ, dường như chẳng chi giống nỗi vui buồn của chúng ta. Do đó, chúng ta trách móc họ một cách lệch lạc hết cả - *par manque de justice interne*.

Trong một cuộc vui, ta hỏi họ vài điều. Họ lơ đãng thờ ơ, ta tưởng họ kiêu bạc. Trong lúc mọi người đang gào khóc giữa một đám tang, họ phiêu phiêu đi qua, trông có vẻ như mỉm cười, niềm hoà vi tiếu. Ta tưởng họ tàn nhẫn thô bạo.

Vua Gia Long ngày xưa đã từng lấy làm quái dị về thái độ Nguyễn Du: "Trăm dùng người, không phân biệt kẻ Nam kẻ Bắc. Ai có tài thì trăm trọng dụng (...) Cớ sao khanh u sầu ít nói suốt năm như thế?"

Ông vua kia lấy làm lạ là lẽ phải lắm, hợp với lương tri thói thường thiên

hạ lắm. Ông không thể hiểu vì sao vị di thần kia cứ miên mạn như nằm trong cõi mộng thần di, hồn dịch!

Vua đã ban cho chan hòa mưa móc, lộc trọng quyền cao, đặc ân thâm hậu nhu thế, cớ sao Liệp Hộ chưa vừa lòng, vẫn như cứ thả mộng chạy lang thang về chân trời hướng khác.

Đáp: Ấy chính bởi đôi mắt nhìn đây mà chưa thấy những đâu đâu.

Đôi mắt ướt tuổi vàng khung trời hội cũ

Đôi mắt ướt? Đôi mắt của ai? Vì sao ướt? Vì lệ trào hay là vì quá long lanh?

Thi sĩ không nói rõ. Ấy là giữ một khoảng trống vắng lặng phóng nhiệm cho thơ.

Tha hồ chúng ta tự do nghĩ hai ba lối. Hoặc là đôi mắt thi nhân ướt trong hiện tại vì nhớ nhung một trời hội cũ.

Hoặc là đôi mắt giai nhân nào long lanh dịu mật như nước suối chan hòa, soi bóng một khung trời hội cũ bất tuyệt nào, mà ngày nay tại hạ đã đánh mất rồi chẳng?

*Áo màu xanh không xanh mãi
trên đồi hoang*

Áo nào màu xanh? Màu xanh màu chàm của cô gái Mán gái Mường, gái núi nào xưa kia băng rừng và thi nhân đã ngẫu nhiên một lần nhìn đắm đuối?

Tôi nói không sai sự thật mấy đâu. Vì Tuệ Sỹ vốn xưa kia ở Lào. Cha mẹ ông kiều cư trên đất Thượng Lào Trung Việt. Bà mẹ ông thỉnh thoảng cũng có về Saigon tới chùa viếng ông đem quà cho ông một đôi dép riêng biệt, một tấm khăn quàng riêng tây:

*Đôi mắt ướt tuổi vàng khung trời hội cũ
Áo màu xanh không xanh mãi trên đồi hoang
Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ
Thấp đèn khuya ngồi kể chuyện trăng tàn*

Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ? Mình là thân bồ tát, quanh năm kinh kệ trai chay, thế sao bỗng nhiên một phút vội vã lại dám làm thân du thủ? Dám gác bỏ kệ kinh? Dám mở cuộc thấp đèn khuya ngồi kể chuyện trăng tàn?

Phải có nhìn thấy khuôn mặt khác

khổ chân tu của Tuệ Sỹ mới kinh hoàng
vì lời nói thăm thăm đơn sơ nọ. Lời nói
như ngân lên từ đáy sâu linh hồn tiền
kiếp, từ một quê hương trên thượng du
bao la rừng núi gió sương canh chiều
nguyệt rung rinh trong đêm lạnh.

*Từ núi lạnh đến biển im muôn thuở
Đỉnh đá này và hạt muối đỏ chưa tan
Cười với nắng một ngày sao chóng thế
Nay mùa đông mai mùa hạ buồn chẳng*

Mối tình rộng thả suốt biển non im
lìm lạnh lẽo. Một hạt muối vẫn chưa tan.
Một nếp sống u uẩn của lòng mình bơ vơ
không gột rửa.

*Từ núi lạnh đến biển im muôn thuở
Đỉnh đá này và hạt muối đỏ chưa tan*

Ta tưởng như nghe ra "cao cách
điều" bi hùng của một Liệp Hộ; một
Nerval, một chỗ trầm thanh nhất trong
cung bậc Nietzsche.

Thì nhân đã mấy phen ngồi ngó trăng
tàn? Ngồi trên một đỉnh đá? Bốn bề rừng
thiêng giăng rộng ngút ngàn màu trắng
xanh tiếp giáp tới chân trời xa xuôi đại
hải?

Đỉnh đá và hạt muối là hai chốn kết
tụ tinh thể của núi và biển.

Đỉnh đá quy tụ về mọi hướng màu
trời mây rừng rú. Hạt muối chứa chất cái
lượng hải hàm của trùng dương. Đó là cái
bất tận của tâm tình dừng sống tại giữa
tuế nguyệt phiêu du:

*Cười với nắng một ngày sao chóng thế
Nay mùa đông mai mùa hạ buồn chẳng*

Một tiếng "buồn chẳng" lơ lửng như
chất vấn, nửa như ngậm ngùi ta thán, đều
về cả một khúc tân thanh đoạn trường:

*Sen tàn cúc lại nở hoa
Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân
Đếm tóc bạc tuổi đời chưa đủ
Bụi đường dài gót mỗi đi quanh
Tiết nhịp lời thơ lại biến đổi
Đếm tóc bạc
Tuổi đời
chưa
đủ*

*Bụi đường dài
Gót
Mỗi
Đi
Quanh*

Tiết điệu rời rạc như gót mỗi đi
quanh. Một tuổi đời chưa đủ? Một tuổi
xuân chưa vừa. Một tuổi vàng sớm chấm
đứt? Một tuổi "đá" sớm từ già mọi yêu
thương?

*Giờ ngó lại bốn vách tường ử rử
Suối nguồn xa
Ngược nước
Xuôi ngàn...*

Bài thơ dừng lại. Dư âm bất tuyệt
kéo dài trong đêm lữ thứ, khép mình
trong bốn bức tường với nhạ nhòa ử rử
ngục tù.

Chỉ một bài thơ, Tuệ Sỹ đã trùm lấp
hết chân trời mới cũ Đường Thi Trung
Hoa với Siêu thực Tây Phương. ■

ANTIÊM STUDIO

NHÂN TRÌNH BÀY

S Á C H

BÌA VÀ NỘI DUNG

NHÂN IN SÁCH ĐÚNG TIÊU CHUẨN
MỘT SẢN PHẨM VĂN CHƯƠNG

in 100 trang 500 cuốn với giá 750 mỹ kim
in 100 trang 1000 cuốn với giá 900 mỹ kim
(bìa tùy theo 2 hoặc 4 màu, giá từ 200 mỹ kim trở lên)

bạn sẽ có một cuốn sách đẹp
với giá dưới 1 mỹ kim rưỡi một cuốn



Điện Thoại: (714) 554 - 1886
FAX: (714) 554 - 7086

liên lạc sau 2 giờ chiều, không kể chủ nhật

liên lạc bằng thư qua khởi hành
po box 670 midway city ca 92655

in sách ở an tiêm, quảng cáo miễn phí trên khởi hành

VẤN ĐỀ DI CẢO

NGUYỄN PHƯƠNG TUẤN

Nhà văn Tobias Woff tuyên bố: “Tôi sẽ chẳng để lại gì hết sau tôi. Tôi liệng bỏ mọi thứ”.

Tiểu thuyết gia Francine Prose cũng đồng ý như trên. Ông đưa ra hình ảnh: “Đốt thành một ngọn lửa lớn”.

Văn hào Ernest Hemingway sinh năm 1899, buổi cuối tuần đầu tháng 4-1999 vừa rồi, các tác giả, học giả và những người ái mộ Hemingway đã họp mặt tại Thư viện John F. Kennedy, thành phố Boston trong dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của nhà văn. Cuộc họp mặt bỗng có một đề tài được bàn cãi sôi động. Nhiều ý kiến được đưa ra, khen, chê, bảo là hay, cho là dở quanh việc Patrick, con trai của Hemingway, đang chuẩn bị cho ra mắt cuốn “TRUE AT FIRST LIGHT” (SỰ THẬT HIỂN HIỆN), một di cảo của Hemingway viết về một cuộc săn thú quy mô tại Phi Châu. Cốt truyện được Patrick sắp đặt, thu ngắn lại từ bản thảo dài của ông bố, sẽ do nhà xuất bản Scribner phát hành vào mùa Hè này và được xem là tác phẩm cuối cùng trong số những công trình văn chương do Hemingway lưu lại.

Từ việc cuốn “TRUE AT FIRST LIGHT” sắp được xuất bản, những vị tham dự buổi họp mặt tưởng nhớ Hemingway còn phát biểu nhiều ý kiến quanh vấn đề là liệu việc ấn hành thêm một tác phẩm của Hemingway sau khi ông qua đời có gây những ảnh hưởng gì trên sự nghiệp văn chương đã có của ông không, và là những ảnh hưởng thuận lợi hay bất lợi. Stephen Plotkin, người đặc trách quản thủ toàn bộ tác phẩm của Hemingway tại thư viện cho rằng đó là một “văn phẩm góp thêm vào những gì đã có”, vậy thôi. Và mọi người bàn tiếp tới sự cần thiết phải có đi chỉ từ phía tác giả giống như việc lập di chúc phân phối gia tài. Một số đồng nghiệp nói hoặc tác giả để lại những lời dặn dò liên quan đến những văn phẩm chưa xuất bản của mình hoặc là hủy hết, không còn gì nữa sau khi mình mất.

Rosina Lippi, một nhà văn mới nổi, góp ý: “Bài học dành cho các nhà văn là cần để lại những chỉ thị rõ ràng cho biết chính xác mình muốn thế nào?”

Nhà văn Derek Walcott, giải Nobel văn chương, khi được hỏi ông nghĩ sao nếu ông phải để lại một bản thảo chưa

xuất bản sau khi ông mất đi, đã trả lời: “Như thế nghĩa là tôi phải đốt dần đi những gì tôi có”.

Đến đây ta thấy các nhà văn đều đồng lòng e ngại việc sẽ có những tác phẩm dở dang của họ được lôi ra từ ngăn kéo bàn giấy và xuất bản sau khi họ mất.

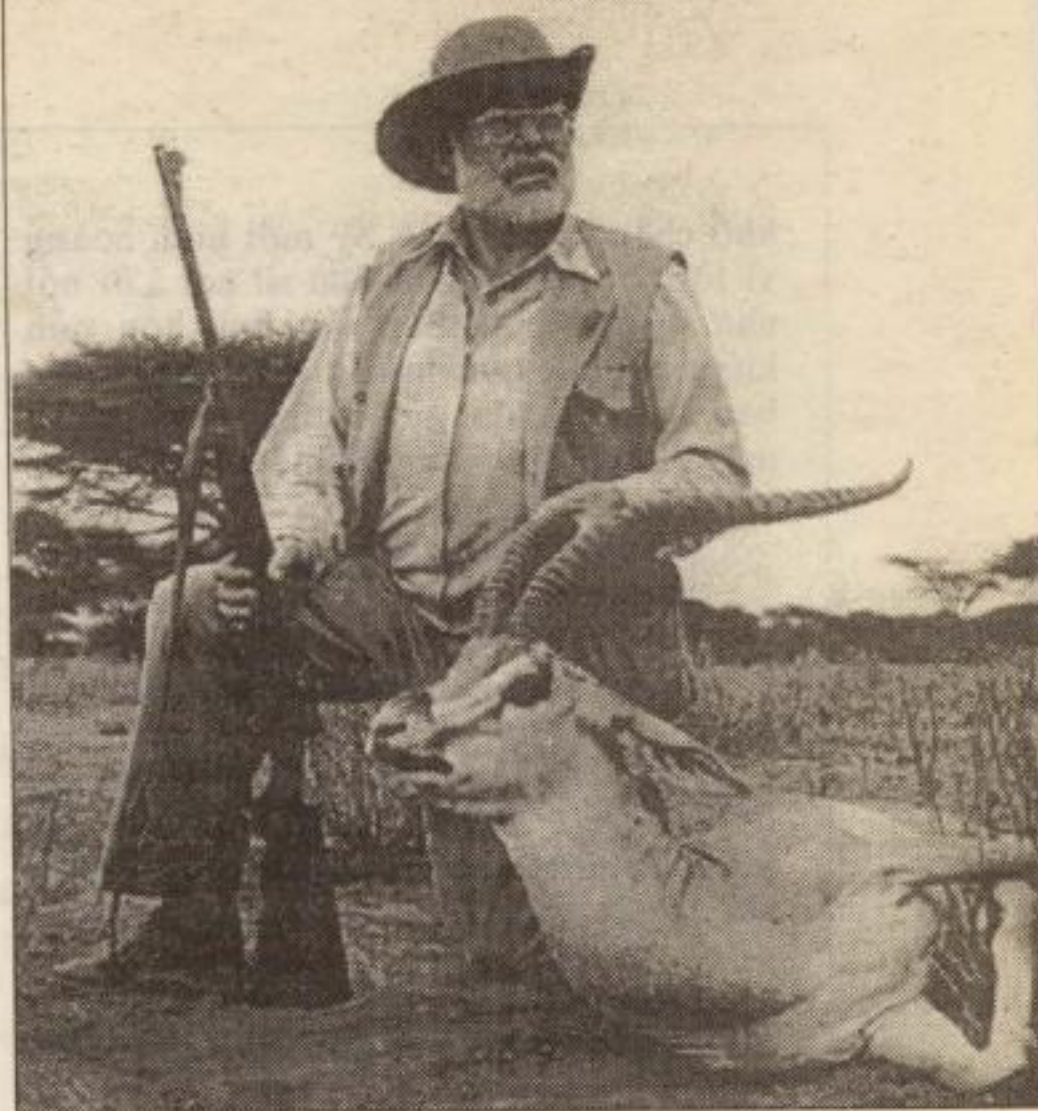
Trở lại với cuốn “True at First Light” sau khi nghe được một đoạn trích dài từ cuốn sách, những khách hiện diện trong buổi ăn tối thứ Bảy đó lên tiếng, kẻ đồng ý, người phản bác việc ấn hành tiểu thuyết sau cùng này của Hemingway. Một số cho rằng in thêm sách của Hemingway như vậy là việc làm thiếu ý thức. Số người khác bày tỏ sự vui thích được đọc thêm văn phẩm của tác giả NGƯỜI VÀ BIỂN CẢ, MẶT TRỜI VẪN MỌC, CHUÔNG CHIỀU HỒN AL...

Jeffrey Marshall, một chuyên viên thư viện hồi hưu, nói: “Tôi thích tác phẩm này. Nghe đúng như giọng điệu của chính Hemingway, loại đối thoại giữa tác giả và bà vợ ông như trong cuốn “THE GREEN HILLS OF AFRICA” (NHỮNG NGÓN ĐỎ XANH Ở PHI CHÂU) là cuốn thứ nhất Hemingway viết về cuộc săn thú tại Phi Châu năm 1933.

Ông Walcott nói thêm: “Tất cả chúng ta đều thích những di tích. Nếu bạn bắt gặp một họa phẩm dở dang của Gauguin, bạn cũng vẫn muốn nhìn ngắm”.

Nhưng ông Homero Aridjis, Chủ tịch Văn Bút Quốc Tế lại cho rằng việc xuất bản những tác phẩm sau khi tác giả qua đời không chừng là “điều nguy hại vì nó có thể phản ngược lại tinh thần của nhà văn đó”. Ông nói thêm ngay cả việc kỷ niệm một trăm năm ngày sinh cũng nguy hại. Chẳng hạn cuộc họp mặt này, nhằm đưa năm 1999 này là năm tưởng niệm tuyên dương Hemingway, nhưng cũng tạo dịp để có người nhắc lại những điều từng được đưa ra bài bác Hemingway trước đây. Như cho Hemingway là kẻ kỳ thị chủng tộc, mô tả nhiều về tình dục, chống Do Thái, gây nguy hại cho môi sinh, một di ảnh người Mỹ thô lậu của thời xưa.

Nadine Gordimer, giải Nobel văn chương nói: “Tôi mong tôi sẽ không gây



HEMINGWAY tại Kenya 1933

một tổn thương nào do những ý kiến trái ngược sau đây khi tôi bảo rằng Hemingway chưa bao giờ đặt chân lên Phi Châu, chưa bao giờ thực sự hiện diện ở Phi Châu. Vì một xứ sở là dân tộc của nó, Phi Châu chính là người Phi Châu”, và Hemingway “đã chọn Phi Châu như một toàn cảnh ba chiều nổi ra từ những tấm bưu thiếp mà thoát nhìn vào ta thấy thú vật tưởng chừng như nhảy vọt ra khỏi những bụi rậm gai góc”.

Những người khác nhắc lại thói quen săn bắn gây phương hại cho môi sinh của Hemingway, và sự khinh thị phụ nữ thường hằng nơi ông (misogyny) mà ông không ngần ngại viết ra trên nhiều trang sách. Những lời phê bình chỉ trích trên được phổ biến trong nhiều năm cũng gây thương tổn đáng kể cho danh tiếng Hemingway song song với những lời ngợi khen văn tài, văn phong cùng những đóng góp phong phú ông đem lại cho nền văn chương Hoa Kỳ.

Một mặt nữ văn sĩ Gordimer phê phán Hemingway, mặt khác bà cũng tỏ ý bất bình đối với những người chờ đọc tác phẩm sắp tới của Hemingway và mong tìm thêm ra trong đó những chi tiết phản ánh cuộc đời thực Hemingway đã sống. Bà nói dù Hemingway có ăn nằm với một thiếu nữ Phi Châu, suy đoán qua lời tự thuật của nhân vật kể chuyện trong sách, thì điều đó cũng “không ăn nhằm gì đến sự nghiệp văn chương Hemingway đã hoàn tất”. Bà nói thêm: “Kiểu cách bất công và quá chú trọng đến khía cạnh tình dục khi nhìn vào văn nghiệp của Hemingway quả là một sỉ nhục đối với một đời dài ông sống đáng hiến cho nghệ thuật.

“Trong dịp kỷ niệm một trăm năm ngày sinh của Ernest Hemingway, người ta suy tưởng, nói, viết quá nhiều về ông, kể cả phần tôi trong đó. Khi chúng ta trở lại nhà, hãy để yên một cõi cuộc đời ông. Nó riêng thuộc về ông, như ông đã sống. Chúng ta chỉ đọc sách ông viết thôi.”

Khởi Hành, Nguyệt San Văn Nghệ
Nhiều Tài Liệu Nhất.

Mỗi Số Báo Là Một Công Trình
Mỗi Bài Viết Là Một Chosen Lọc.

ĐOẠN CUỐI ĐƯỜNG RÂY

NGUYỄN TRUNG DŨNG

Đường ray xe điện trong thành phố, đầu và cuối, trạm đỗ một ở miệt Blossom Hill, một ở vùng Sunnyvale. Nói là trạm cuối vì đến hai điểm chót đó, xe bắt buộc phải ngừng và quay lại đoạn thiết lộ ở phía dưới tàu.

Buổi sáng, giờ của những người đến đứng đợi *light rail* ở đường số 1 khu downtown, xe điện cái từ Sunnyvale đỗ về, cái ở Blossom Hill chạy xuống, đỗ trong ít phút để thả và cho khách đáp xe lên xe.

Vùng Blossom Hill, trạm cuối ở một nơi đất trống trải và rộng. Đứng ở đó nhìn gần thấy nhà cửa cư dân, phố thị có cửa hàng buôn bán, tiệm ăn. Nhìn rai con mắt thì mất vọng những sườn đồi thấp và núi cao ngọn với cỏ và cây thưa trên triển dốc thoải thoải. Ấn hiện dưới tàn lá cổ thụ che phủ, dăm ba ngôi nhà sơn phết màu trắng của vôi hay sơn, với mái ngói gỗ đen, với ống lò sưởi mùa lạnh có khói ngấm ở miệng.

Blossom Hill thì vậy. Nhưng đỗ và xuống ở Sunnyvale, khách xuống xe không thấy đồi và núi mà nhận ngay ra nơi đó là vùng gồm những hẻm xưởng. Hẻm xưởng với những tòa *building* cao chọc trời hay những khu nhà trệt mái thấp rất rộng và lớn. Đứng ngoài mà nhìn những nơi như thế, người ta không thể biết được ở bên trong cơ sở hẻm xưởng có rất đông người làm việc và sự hoạt động của họ suốt thời gian tám tiếng từ sáng sớm tới buổi chiều nắng đã nhạt. Một khi đã vào hẻm để dựng chân dựng tay vào việc mình phải làm, cửa đã đóng, chẳng ai còn biết bên ngoài trời nắng hay mưa, tối hay sáng, trẻ hay muộn. Biết, cái đồng hồ đeo tay, ngó cây kim chỉ giờ và phút, người ta mới biết cái thời gian nó xê dịch, nó rút ngắn thời khắc của một ngày làm.

Cuộc khủng hoảng tiền tệ bỗng chốc biến thành trận cảm cúm lây lan khắp nơi trên thế giới. Đồng ngân mất giá. Hàng hóa trì trệ. Công việc sản xuất đình đốn. Ảnh hưởng do việc cung và cầu mất thăng bằng, hẻm xưởng *down*. Do không có hàng làm, chủ các công ty, các xưởng lớn và bé, trước hoặc sau, đã phải xét lại doanh thu mà giảm nhân viên, sa thải người để cân bằng thể đứng.

Toại là một trong số người dính trong cái danh sách cắt giảm đó và được gọi lên văn phòng nhân viên. Với một câu "*sorry*" dài bồi chiều lệ, với hai cái *check* ấn vào tay, với một câu "*thank you*" rất lịch sự,

với cái cửa chính của hẻm được đẩy để ra, Toại đã ra đón xe hai tiếng sớm hơn mọi bữa Toại đón.

Ngồi ở trạm, lòng Toại chùng vồng như cơn mưa ử ử của tháng đất trời sũng nước và ừng mây mầu chì. Dù đã tự nhủ và trấn áp tinh thần đón trước cái mà Toại nghĩ sẽ rất xuống trũng mình, cái xấu và tồi nhất của chuyện cắt người sa thải, bị một cú đánh bất ngờ, Toại vẫn choáng váng như trúng gió máy và sây xầm mặt khi rời nơi làm việc.

Ngồi đợi xe *light rail* làm Toại nghĩ xa nghĩ gần đủ thứ chuyện. Đường ray từ trạm đỗ hướng về phía trước, khúc khuỷu vì đoạn đó cong theo chiều cong của con lộ, gẫy vì vượt lên một cây cầu đúc, che mất vì cây cối mọc đâm cao cành lá ảng mất đường nhìn. Giá như không xảy ra cái vụ lái xe dụng ẩu, giá không bị ra hầu tòa rồi phạt treo bằng lái, Toại đâu có phải ra đón xe điện như cái cảnh ngồi chờ cả tiếng đồng hồ ngong ngóng xe tới.

"Chưa có xe xuống sao ông".

Người vừa đến lên tiếng hỏi là một phụ nữ nom còn trẻ. Trẻ và có nhan sắc trên khuôn mặt tươi tắn dễ bắt mắt. Toại nghe không lẽ không đáp nên phải đáp để trả lời:

"Chắc cũng gần tới giờ xe đến rồi. Còn sớm, chưa tới giờ tan hẻm, sao bữa nay chị ra sớm vậy".

"Sớm. Đúng là sớm. Có chút việc nên tôi về sớm ông ạ".

"Không phải là bị *lay-off* đấy chứ".

"Lê óp lê iếch gì đâu. Chân tôi vụng lắm. Còn ông, chắc ông dính cái "lê" cái "op" rồi phải không".

"Phải. Bữa nay thằng chủ khốn kiếp ấn vào tay tôi những hai cái *check*. Mẹ nó, một cái cũng đủ rồi, hai cái là nó lột tay ném mình ra khỏi việc. Tôi thấy chán đời quá".

"Làm gì mà chán. Đất Mỹ, người Mỹ, cái *lay-off* nó thường như cơm bữa, nó rụng như lá mùa thu, kệ cha nó ông ơi. Với lại, "lê" hẻm này, mình "áp-lai" hẻm khác có chết con của con cây nào đâu".

Nghe người đàn bà mới gặp ả nói tự nhiên thoải mái bạo miệng cứ như Tây, Toại bỗng thấy hỉ hả vui. Suông sẽ bỗng dưng được một lúc, Toại buột cười lên hô hô:

"Chưa gặp chị, tôi bị cú sốc này cứ ngồi nghĩ quẩn. Nghĩ tự tử quách cho rồi. Mẹ kiếp. Sống đời mà cứ lao lung khổ trí thì sống làm cái đêch gì. Ai cũng một lần chết. Vậy thì sống cứ lo đủ thứ lo, sống vậy

sống coi được à. Tôi lại nghĩ, giá mà ai hiến thân cho tôi đêm nay, mai tôi tự tử, tôi đi thanh thản như kẻ sống ở đời ăn miếng dồi chó, chết đi rồi hỏi có hay không. Ăn miếng dồi hay làm tình xong xuống đó không còn ân hận nuối tiếc chị ạ, cho luôn hai cái *check* này".

"Ông nói chi lung tung quá. Dồi chó với làm tình lộn lạo không dân ra đâu cả. Mà sao lại đem cái chuyện đó ra đây nói với tôi. Có ai đâu ngoài tôi và ông lúc này, hỏi là hỏi ướm tôi đấy chắc?".

"Chị nghĩ sao kệ chị. Tôi nói đây nói giữa trời đất chỗ rộng rãi bao la. Như gió ả mà".

"Bao la rộng rãi đất với trời thì dân không biết, chứ hai cái tai tôi nó chưa đến nỗi điếc đặc. Tôi nghe rồi. Nếu tôi chịu cái chuyện ông đưa ra thì ông nghĩ sao".

"Ồ, tôi không tin người nhận điều kiện đó lại chính là chị. Chị chịu thì OK. Hai cái *check* là hai cái *check*, tôi nói tôi không nuốt lời".

"Đẹp. Đẹp *check* với "chiếc" của ông sang một bên. Tôi cóc có thêm hai miếng giấy đó đâu mà ông để cập tới".

"Chị, mà cho tôi gọi là Em đi cho tiện. Em đã nói thế thì anh đẹp. Còn cái chuyện kia, OK rồi thì mình cứ OK mà tới nhé".

Nàng cười tỉnh bơ nói:

"Tôi thì cứ tới. Cái tình tôi xưa nay đã nói, một là một chứ không một là hai bao giờ cả".

"Ngày tối nay".

"Ngày tối nay cũng đâu có sao. Một đêm vắng nhà, tôi bốc cái *phone* gọi con bạn ở chung nhà bảo ở lại làm cái *over time* là xong cả".

"Vây về đăng tôi".

"Về đăng ông thì về đăng ông. Tôi không ưa mấy cái khách sạn. Với lại ông có nhà riêng, đến qua đêm thoải mái dễ chịu hơn".

"Kìa, xe tới rồi. Chuyển xe mắc dịch không biết có dụng nạn ở đâu không mà xuống trễ cả mười mười lăm phút.

Xe tới bến rồi đổi hướng trở về downtown chưa khởi hành ngay vì còn chờ giờ chuyển bánh. Thế nên lên tàu ngồi rồi, họ vẫn kéo không dứt câu chuyện cả kẻ đề ngỗng. Rầm rầm khua động, ba cái toa chốc lại di động. Đây là lúc đầu máy đã vận hành và rồi lao nhanh trên đường sắt. Lại băng mình qua những con đường, những

ngã ba ngã tư, những ngôi nhà hăng xướng, những bãi đất trống bỏ hoang có những cây cúc tro trắng vàng, những hàng sồi và phong chót vót ngọn, những cây cầu đúc và đường hầm, xe điện chạy dọc đường số 1, đỗ ở trạm đợi và đón khách ở khu phố chính.

Hai người xuống và ghé vào một quán phở ăn bữa tối. Đây là lời yêu cầu và đề nghị của Toại vì Toại nghĩ, về nhà nấu nướng lồi thối nhếch nhác quá, vào quán quất đại qua loa cho xong. Phở gọn và tiện, ăn loãng cái thì xong. Và rồi, cả hai cuộc bộ lững thững về nhà.

Nhà Toại ở đường Orvis. Phố cũ và ngắn. Mỗi căn cách nhau một khoảng đất vườn trồng cây ăn quả hay hoa cảnh. Ngôi nhà nom xinh xắn dễ coi. Toại nói khi đưa bạn vào nhà là nhà mua chưa trả hết nợ. Và, nếu thất nghiệp, cái *income* teo tóp, không thanh toán tiếp thì thành ngân hàng nó siết cổ đem bán. Nói riết cái chuyện thế thắm đó mãi, người đàn bà bỗng đứng trở thành bạn tình của Toại đâm ra bức bối. Nàng gắt:

"Cứ nhắc hoài làm gì ba cái việc đó cho nó mất vui đi. Tôi đến đây đâu phải để nghe ông kể lể than khóc chuyện vợ và vợ vãn mà đến để làm gì ông biết không".

"Biết".

"Biết thì im đi. Cái *restroom* trong nhà của ông ở đâu. Tôi về đến nhà, đóng bộ thì chịu không nổi. Để tôi đi thay quần áo được chứ. Ồ, mà quần áo đâu để tôi thay đây nhỉ".

"Lấy đại bộ tôi mới mua mặc vào cũng được. Để tôi mở tủ kiếm cho mà dùng".

Toại ném cái áo rồi cái quần vãi cho bạn. Người đàn bà dơ tay đón đỡ vừa cười tỉnh queo. Vào phòng tắm, bà ta tắm tấp và vắn đồ tự nhiên như ở chính nhà cửa của mình.

Họ ngồi ở phòng khách. Họ rời phòng khách vào phòng ngủ. Bỗng tối bên ngoài đã nhoe nhoẹt. Đường phố đèn cũng vừa bật. Nhưng ánh sáng tỏa ra yếu quá chẳng thể soi rọi hết chiều dài con lộ. Vì thế, chỗ thì có, chỗ thì không, từ mù, từ mờ như nơi địa ngục. Hề gì ba cái chuyện nhỏ nhặt đó vì nó chẳng ảnh hưởng tới việc đang xảy ra ở trong căn phòng có hai người đang nằm. Không có gì vội gấp, đêm còn dài với thời gian bỏ lết của hai cây kim. Vì thế, họ cứ thũng thũng hỏi han trò chuyện. Toại gọi nói: "Gặp từ chiều tới giờ, ấy vậy mà chưa biết cả tên của nhau mới hay đấy nhỉ".

"Cần gì biết. Cho nhau xong rồi đường ai nấy đi, biết làm quái gì cho bận".

"Nói lạ. Biết để mà gọi. Chứ ai lại cứ

ông ông tôi tôi nghe nó nghịch nhĩ quá. Anh là Toại. Toại, còn em".

"Em há. Em tên Đài".

"Đài. Này Đài, hồi chiều ở trạm xe, anh nói chỉ là nói rộn và đùa vậy mà em tin rằng anh nói thực được à. Ngay cả đến lúc này nằm cạnh bên em, anh vẫn cứ tưởng đây chính là một giấc mơ. Mơ. Đúng là mơ".

"Mơ với chả mộng. Em biết anh thêm mà em thì muốn, thêm muốn thì trao đổi cho nhau có gì quá đáng đâu mà sợ. Ở Mỹ, mình phải sống thực. Thực tế để thỏa mãn những nhu cầu đòi hỏi nếu thấy cần đòi hỏi. Ăn uống, phục sức, bên cạnh đó là nhục dục. Hơn sáu năm nay, em không gần đàn ông, không đụng chạm xác thịt, không như thế không hẳn là em không còn và không muốn làm tình.

Bởi thế, gặp và nghe anh nói, mùa hạ gặp đúng lúc mưa, hạt khô nhằm nơi đất bỗng ẩm, củi bén lửa, anh bảo muốn thì em thấy rằng em cần, cho nhau thì cho có gì đâu mà anh thắc mắc lại còn hỏi tới hỏi lui cho thêm rắc rối".

"Không ân hận chứ".

"Không. Không ân hận gì cả.

Anh không thấy những cái cây nở rộ hoa kia sao, hoa chỉ rực rỡ đúng hạn kỳ nó khai bông, rồi sau đó hoa sẽ tàn lụi và rụng tới tấp cánh. Em là những bông hoa đang ở thời nở, hãy nở như hương thụ, để sau đó tuổi đời tựa hoa tàn, úa và rụng".

Toại vẫn nằm nghe nhưng lặng thinh. Không nói bằng miệng, Toại nói bằng bàn tay nà vuốt dọc theo chiều dọc của thân thể Đài. Từ những cái vuốt như thế, Đài đã tắt tiếng vì hơi thở bỗng dồn gập nơi lồng ngực, vì thịt da căng nứt, vì ham muốn như con rắn cuốn tròn ngồng cất đầu truồn tới.

Đêm vẫn lặng câm và nhẩn trên một mặt phẳng lì. Ở khung cửa sổ có gắn kính, cửa không có rèm che, vẫn thấy một vầng trăng. Vầng trăng lu mờ ẩn hiện sau đám lá trên đỉnh ngọn cây già. Đây là lúc Đài thức giấc vào nửa đêm. Bên cạnh nàng, người đàn ông thân xác hơi mập vẫn nằm cạnh. Anh ta ngủ. Hì hục cố sức, cuối cùng thì sức của anh ta kiệt lả, vòng tay ôm lỏng, thở hổn hển rồi ngã vật xuống bên cạnh Đài. Từ đó, Toại thiếp đi. Toại thiếp rồi chìm sâu vào giấc ngủ. Nằm sóng soãi như một gã võ sĩ thượng đài bị địch thủ tấn công do vắn, Toại chỉ thức dậy lúc đó là lúc cửa sổ đã lấp lánh ánh nắng của buổi mai hừng đông. Không thấy người đàn bà tên Đài nằm cạnh, Toại nghĩ có thể nàng đang về sinh trong phòng tắm. Mở cửa phòng tắm,

phòng tắm không có Đài. Toại bước vào bếp, Đài không ở bếp. Bước sang phòng khách, phòng khách vẫn không có ai. Nhìn ráo rác quanh quẩn, mắt Toại nhận ra bộ đồ ngủ vắt ở lưng tựa cái sofa.

Tất nghiệp. Toại đầu cần đáp *light rail* xuống Sunnyvale, hăng cũ nơi chàng làm. Nhưng, Toại vẫn xuôi tàu về vùng đó mỗi buổi chiều vào giờ gần tan việc. Lại xuống xe và ngồi ở cái băng ghế đợi, nơi con tàu đỗ ở trạm chót để chờ công nhân nghỉ việc ra bãi đón *light rail* về thành phố. Đây là bởi Toại đón Đài vì chàng biết chắc vào giờ tan tầm, nàng sẽ rời hăng và tới trạm xe đỗ.

Hai lần đến ngồi đợi, hai lần chàng cố tình gặp Đài đều thất vọng. Đài không xuất hiện ở trạm xe như thường lệ nàng xuất hiện. Toại vẫn kiên nhẫn và nuôi hi vọng sẽ lại thấy Đài đến và ngồi ở cái ghế băng nơi hai người đã gặp. Nhưng cái kiên nhẫn để nuôi hi vọng được đáp chung chuyến tàu và được ngủ với Đài thêm một lần nữa đã mong manh như những sợi khói thuốc, từ miệng nhả những bùm khói ra rồi bay lên và loãng nhạt.

Tối một hôm, Toại ngồi cạnh cửa sổ con tàu ngó xuống trục lộ xe qua. Dưới đó, con đường có xe hơi chạy theo đường tàu chạy đổ về phố *downtown* với nhà cửa cư dân ở, với cây cối đơm bông trắng xóa, với những bãi đất trống và vườn tược hoa cúc vàng nở rộ, với các ngã ba, ngã tư có gắn đèn lưu thông điều hòa xe cộ và với mảng trời vàng ươm của một buổi chiều cơn mưa đang chuyển mình bởi những tầng mây màu xám chì ngậm nước từ xa kéo đến.

Toại chỉ đưa mắt nhìn hờ hững những gì chạm trong vùng khoanh hẹp của nhãn quan như nhãn quan chàng bắt gặp. Nhưng cái nhìn xoáy và dính của đường nhìn lúc đó của Toại là cái xe đang chạy kề sát bên thân con tàu.

Ngồi cạnh người đàn ông lái xe chính là Đài. Đài cười và nói chuyện thân nhiên mà không nhìn thấy trên cửa sổ của toa tàu chạy song song đang có đôi mắt Toại ngó xuống. Hóa ra, kể từ đó, Đài đã không còn là khách của những chuyến *light rail* đi và về, bởi vì, Đài đã có ông bạn làm cùng hăng vui về cho nàng quá giang, hẳn vậy.

Vẫn tiếng kinh kịch của bánh sắt va chạm và nghiêng trên đường ray, vẫn nhịp đu đưa nghiêng ngả của toa xe vòng quanh khúc queo, mắt nhắm như một người đang ngủ, Toại cố gắng xua đuổi hình ảnh về Đài ngồi bên người đàn ông lái chiếc Camry, nhưng càng xua đuổi, óc não chàng càng như hằn lên dấu vết. Toại cứ nhớ đến Đài. Đài chính là bông hoa nhài ở trong khu vườn cây tối, đêm có một vầng trăng, màu trắng toát, màu của vỏ sò bạc, màu của vẩy ốc và của sỏi, hoa trần truồng phơi cánh. Cánh hoa như thân thể lửa đỏ của Đài đêm đó nằm bên cạnh Toại. Lơ lỏ, Toại lặp lại cái từ ngữ đó nhiều lần khi bước xuống xe, khi đi dọc vỉa hè con đường phố chính ở *downtown*, khi *light rail* lại chuyển bánh đổ về ngã xuống Blossom Hill, và khi chàng đã đụng cái đầu hểm ngó cut có ngôi nhà Toại ở. Chàng tìm ra góc vườn có cây hoa nhài nhưng hoa đã rụng cả. Hoa úa và uất cánh nằm như những cái xác chết dưới gốc cây già. ■ 3.1999

Tình hình đất nước sắp chuyển mình!
Hãy đọc Nguyệt San Việt Nam.



Việt Nam

tiếng nói của nhóm Freedom for Vietnam

thông tin - văn học - thời sự - bình luận chính trị
PO, Box 74013, Hillcrest Park PO
Vancouver, BC - V5V 5C8 - CANADA
Phone/Fax : 604.879.1179

Tòa soạn sẽ gửi báo free từ 1- 2 số để đọc thử nếu có lời yêu cầu của độc giả. NSVN là một trong vài báo chính trị hiếm hoi nhưng để đọc nhất, và là tờ báo chấp nhận đựng tôi những vấn đề Việt Nam vì thế nhất!

Đại diện nhóm chủ trương: Hải Triều / Lê Khắc Anh Hòa

TỜ BÁO BẠN ĐỌC TÂM THƯ

LƯU Ý BẠN ĐỌC DÀI HẠN

Có một số bạn đọc hỏi chúng tôi không biết khi nào biết là báo mình mua đã hết hạn, xin trả lời: Trên phiếu gửi (label), sau tên quý bạn, có một hàng số, ví dụ Nguyễn Văn A 13-24, hay Lê Thị B 25-36. Có nghĩa là ông A mua báo từ số 13, và số chót là 24; hay bà B mua báo từ số 25, và số chót là số 36. Báo kỳ này là số 30, vậy bạn nào thấy label của mình ghi 13-24, tức là bạn đã chậm đóng tiền báo 6 số rồi; và bạn nào thấy label của mình là 25-36, tức là bạn còn 6 số nữa thì hết hạn.

Có bạn không nhận được báo, gọi hỏi, mới biết báo đã hết hạn, chúng tôi không gửi tiếp được nữa, và trách sao không nhắc? Chúng tôi hiện thật sự neo người, không làm được việc đó. Mong quý bạn giúp cho.

TRẢ LỜI THƯ BẠN ĐỌC NHẬN ĐƯỢC TỪ 6 THÁNG 4 TỚI 4 THÁNG 5.99

Trong thời gian ghi trên, Khởi Hành đã nhận được chi phiếu mua dài hạn của quý vị và quý bạn có tên dưới đây:

—**VIỆC NGỌC LƯỘC** (CA - 2 năm, ngân phiếu của bà Tuyết Nga), **NGUYỄN HỮU BẢO** (CA - 2 năm), **NGUYỄN X THIẾP** (TX, 1 năm, ngân phiếu Anh Châu), **LÊ TẤT ĐIỀU** (CA - 2 năm), **Mr. TR. TR. (PHÁP)**, 1 năm, ngân phiếu anh Harry), **NGUYỄN MẠNH DŨNG** (VA - 2 năm), **JUNE MY DUNG W.** (CA - 1 năm), **PH. TRỌNG SÁCH** (OR, - 1 năm, qua anh Giang), **TONY NGUYỄN** (CA, 1 năm), **TRAN HUY BICH** (CA, 2 năm).

Trân trọng cảm ơn quý vị.

Nhân đây xin được loan báo, trong khoảng ba tháng nữa, Khởi Hành sẽ tăng trang một lần nữa, để tờ báo mà quý vị ưa thích sẽ có thêm nhiều bài vở, nhất là để khai triển một số mục mới. Chẳng hạn, mỗi tháng sẽ trình bày một diễn biến nổi bật vừa xảy ra, đi vào bề sâu hơn là chỉ loan tin. Số này bài viết về việc tìm ra pho tượng và khu lâu đài của Nữ Hoàng Cleopatre chỉ có một trang, trong khi có thể viết thành một cuốn sách. Hay vụ giáo phái Pháp Luân Công có thể tổ chức một vụ biểu tình hơn 10.000 người ngay tại Trung Nam Hải (khu dinh thự quyền lực ở Bắc Kinh, nơi từ Mao Trạch Đông tới Chu Dung

Cơ cư ngụ), không phải là chuyện nói trong vài trăm chữ.

Hay sau bài viết về Nguyễn Bính, chúng tôi nhận được thêm bài về nhà thơ này, cũng như yêu cầu viết thêm nữa về ông, điều chúng tôi sẽ làm... Trong chiều hướng đó, Khởi Hành có thể mở rộng để trở thành một tờ báo có nội dung bao quát hơn hiện tại, nói đến các vấn đề Văn hóa, Trí tuệ, Tâm thức, và không hẳn chỉ là Thơ Văn, mặc dù Thơ Văn vẫn là chính.

Trong trường hợp thêm trang, thêm bài, chúng tôi đề nghị một ấn phí khác, thêm 50 xu mỗi số báo chẳng hạn. Nếu có, chuyện này sẽ bắt đầu từ số 37, tháng 11.1999. Đó là thời điểm Khởi Hành bước sang Năm Thứ 4. Chúng tôi mong đón nhận ý kiến của bạn đọc.

—**Anh DUY TRINH (OR.)** Đã nhận những con tem anh gửi, để gửi Khởi Hành bằng cước phí hạng nhất. Tôi có nói chuyện điện thoại với nhạc sĩ Anh Việt, ông gửi lời hỏi thăm anh, và có nhắc đến một chút ngày xưa. Ông nghĩ anh chưa đến 50 tuổi?

Cảm ơn những ưu ái anh dành cho Khởi Hành và tôi. Với giá bán 2 mỹ kim, chỉ đủ chi phí ấn loát và cước phí hạng tư. Nếu gửi cước phí hạng nhất (99 xu), là lỗ. Dĩ nhiên Khởi Hành không nuôi nổi một người nào cả, cho nên tôi vẫn phải đi làm chỗ khác. Nếu bán 3 mỹ kim một số mà bạn đọc không bỏ, thì có thể dành toàn thời gian để làm tờ báo được. Thưa anh, không dễ đâu. Người ta đọc báo biểu quen rồi, ở quận Cam, ra đường, báo biểu nhật đầu cũng có, tội gì mà mua. Phải chi thực phẩm nuôi thân xác mà biểu, thì người ta cũng đầu cần mua làm chi?

Nhân viết cho anh, nhắn chung quý bạn đọc: Nếu quý bạn muốn báo gửi hạng nhất (đến nhà trong 3 ngày, vui lòng thêm cho mỗi số báo 1.25 mỹ kim nữa, nghĩa là thay vì 24 mỹ kim, thì là 39 mỹ kim một năm 12 số báo, ngoài tiền tem 99 xu, còn phải gửi riêng từng người). Khi nào tới Little Saigon, mời anh ghé Tòa soạn. Kính. (V.L.)

—**Ông NGUYỄN ĐỨC HÒA (CA).** Bài thơ đó sẽ đăng số sau.

—**Anh BUI NGOC TUẤN (MN).** Apple Valley. Thành phố này có gần Minneapolis hay Saint Paul không? Đã nhận được thư gần nhất. Chưa kịp đọc.

—**Anh chị NGUYỄN TÂN KHANG (Mont.)** Đã nhận được. Cảm ơn Anh chị.

—**Anh VI ĐỨC LÊ (OR).** Mỗi năm về



Virginia ít ra một lần, vào dịp Giáng sinh, tôi đều mong thấy tuyết. Phần lớn là toại nguyện. Có lần ngày chót ở đó, khi ra phi trường, thì tuyết mới rơi. Mong có dịp qua thăm Anh chị và ngắm tuyết ở Oregon. Mong anh gửi cho mấy bài thơ của lão thi bá Bùi Khánh Đan. Tôi thích Thập Can U Khúc vô cùng.

Anh gửi Khởi Hành cho Lê Kim Giao ở Hà Nội đi. Tôi vẫn gửi Khởi Hành qua bưu điện về Hà Nội, Huế, Sài Gòn, có 50% nhận được. Đang đọc bài dịch Hoàng Hạc Lâu của anh. Tôi nghĩ có thể phải viết riêng một bài về Hoàng Hạc Lâu, và đồng thời đăng luôn khoảng 10 bài dịch, trong có bài của Anh, như vừa rồi làm với bài thơ Quốc phá sơn hà tại của Đỗ Phủ, từ các bài của Tấn Đà, Ngô Tất Tố, Vũ Hoàng Chương, Trần Trọng San trở về sau. Cảm ơn anh đã cho ba bài dịch của Trần Trọng Kim, Vũ Hoàng Chương, Tấn Đà. Thân (V.L.).

—**Ông PHAN XUÂN SINH (MA).** Ngoài bài thơ Người Lính Bắc Phương, nếu có những bài làm về sau này, ông có thể gửi cho đọc?

—**Anh LÊ HẠO NHIÊN (OR).** Tôi không rõ nhà thơ Lưu Văn Vịnh không thích dịch hết hay thế nào về bài Văn Tế Công Chúa Tàu của Mạc Đĩnh Chi. Dù thế nào, ông mới gửi thêm cho tôi bài nữa "Viết Thêm Về Mạc Đĩnh Chi", sẽ cho ông biết sau. Cảm ơn anh.

—**Ông ĐỨC LƯU (PA).** Hân ông đã nhận 30 số báo Khởi Hành chúng tôi gửi bằng bưu phí ưu tiên tới ông? Pennsylvania là tiểu bang tôi nhớ nhiều lắm, vì năm 1975, tôi có ở đó ba tháng. Mong tin ông.

—**Chị NGỌC BÍCH (CA).** Đã nhận được xấp bài và mấy bản sao màu các tấm hình về Cụ Bùi Văn Bảo mà chị gửi, kể cả chi phiếu. Chị nhắc tôi khi nào thì tới ngày kỷ của cụ. Nhắc trước cho một tháng thì mới kịp làm. Thơ Đen chị làm vui lắm. Mong tiếp tục đi con đường đó. Thân.

—**Anh HỒNG NGUYỄN (WA).** Hai bài thơ NHEO đã trình bày định đăng trong số này, phút chót phải gác lại. Đề nghị anh lấy bút hiệu này hơn là bút hiệu kia, anh nghĩ sao cho biết ngay. Chữ vĩa trong vật vĩa thì dễ rồi, nhưng chữ đỡ vĩa thì không thấy bao giờ. Cảm ơn anh đã góp ý.

—**Anh LÊ THÁI LAM (GNB).** Kỳ này định đăng hai bài thơ của anh, mà vì không thu nhỏ kịp cho vừa cột báo, nên đành để



„Trick“ Editionen Berlin 1997

Từ Tâm, giá 12 mỹ kim. Liên lạc
với tác giả tại Gleimstr. 10, 10437
Berlin, GER. c/o Thomas Herwig.

số sau. Tôi định đăng nguyên chữ chép tay của anh, vì thư pháp đó đặc biệt lắm.

—Bà LÊ NGUYỄN VỸ (VA). Chúng tôi đã nhận được hồi âm của Bà. Chúng tôi sẽ gửi lại tấm hình Tượng Vỹ sau khi chụp lại, có dịp sẽ dùng tới. Tấm hình đăng trên số Khởi Hành 30 tháng tư là do cựu Đại tá Lê Nguyên Bình gửi qua cựu Đại tá Trần Văn Trọng gửi cho Khởi Hành. Kính.

—Anh TH. (CA). Bài về Cựu thủ tướng Phan Huy Quát không có hình vì chúng tôi không xin ai được. Có hỏi quanh mà không ai có. Tôi có điện thoại qua nhà riêng của Bà Phan Lâm Hương, ái nữ cụ Phan Huy, ở Luân Đôn để mượn hình, bà có hứa sẽ gửi qua, nhưng không thấy. Đến phút chót có cái hình cắt báo Việt ngữ thì xấu quá vì họ dùng máy sao tài liệu (Xrox), nên Khởi Hành không dùng lại được.

—Anh QUAN DƯƠNG (). Muốn liên lạc điện thoại với anh. Tôi chỉ có mặt tại Tòa soạn sau 2 giờ chiều mỗi ngày, trừ chủ nhật. Và sẽ làm việc tới 9 giờ tối.

—Cụ PHẠM NGỌC LŨY (VA). Hai câu thơ của Cụ Trương Cam Khải, tôi nghĩ là cụ đã viết đúng:

Vị xuất địa thời tiên hữu tiết

Đáo lãng vân xứ tổng huy tâm.

Nhà văn Mặc Thu có lẽ khi đọc Khởi Hành, nghĩ nó là đáo lai, chứ không tra Tự Điển, nói rõ chữ Đáo Lãng như cụ đã cho biết. Nhân đây xin được viết lại. Nhờ cụ cho mượn cuốn Le Livre Noir du Communisme mà trong số 30 tháng 4 của Khởi Hành mới có tấm hình dấu tổ ở ngoài Bắc trong thập niên 50. Đã nhận được mấy bài thơ của cụ Bùi Văn Bảo do cụ gửi cho. Mong bài viết về 60 câu về đó của cụ. Thân kính.

—Các Anh ĐỖ KHÁNH HOÀN (GNP), ĐÀM TRUNG PHÁP (TX), TRẦN QUỐC VƯỢNG (VN): Bài sẽ đăng trong số tới. Thân. (V.L.)

QUÍ VÂN HỮU TẶNG SÁCH

Bất cứ văn hữu nào gửi tặng sách, chúng tôi sẽ giới thiệu trên Khởi Hành, hoặc bằng cách này, hoặc bằng cách khác, nhưng không nhất thiết sẽ giới thiệu ngay sau số báo tới. Nếu quý văn hữu gửi kèm

theo mẫu quảng cáo, hiện có rất nhiều, vui lòng lưu ý: nguyên trang Khởi Hành: 150 mk. Nửa trang: 100 mk. 1/4 trang: 50 mk. Mẫu nhỏ nhất: 25 mk. Nửa trang bìa sau, 2 màu: 150 mỹ kim.

Chấp nhận:

Quan điểm có tính cách tôn giáo về cuộc đời: chấp nhận đau đớn, thống khổ, thất bại, bất hạnh, v.v... một cách tích cực.

Henry Miller/ E. Graham Howe

Thế giới chỉ trở nên thú vị và sống được khi ta chấp nhận nó với cặp mắt mở rộng.

Henry Miller

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301
WESTMINSTER, CA 92683, USA
TEL&FAX: (714) 527-5761

SÁCH MỚI

- NHỮNG HUYỀN THOẠI VÀ SỰ THẬT VỀ CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM Vinh Phúc cựu chủ biên Ban Việt Ngữ đài BBC Luân Đôn 22MK
- TUYẾN TẬP BÌNH NGUYÊN LỘC Võ Phiến giới thiệu 20MK
- KIM VÂN KIỂU INDEX I, II bà Phạm Thị Ngoan chữ Pháp, Nôm, Việt ngữ 25MK/ea
- MÂY MÙ THẾ KỶ Bùi Tín 18MK
- VÌ SAO TIN PHẬT I (What Buddhists Believe) Hòa Thượng K.Sri Dhammavandana Thích Tâm Quang dịch, song ngữ Anh-Việt 12MK
- TUYẾN TẬP SỰ THẬT 99 Lê Hữu Dân 25MK
- QUỶ MA VÀ HỌC TRÒ phiếm và truyện Huỳnh Văn Phú 12MK
- LÀM THỂ NÀO ĐỂ SỐNG LÂU Lê Trọng Văn và BS S. Inthara 16MK
- BÚT KHẢO VỀ XUÂN I BS Lê Văn Lân 18MK
- BÚT KHẢO VỀ XUÂN II BS Lê Văn Lân 13MK
- DƯỚI BÓNG TỬ BI NƠ PHẬT TỬ Nga Inna Malkhanova 11MK
- CÔ RƠM VÀ CÁC TRUYỆN NGẮN Trần Mộng Tú 12MK
- ĐƯỜNG TRẦN QUYÊN GÓT truyện dài Uyên Cơ 20MK

Ngoài Hoa Kỳ, xin thêm 2MK cho sách giá từ 10MK đến 18MK.
Thêm 3MK cho sách giá từ 19MK đến 28MK.

Liên lạc với VĂN NGHỆ để nhận Thư Mục với hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản khác.

E-Mail: vannghe@pacbell.net Homepage: http://home.pacbell.net/vannghe



Lumière Photo Studio

- * Wedding
- * Family Portrait
- * Fashion

Professional Photographer:

TRƯƠNG TUẤN

Tel. 714. 418-0550

9550 Bolsa Ave., # 228, Westminster
(Trên lầu, trong khu Bolsa Supermarket, góc Bushard)

PHIẾU ĐẶT MUA DÀI HẠN tạp chí **Khởi Hành**

(để được tặng một cuốn sách trị giá tới 12 mk, vui lòng đặt mua tối thiểu 2 năm)

Tôi tên:.....Điện thoại: (.....)

Địa chỉ:

Tôi muốn (mua) / (gía hạn) MỘT năm 12 số, từ số đến số
hoặc HAI năm 24 số, từ số đến số

Kèm theo đây là ngân phiếu \$ 24.00 mỹ kim cho một năm
hay \$ 45.00 mỹ kim cho hai năm.

.....ngày.....tháng.....năm 99

Ký tên.....

Ngoài Hoa Kỳ thêm \$2.00 MK một số cho cước phí bưu điện. (Giá Nã Đại thêm \$1.00 mỹ kim cho một số). Giá dài hạn chỉ áp dụng cho bạn đọc mua từ MỘT năm trở lên. Mua một số hay vài ba số tính theo giá ngoài bìa, cộng thêm bưu phí. (Bưu phí Hoa Kỳ, Giá Nã Đại: 1 MK; Âu châu: 2 MK). ■ Bưu phí cao hơn trước vì Khởi Hành đã tăng thêm 8 trang so với lúc đầu. Còn báo vẫn giữ giá cũ.)

■ Phiếu mua báo và ngân phiếu để tên Khởi Hành và gửi về:
Khởi Hành P.O. BOX 670, MIDWAY CITY, CA. 92655



KHÚC LAN
MAKEUP ARTIST

NHẬN TRANG ĐIỂM
CÔ DÂU NGƯỜI MẪU, DẠ TIỆC

Tel. 714-373-4107 / 925-4679
Pager. 825-4370

Yêu Văn Học, Mời Đọc Hàng Tháng
Tập Chỉ Sáng Tác Sinh Hoạt
Văn Học Nghệ Thuật

Khởi Hành

PHÁT HÀNH NGÀY 15 MỖI THÁNG ■ (714) 554-1886

THÔNG TIN VĂN HOÁ VN & THẾ GIỚI ■ GIAI THOẠI VĂN HỌC ■ NHIỀU TÀI LIỆU & HÌNH ẢNH CHỌN LỌC

Đã Phát Hành số 31 Ra Ngày 15. 5.99 Đặc Biệt Về Nhà Thơ TUỆ SỸ Sáng tác Tuệ Sỹ. Bài Viên Linh. Lâm Chương. Nguyễn Tà Cúc. **K.H 30:** Chủ đề 30 THÁNG 4: bài Nguyễn Tú, Nguyễn Thanh Giang (từ trong nước). Trần Ngọc Ninh, Vương Đức Lệ. **K.H. 29** Chiều niệm TRẦN VIỆT SƠN. Nhớ NGUYỄN BÌNH ■ **K.H. 28:** Bùi Khánh Đan, Trần Lam Giang, Nguyễn Phương Tuấn. **KH27, HỒI KÝ NGUYỄN THUY LONG** với tác giả trong và ngoài nước: Trần Tuấn Kiệt, Phạm Ngọc Lũy, Hà Thúc Sinh, Thụy Khuê ■ Viên Linh, Nguyễn Chí Kham, ■ **K.H 26** Chủ đề TÔ THUY YẾN với Võ Phiến, Văn Quang, Đặng Tiến, Phan Lạc Phúc, Nguyễn Tà Cúc, Ký giả Lô Răng, Nostradamus tiên tri về năm 1999 ■ **KH 25:** Chủ đề BUI GIANG với Trần Tuấn Kiệt, Trần Lam Giang, Bùi Luân. Các bài về Trang Trinh Anh quốc, Nobel 98 ■ **KH 24** Chiều niệm TRẦN VĂN TUYẾN, Tiểu luận của Gs Nguyễn Đình Hoà. Thơ và Con người Hồ Dzếnh ■ **KH 23** Đặc biệt Nhớ PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG với Phan Lạc Phúc, Vĩnh Biệt TRẦN TRỌNG SAN cùng bài vợ của Phạm Ngọc Lũy. Vương Đức Lệ. Mặc Thu. Đỗ Khánh Hoan. Nguyễn Tà Cúc ■ **KH 22:** CHỦ ĐỀ ĐÌNH HUNG với bài của Nguyễn Ngọc Bích. Tinh sử Hồ Xuân Hương-Tồn Phong Lưu V. Vĩnh: Nhà Tiên Tri Cheiro, Trần Trọng San: dịch Tiểu Thanh ■ Truyện Viên Linh. Thơ Ngân Giang, Ng. Sỹ Tế ■ **KH 21:** Chiều Niệm học giả HỒ HỮU TƯỜNG với Nguyễn V. Sấm. Phạm Long, Đào Văn Bình, Trần Trọng San, Lê Trọng Nguyễn, Hà Thúc Sinh ■ **KH 20:** Đỗ Quý Toàn, Thế Uyên, Ta Ty, Phạm Long, Viên Linh với chủ đề Chiều Niệm NGUYỄN MẠNH CÔN ■ **KH 19:** HỒ DIỆP, Năm Xương Võ Đình ■ 30/4/75: Chi Tiết Vụ 5 Vị Tướng Anh Hùng Tuấn Kiệt ■ **KH 18:** Đặc Biệt 30 Tháng 4 ■ Viên Linh: Nền Văn Học của những người Vắng Mặt ■ **KH 17:** Nền Văn Minh Ông Đồ ■ **K.H 16:** Đặc Biệt Bùi Giáng ■ **K.H 15:** Ngồi Thiền Ở Hà Nội Với Phùng Quán ■ **K.H 13-14:** VU ĐÌNH LIÊN, tác giả bài thơ Ông Đồ. **K.H 12:** NHẬT HẠNH, BANG BA LÀN ■ **K.H 11:** HỮU LOAN, tâm sự và toàn văn bài Màu Tím Hoa Sim. **K.H 10:** SINH NIỆM MAI THẢO: Mặc Thu. Những Ngày Cuối ở Sài Gòn của Mai Thảo. Viên Linh: Mai Thảo Riêng Tôi * Nguyễn Tà Cúc: Tô Thủy Yến, Nhà Thơ ■ **K.H 9:** VĂN CAO, Giấc Mơ Một Đời Người. Bài vợ của Ký giả Lô Răng Phan Lạc Phúc. Trần Trọng San. Hoàng Hải Thủy. **K.H. 8:** Cuộc Đời THANH NAM. Bài vợ của Mặc Thu. Vũ Đức Vinh. Lê Tất Điều. Thơ W. Szyborska, **K.H 7:** VU THU TIỂU KHAI HUNG Năm 1947, bài của cựu thuyền trưởng Phạm Ngọc Lũy. Thơ Vương Đức Lệ. Phòng Tuyên Truyền Địa Ngục: Di cảo của Phùng Cung. Truyện dịch Đỗ Khánh Hoan. **K.H 6:** Tưởng Niệm Chu Tử với Mặc Thu. Viên Linh. Ba Cái Chết Sau 30 Tháng Tư. Lô Răng Phan Lạc Phúc. **K.H 5:** Kỷ Niệm Với Bình Nguyên Lộc. Kỷ Niệm Với Đình Hùng. Thái Văn Kiểm. Cung Trầm Tưởng. Mặc Thu ■ **K.H 4:** Gặp Trần Dần với Nguyễn Hữu Hiệu. Chiều Niệm Nhượng Tống: Phan Lạc Phúc * Văn Cờ Khai Xuân: Phùng Cung. Đỗ Khánh Hoan. Nguyễn Sỹ Tế. Trần Hồng Châu ■ **K.H 3:** Di Cảo Phùng Quán. Trần Trọng San. Nguyễn Sỹ Tế ■ **K.H 2:** Chiều Niệm Phạm Văn Sơn của Hoàng Ngọc Liên ■ **Khởi Hành số 1** Tục bản tại Hải Ngoại từ 11-96: Đa Kỳ Viết Từ Hà Nội của Phùng Cung.
■ **Khởi Hành** còn đủ bộ từ số 1 ■ **Giá \$72 mỹ kim**, bạn sẽ nhận được báo từ số 1 (11.1996 tới hết tháng 10.99) **Khởi Hành**, Nhiều Hình Ảnh Quí, Tài Liệu Chính Xác ■ Tác giả Tên Tuổi ■ Bài Vợ Chồng Chọn Lọc ■ Nhiều Bài Từ Trong Nước.

chủ nhiệm chủ bút: VIÊN LINH

báo để giá \$3.50 một số ■ mua dài hạn: 24 mỹ kim một năm (12 số) ■ ngân phiếu gửi về:

KhởiHành P.O.BOX 670, Midway City, CA. 92655

ĐỒNG NAI PHARMACY

CÔNG TY CUNG CẤP DƯỢC PHẨM VÀ DỤNG CỤ

9081 Bolsa Avenue, Suite #108 * Westminster, California 92683
(Gần tiệm Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank of California)

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU - Dược sĩ TRẦN THỊ LƯU ÁI

Tel: (714) 379-5072 * Fax: (714) 379-5074

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

- * Các loại dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
- * Các loại sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống truyền vào ruột hay truyền vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products)
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products).
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products).
- * Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

- * Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
- * Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital beds & Accessories).
- * Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products).
- * Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor), máy đo huyết áp (Blood Pressure Monitor).

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:

PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V....

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN

Thứ Hai - Thứ Sáu: 10:00AM - 7:00PM

Thứ Bảy: 10:00AM - 5:00PM

MUỐN CÓ CĂN BẢN TIẾNG ANH MAU LẼ

NÓI, VIẾT ANH NGỮ ĐÚNG VÀ HAY ĐỂ THÀNH CÔNG

TRAU GIỎI NHANH NHẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP

ZIÊN HỒNG

Nói, viết Anh Ngữ đúng và hay? Muốn có căn bản về Anh Ngữ mau lẹ và hữu hiệu nhất, quý vị nên dùng những sách do cố giáo sư **Lê Bá Kông** biên soạn rất công phu, hoàn toàn thích hợp với người Việt, căn cứ trên 40 năm kinh nghiệm.

Có rất nhiều điểm soạn giả ngoại quốc không biết là hệ trọng đối với học viên Việt, chẳng hạn cách dùng đúng: *a, an, the; in, on, at; may, might, should, would; present participles, gerunds, compound verbs, nouns and adjectives; âm dài và âm ngắn (fool, full; sleep, slip;...)*, và còn hàng trăm trường hợp khác.

Phương pháp **Ziên Hồng** rất thích hợp với người Việt và có nhiều trình độ tùy mục tiêu của quý độc giả muốn đạt tới.

THỰC TIỄN THÍCH HỢP

HỘI THOẠI VIỆT ANH PHÁP

Một cuốn sách gọn gàng, đầy đủ, thực tế, xinh xắn mà người Việt nào muốn trau dồi đàm thoại tiếng Anh và tiếng Pháp phải có. Có ghi phát âm từng chữ chuẩn xác và thích hợp để độc giả Việt tiện dùng.

Có cuốn cassette C-90 để dùng kèm, do nữ giảng viên Ruth Ascher giọng New York phát âm chuẩn xác rõ ràng và được viên ghi âm công phu. Ai dùng cũng hài lòng. Dùng phương pháp này trong 2 tới 3 tháng có thể đi chợ, mua sắm, thường đàm được.

#AV-3AC - US\$12.00



HỘI THOẠI VIỆT ANH QUẢNG ĐÔNG
#AV-3BC
US\$12.00

KẾT QUẢ NHANH TRỌNG

ANH NGỮ THỰC HÀNH

Cần nói ngay tiếng Anh? Thiếu giáo sư? Bạn công việc? Đây là phương pháp tự học.

Hướng dẫn đàm thoại. Sách được soạn công phu theo phương pháp sư phạm mới, xếp đặt thành từng chủ đề để học viên dễ hiểu và dễ nhớ lâu. Chia từng mục, đầy đủ tất cả các ngành sinh hoạt. Có bảng kê đầy đủ các động từ bất quy tắc, các đơn vị đo lường, trọng lượng, tiền tệ Anh, Mỹ.

Có 2 cassettes C-90 để dùng kèm, giọng cô Ruth Ascher, giảng viên New York.
#AV-2AB - US\$22.00

CĂN BẢN ANH NGỮ VỮNG CHẮC

MODERN ENGLISH



Kinh nghiệm hơn 40 năm của giáo sư Lê Bá Kông đã được tập trung để soạn bộ sách rất giá trị này, được các nhà chuyên môn

ngữ học Việt và ngoại quốc khen ngợi. Bộ gồm 4 cuốn giáo khoa từ sơ cấp đến hoàn bị, 4 cuốn hướng dẫn để tự học, và 8 cassettes C-90, giọng



cô Ruth Ascher, giảng viên New York.

Hướng dẫn phát âm điều luyện, hơn

hẳn những phương pháp khác.

Phần văn phạm và cú pháp căn bản vững vàng, hợp với người Việt, được giảng giải cặn kẽ, mạch lạc, dễ hiểu và đầy đủ.

Các bài tập nhằm vừa áp dụng những điểm mới học vừa ôn lại thường xuyên những điều đã học. Bài vở nhằm giúp học viên vui học.
#AV-1 - US\$99.00 toàn bộ.

Giá đặc biệt khi mua chung bộ **Modern English** và bộ **TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT VIỆT-ANH**, loại mới, hơn 900 trang, chữ lớn, đặc biệt có 2 lối phiên âm Quốc Tế và **Ziên Hồng**, bìa bọc plastic.
#AVTD-1 - US\$120.00

BỘ ANH VIỆT ĐỐI CHIẾU

Bộ 12 cuốn, 2,400 trang văn chương, dịch thuật công phu. Gồm những truyện ngắn lừng danh nhất thế giới, được trình bày Anh Việt đối chiếu. Sẽ giúp độc giả thưởng thức lời văn tuyệt vời và tư tưởng thâm trầm của các văn sĩ quốc tế.

Bộ sách này cũng rất tốt cho con em trau dồi tiếng Việt!
#ĐC-112 - US\$90.00 toàn bộ.



Ý nguyện của cố Giáo sư **LÊ BÁ KÔNG** là tiếp tục phụng vụ đồng bào đồng hương

Zieleks Company Inc.
(Ban Tu Thư **Ziên Hồng**)
2109 Kilkenny Dr. - Dept. KH5
Pearland, TX 77581, USA
(281) 481-3783

Xin gửi về:
Zieleks Company Inc.
2109 Kilkenny Drive
Dept. KH5
Pearland, Texas 77581, USA
(281) 481-3783

Xin quý hãng gửi cho chúng tôi

_____ US\$ _____
_____ US\$ _____
_____ US\$ _____
_____ US\$ _____
Cước phí _____ US\$ _____
Tổng cộng _____ US\$ _____

(Canada xin thêm 10%, các nước khác xin thêm 20% cho cước phí)

Kèm theo đây là:

☐ check ☐ money order
☐ chi tiết cho credit card

Tên _____

Địa chỉ _____

Tỉnh _____

Tiểu bang _____ Zip _____

Credit Card # _____

Hết hạn _____

Chữ ký _____

Điện thoại _____

GIẢI PHẪU THẨM MỸ

PLASTIC RECONSTRUCTIVE SURGERY

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA MỘT NHÓM BÁC SĨ VIỆT NAM VÀ MỸ
NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM VÀ UY TÍN

- CẮT MẮT HAI MÍ, LẤY MỠ DƯ MÍ MẮT TRÊN và DƯỚI.
- MŨI CAO, THON, ĐẸP BẰNG CHÍNH SỰ CỦA MÌNH. CẮT CÁNH MŨI THẬU HẸP TỬ BÊN TRONG KHÔNG ĐỂ LẠI Sẹo.
- SỬA CẨM LỆM.
- LÀM NGỰC CĂNG TRÒN, MỀM MẠI, ĐẸP TỰ NHIÊN BẰNG NƯỚC BIỂN.
- CĂNG ĐUÔI MẮT, CĂNG DA MẶT CĂNG DA TRÁN, CĂNG DA BỤNG
- HÚT MỠ MẶT, MỠ CỔ, MỠ BỤNG MỠ HÔNG và MỠ ĐÙI.
- SỬA NGỰC ĐÃ CÓ CHẤT SILICON HAY BỊ UNG THƯ.
- CHÍCH VẾT NHĂN VÀ LÀM MÔI MỌNG LÊN BẰNG COLLAGEN, BOTOX hay BẰNG MỠ CỦA CHÍNH MÌNH
- CHÍCH THUỐC CHO TAN ĐƯỜNG GÂN MÁU Ở ĐÙI VÀ Ở CHÂN.

ĐẶC BIỆT:

- NHẬN SỬA LẠI TẤT CẢ CÁC TRƯỜNG HỢP ĐÃ BỊ HƯ.
 - MICROSURGERY
 - ENDOSCOPIC SURGERY
 - LASER SURGERY



NHẬT HẠ

**GIẢI PHẪU
THẨM MỸ**
toàn khoa cho
**PHÁI NAM
và NỮ**

"SẮC ĐẸP MANG LẠI CHO CHÚNG TA SỰ TỰ TIN VÀ YÊU ĐỜI".
MUỐN ĐẸP VÀ QUYẾN RŨ TỰ NHIÊN, xin liên lạc NHẬT HẠ

GIẢI PHẪU THẨM MỸ
(Crystal Beauty Clinic)

5421 W. FIRST St. # 7, Santa Ana, CA. 92703

TEL: (714) 265-5353
Pager: (714) 652-1781

KHÔNG THỂ BỎ QUA CUỐN PHIM ĐƯỢC HOAN NGHÊNH
NHIỀU NHẤT TRONG LỊCH SỬ ĐẠI HỘI ĐIỆN ẢNH SUNDANCE!

W I N N E R
GRAND JURY PRIZE
1999 SUNDANCE FILM FESTIVAL

AUDIENCE AWARD
1999 SUNDANCE FILM FESTIVAL

CINEMATOGRAPHY AWARD
1999 SUNDANCE FILM FESTIVAL

“MỘT CUỐN PHIM ĐẸP MỊN MÀNG.”

—Janet Maslin, THE NEW YORK TIMES

“THẬT LÀ MÊ HOẶC!”

—Jeffrey Lyons, WNBC-TV



THREE SEASONS BA MÙA

Một câu chuyện quanh quẩn những đổi thay, chọn lựa và may mắn thêm lần nữa.

OCTOBER FILMS PRESENTS AN OPEN CITY FILMS PRODUCTION IN ASSOCIATION WITH THE GOATSINGERS
A FILM BY TONY BUI "THREE SEASONS" DON DUONG NGUYEN NGOC HIEP TRAN MANH CUONG ZOE BUI NGUYEN HUU DUOC
AND HARVEY KEITEL CASTING QUAN LELAN COSTUME DESIGNER GHIA CI FAM MUSIC BY RICHARD HOROWITZ LINE PRODUCER TRISH HOFMANN PRODUCTION DESIGNER WING LEE EDITOR KEITH REAMER
DIRECTOR OF PHOTOGRAPHY LISA RINZLER CO-PRODUCER TIMOTHY LINH BUI CO-EXECUTIVE PRODUCER CHARLES ROSEN EXECUTIVE PRODUCER HARVEY KEITEL STORY BY TONY BUI AND TIMOTHY LINH BUI
PRODUCED BY JASON KLIOT, JOANA VICENTE AND TONY BUI WRITTEN AND DIRECTED BY TONY BUI
©1999 OCTOBER FILMS, INC. ALL RIGHTS RESERVED.



Ánh Hồng

7 Courses of Beef Restaurant

10195 WESTMINSTER AVE. GARDEN GROVE, CA. 92643

Điện thoại: (714) 537-5230

CHÁNH GỐC CỔNG XE LỬA SỐ 8 PHÚ NHUẬN
SÁNG LẬP TỪ NĂM 1954

Chuyên môn thức ăn thuần túy Việt Nam
do chính chủ nhân Bà **Lê Văn Khá** trực tiếp điều khiển



CÁC MÓN ĐẶC BIỆT:

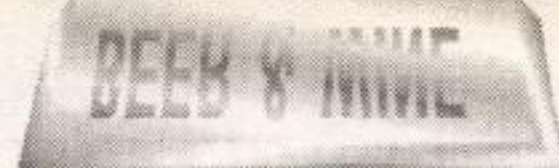
Bánh Hủ Bò Tôm Cuốn
Bánh Hủ Chạo Tôm
Cá Hấp, v.v...

CÁC MÓN ĂN KHAI VI

Chim Cút Quay
Càng Cua Bọc Tôm, v.v...



BEER & WINE



Nhiều Loại Nhập Cảng
Từ Pháp, Chí Lợi, Đức...



GIỜ MỞ CỬA:

7 NGÀY TRONG TUẦN

THỨ HAI ĐẾN THỨ NĂM: 4:00PM-9:30PM

THỨ SÁU & THỨ BẢY: 11:00AM-10:30PM

CHỦ NHẬT: 11:00AM-9:30PM

Gia Đình **ÁNH HỒNG** kính mời

SAN JOSE

1818 Tully Road # 150
San Jose, CA. 95122
(408) 270-1096

ORANGE COUNTY

10195 Westminster Ave.
Garden Grove, CA. 92643
(714) 537-5230

SAN FRANCISCO

808 Geary Ave
San Francisco, CA. 94109
(415) 885-5180

LOS ANGELES

8748 E. Valley Blvd. # A
Rosemead, CA 91770
(818) 572-9805

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

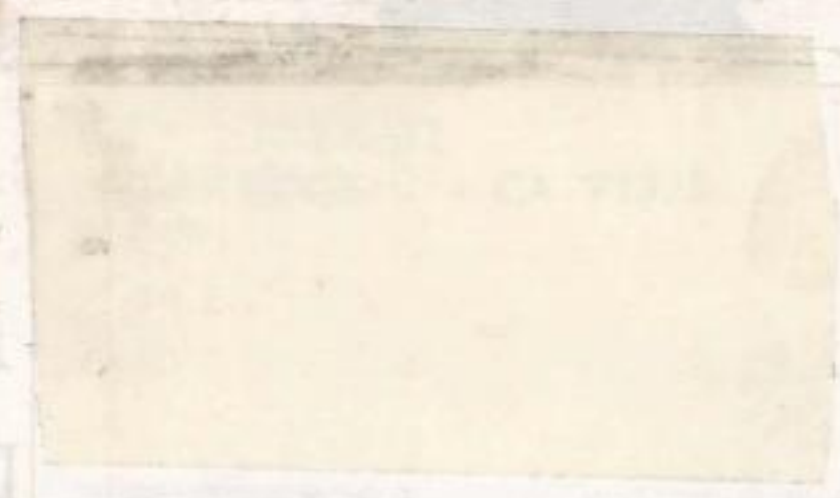
AN ARTS AND LITERARY REVIEW
PUBLISHED MONTHLY

VIÊN LINH
PUBLISHER, EDITOR - IN - CHIEF

mailing address:

P.O. BOX 670
MIDWAY CITY
CALIF. 92665

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
WESTMINSTER, CA
PERMIT NO. 49



Volume III, Number 31 ■ MAY 15.1999 ■ Giá \$ 3.50

Vừa Phát Hành

BÍ MẬT HẬU TRƯỞNG CHÍNH TRỊ MIỀN NAM

1954 - 1975

của

ĐẶNG VĂN NHÂM

Làm báo từ 1952, Tổng Thư Ký Hội Chủ Báo V.N. trong thập niên '60, chủ nhiệm Nhật Báo TIỀN tại Sài gòn, ký giả Đặng Văn Nhâm đã tiếp xúc với hầu hết các nhân vật hai phái hắc bạch đạo của chính trường Miền Nam, từ Thất Sơn tới Cố Đô, trong Dinh Độc Lập tới Các Quân-Khu, giữa Tổng nha Cảnh sát tới Phòng Kế Hoạch Mật Vụ, từng kề cận Bs Trần Kim Tuyến, nghe và được ông Tuyến xác nhận những chuyện không ai có thể ngờ.....

GIỚI CHÍNH TRỊ. TÌNH BÁO. THÂM CUNG NGOẠI SỬ. TÔN GIÁO.
NHỮNG MUA BÁN, TRAO ĐỔI QUYỀN BÍNH, VỢ VÀ NHÂN TÌNH
NGAY TỪ DINH THỦ TƯỚNG TỚI VĂN PHÒNG QUỐC HỘI...

Táo bạo nhất từ trước tới nay. Vì sự thật, phụng sự Sự Thật

Cuốn I, dày 800 trang, nhiều hình ảnh, Giá \$25 mk tại Hoa Kỳ,
thêm \$3 mỹ kim cước phí tại các nước khác, trừ Đan Mạch liên
lạc với Tác giả qua Phone & Fax (011-45-43-71-74-64).

Đại Lý Sách Báo và Độc Giả Muốn Mua xin liên lạc với:
(714) 557-7848 ■ (714) 418-0390



Cuốn sách nói đến trên 200 nhân vật, từ lúc vô danh tới khi nhẩy lên bàn đọc. Chiến tranh Diệt Báo. Chỉ đích danh các Tướng buồn lậu, Nói thẳng nói rõ những cuộc ngoại tình. Các trò phản bội vì tiền tài chức vụ.

Những gì bạn từng nghe đồn, tác giả Đặng Văn Nhâm viết ra rõ ràng, chỉ đúng mặt, nói đúng tên, không né một ai.